



Cho Trái Đất Luôn Xanh



***Vận hội Mới  
Xuất phát Mới***

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**

**CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

# KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY



- ▶ Thông tin khái quát
- ▶ Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh
- ▶ Các sản phẩm tiêu biểu
- ▶ Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2015
- ▶ Một số thông tin tài chính cơ bản
- ▶ Thông điệp của Chủ tịch HĐQT



TRỤ SỞ CHÍNH TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH





## PHẦN 1 GIỚI THIỆU CÔNG TY

- ▶ Tầm nhìn - Sứ mệnh
- ▶ Quá trình hình thành - phát triển

## PHẦN 2 CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ▶ Nhân sự và chính sách cho người lao động
- ▶ Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- ▶ Giới thiệu Ban Điều hành
- ▶ Quản trị theo giá trị
- ▶ Các công ty con và công ty liên kết

## PHẦN 3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- ▶ Năng lực cốt lõi
- ▶ Chiến lược và kế hoạch kinh doanh 2016 – 2020
- ▶ Quản trị rủi ro

## PHẦN 4 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

- A. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- B. Tổ chức và nhân sự
- C. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- D. Tình hình tài chính
- E. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## PHẦN 5 CÁC BÁO CÁO – ĐÁNH GIÁ

- F. Báo cáo và đánh giá của Ban Điều hành
- G. Đánh giá của Hội đồng Quản trị
- H. Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát

## PHẦN 6 QUẢN TRỊ CÔNG TY

- I. Hội đồng Quản trị
- J. Ban Kiểm soát
- K. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát

## PHẦN 7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN 2015

- L. Ý kiến kiểm toán
- M. Báo cáo tài chính đã kiểm toán

## PHỤ LỤC 1 BÁO CÁO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

# CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH



Mã chứng khoán: TTF

Tên tiếng Anh: Truong Thanh Furniture Corporation

Tên viết tắt: TTFC hoặc TTF

Giấy CNĐKKD: Số 3700530696 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, đăng ký thay đổi lần 15 ngày 03 tháng 9 năm 2015

VỐN ĐIỀU LỆ:

**1.400.939.400.000 VND**

(Một ngàn bốn trăm tỷ chín trăm ba mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng)



VỐN CHỦ SỞ HỮU:

**1.839.067.222.986 VND**

(Một ngàn tám trăm ba mươi chín tỷ sáu mươi bảy triệu hai trăm hai mươi hai ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng)

**Ngành nghề kinh doanh chính:**



- ▶ Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại đồ gỗ nội ngoại thất, ván dăm PB, ván ép, ván lạng và ván sàn;
- ▶ Trồng rừng, sản xuất nông lâm nghiệp
- ▶ Mua bán nguyệt vật liệu ngành chế biến gỗ;
- ▶ Sản xuất và mua bán bao bì giấy

**Địa bàn kinh doanh:**



- ▶ Trên 30 quốc gia trên thế giới bao gồm Châu Âu (Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha...), Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Nam Phi, Nga...
- ▶ Tại Việt Nam bao gồm TP.HCM, Hà Nội, Tây Ninh, Bình Dương, Đà Lạt, Dak Lak, Dak Nong, Bến Tre, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Nha Trang, Bình Định, Đà Nẵng, Huế, ...

**LOGO CỦA CÔNG TY**



**Trụ sở chính:** Đường ĐT 747, Khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

**Điện thoại:** (84-0650) 3642 004 **Fax:** (84-0650) 3642 006

**Email:** contact@truongthanh.com

**Website:** www.truongthanh.com



## CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SẢN PHẨM NỘI THẤT



SẢN PHẨM NGOẠI THẤT



SẢN PHẨM VÁN SÀN



SẢN PHẨM CỬA GỖ



SẢN PHẨM DÀNH CHO CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ NỘI THẤT



TÓM  
TẮT

## KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2015



Tổng  
doanh số  
hợp nhất  
đạt

**2.752.987.675.611 vnd**

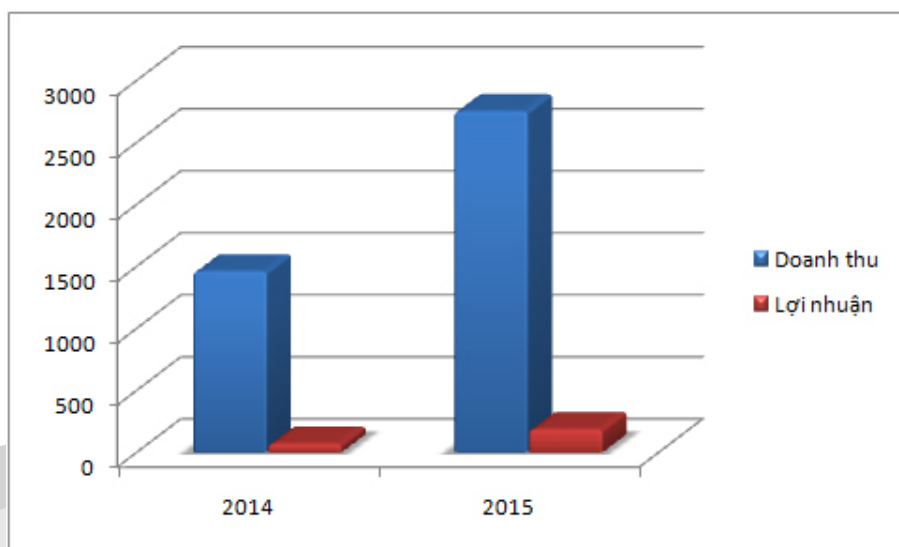
tăng 88.3% so với 2014

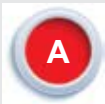


Lợi nhuận  
sau thuế  
của cổ  
đồng của  
Công ty mẹ  
đạt:

**188.885.208.894 vnd**

tăng 170% so với 2014





**A KẾT QUẢ KINH DOANH:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2011	2012	2013	2014	2015
Tổng doanh thu	3.015	2.625	1.550	1.461	2.752
Lợi nhuận gộp	362	335	305	276	345
Tỷ suất lợi nhuận gộp/ doanh thu thuần	12,07%	12,75%	19,74%	18,89%	12,54%
Chi phí tài chính	292	241	219	63	70
Chi phí bán hàng	28	18	13	20	22
Chi phí quản lý	109	89	78	104	109
Lợi nhuận trước thuế	16,99	(0,70)	(4,17)	105	240
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	9,29	2,50	3,87	71	188
EPS (đồng)	297	74	76	911	1.504



**B CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI THỜI ĐIỂM 31/12:**

Đơn vị tính: tỷ đồng

Diễn giải	2011	2012	2013	2014	2015
Tài sản ngắn hạn	2.559	2.539	2.786	3.101	3.527
Tài sản dài hạn	780	759	732	911	1.062
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.339</b>	<b>3.298</b>	<b>3.518</b>	<b>4.012</b>	<b>4.589</b>
Nợ ngắn hạn	2.418	2.318	2.418	2.629	2.088
Nợ dài hạn	124	192	152	133	662
<b>Tổng Nợ phải trả</b>	<b>2.542</b>	<b>2.510</b>	<b>2.570</b>	<b>2.762</b>	<b>2.750</b>
Vốn Chủ sở hữu	687	682	852	1.250	1.839
Lợi ích của cổ đông thiểu số	110	96	106	94	110
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>3.339</b>	<b>3.298</b>	<b>3.518</b>	<b>4.012</b>	<b>4.589</b>



THÔNG điệp  
**CỦA CHỦ TỊCH  
HĐQT**



## Kính thưa: Quý Cổ đông, Quý khách hàng và toàn thể Cán bộ CNV của công ty.

Trong năm qua, nhờ sự đồng hành và hỗ trợ quý báu của Quý cổ đông, Quý khách hàng, các nhà đầu tư mới và Cán bộ CNV, chúng ta đã thành công trọn vẹn kế hoạch tái cấu trúc. Thông thường kết quả sản xuất kinh doanh rất khó vượt lên cao song hành trong thời gian tái cấu trúc. Nhưng nhờ sự đồng hành này đã giúp công ty vượt được kế hoạch kinh doanh mà đại hội đã giao phó.

Tuy nhiên, tôi và quý vị có thể thấy rằng: đó chỉ là bước đầu và chỉ công ty mẹ vượt lên trước, các công ty con chưa đồng bộ tiến lên, phần lớn cũng còn kết quả kinh doanh kém nên chưa thể có báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như mong đợi. Điều này cho thấy HĐQT, Ban điều hành còn rất nhiều việc phải làm, thực hiện quản trị sự thay đổi, để từ công ty mẹ đến các công ty con chất lượng quản trị tốt lên, nhằm phát triển tập đoàn nhanh chóng và bền vững, còn kịp thời và đủ sức chộp lấy các thời cơ trong vận hội mới, vốn dĩ nhiều thử thách, bởi nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới đã được Chính phủ ký kết trong cùng một thời gian.

Được sự đồng viên và khích lệ của quý vị, lần này HĐQT, Ban điều hành dựa vào nguồn lực mới, đã chi tiết hóa các định hướng chiến lược của Đại hội, lập kế hoạch kinh doanh rõ ràng, các dự án đầu tư cần trọng để thực hiện hóa và phát triển công ty, chẳng những hoàn thành kế hoạch năm 2016 này mà còn cho 5 năm tiếp theo. Các kế hoạch và dự án đầu tư, cũng đã tiên liệu nhiều giải pháp, quản trị rủi ro kỹ lưỡng, tạo ra triển vọng cao trong thực hiện, kiểm soát trong quá trình để đảm bảo đi đến thành công.

Năm nay có thể xem như là một năm, mà công ty được đặt vào vạch xuất phát mới, nhưng trong một giải đấu lớn hơn nhiều. Do vậy sự hoạch định công phu và kiểm soát quá trình chặt chẽ, có nhiều giải pháp sáng tạo, linh hoạt với các chuyển biến, sự thay đổi. Đòi hỏi tất cả các nhà quản lý của công ty: sáng tạo, nhiệt tâm và mẫn cán hơn nữa để thực hiện thành công kế hoạch và sứ mệnh mà đại hội đã giao phó.

Kính thưa quý vị!

Sau tái cấu trúc, công ty còn giữ được đầy đủ diện tích rừng mà chúng ta đã đầu tư từ hàng chục năm trước đến giờ. Ngoài ra còn đáng kể diện tích đất đai để trồng rừng thêm song song với việc trồng lại vụ thứ hai từ diện tích mà chúng ta đã thu hoạch trong năm. Tôi cho rằng đây là một tài sản quý giá của chúng ta. Ít nhất là tất cả cổ đông, Cán bộ CNV của chúng ta có quyền tự hào về việc công ty chúng ta đã tạo ra hàng trăm lần oxy cho sinh quyển, giữ được nguồn nước hàng chục lần so với mức sử dụng của chúng ta trong hoạt động sản xuất, sinh hoạt của công ty. Đặc biệt là các cánh rừng của chúng ta đang góp phần ổn định nguồn nước cho sông Đồng Nai – nguồn nước chính yếu cho thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành phụ cận. Diện tích rừng của chúng ta đã lên đến gần 14.000 ha và được trồng tăng thêm hàng năm, luôn nhiều hơn mức mà chúng ta thu hoạch phục vụ cho nền sản xuất của công ty.

Bằng chứng là chúng ta được nhận tiền dịch vụ môi trường rừng từ năm ngoái, năm nay và những năm tiếp theo. Số tiền hơn 1 tỷ đồng hằng năm là chưa lớn mặc dù sẽ được tăng thêm theo xu hướng của thế giới. Nhưng quan trọng hơn là sự công nhận từ cộng đồng và các tổ chức môi trường quốc tế đối với công ty qua việc đóng góp oxy cho sinh quyển, giữ nguồn nước ổn định cho các dòng sông và chống lại sự biến đổi khí hậu, giảm nguy cơ hiệu ứng nhà kính.

Thưa quý vị!

Tôi tin tưởng rằng với nguồn lực của công ty hiện tại, song song với các cải tiến mạnh mẽ, không ngừng về quản trị công ty đặc biệt là quản trị sự thay đổi cho phù hợp với một thế giới đang nhanh chóng đổi thay, công ty sẽ kịp hoàn thiện mình để đi vào quỹ đạo phát triển bền vững, lớn mạnh kịp thời nhằm đua tranh với các công ty đa quốc gia trong ngành đang đầu tư mở rộng và đầu tư mới, mạnh mẽ tại Việt Nam. Nhưng trước mắt thì HĐQT và BĐH cần hết sức quan tâm để thực hiện đạt và vượt kế hoạch 5 năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

Tôi cũng tin tưởng rằng: các dự án đầu tư của công ty đã được Đại hội thông qua bao gồm:

- 1) Nhà máy sản xuất ván sàn công nghệ cao.
- 2) Nhà máy sản xuất cửa đi với dây chuyền sơn tự động.

Hai nhà máy này được xây dựng trên phần đất có sẵn chưa sử dụng của công ty với công nghệ tiên tiến, tính tự động cao, ít sử dụng công nhân, có tính đến chi phí lao động sau 10-12 năm nữa, chắc chắn sản phẩm mới sẽ tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, về giá thành giúp chúng ta tăng trưởng thêm hơn 500 tỷ doanh số và 60 tỷ lợi nhuận từ năm 2017.

Việc Đại hội cũng đã phê duyệt cho công ty mua 100% phần góp vốn của một công ty Hàn Quốc với diện tích đến 72.000 m<sup>2</sup> tại thị xã Tân Uyên cũng giúp công ty rút ngắn được thời gian phát triển quy mô và nhanh chóng thực hiện tầm nhìn: Top 50 công ty đồ gỗ trên toàn thế giới.

Tôi tin tưởng các dự án kể trên là sự đầu tư tốt và đúng thời điểm mang lại sự tăng trưởng mạnh mẽ cho công ty chúng ta từ năm 2017 và các năm tiếp theo.

Tôi cam kết sẽ cùng với HĐQT, BĐH nỗ lực hết sức, làm việc năng động, sáng tạo, không ngừng gia tăng chất lượng quản trị để phát triển công ty nhanh chóng và bền vững, có trách nhiệm với cổ đông, với cộng đồng và đóng góp cho lợi ích quốc gia.

Tôi kính chúc quý vị luôn sức khỏe, hạnh phúc và thành công trong công việc.

Trân trọng,

**Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**



**VÕ TRƯỜNG THÀNH**



## PHẦN 1 GIỚI THIỆU CÔNG TY



### TẦM NHÌN

DUY TRÌ VỊ THẾ DẪN ĐẦU NGÀNH CHẾ BIẾN GỖ TẠI VIỆT NAM, VÀ TRỞ THÀNH TOP 50 NHÀ SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM GỖ CÓ DOANH SỐ LỚN NHẤT THẾ GIỚI TỪ NĂM 2025;

DUY TRÌ THƯƠNG HIỆU ĐỨNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC CUNG CẤP SẢN PHẨM GỖ TẠI THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA;

TRỞ THÀNH TOP 3 NHÀ TRỒNG RỪNG TƯ NHÂN (CÓ HOẠT ĐỘNG CHẾ BIẾN GỖ) CÓ DIỆN TÍCH RỪNG TRỒNG LỚN NHẤT KHU VỰC ASEAN TỪ NĂM 2025.





- Mang “cơ hội lợi nhuận” đến cho nhiều nhà nhập khẩu, bán sỉ và phân phối đồ gỗ phân phối tại Việt Nam;
- Luôn gia tăng sự thỏa mãn của khách hàng theo các tiêu chí đã đề ra: giá cả cạnh tranh, giao hàng đúng hẹn, chất lượng đúng thỏa thuận, luôn cải tiến – sáng tạo và phục vụ tốt nhất;
- Mang đến cho cuộc sống những sản phẩm gỗ đẹp mắt, tiện dụng, an toàn, làm cho người sử dụng cảm thấy thoải mái, hạnh phúc và tự tin;
- Phát triển trồng rừng sản xuất tại Việt Nam, góp phần bảo vệ môi trường, chống phá rừng trên toàn thế giới, để TTF nói riêng và ngành chế biến gỗ nói chung có thể phát triển bền vững, bên cạnh việc đóng góp vào việc chống lại sự biến đổi của khí hậu – làm tăng lên mức sạch cho sinh quyển;



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN



Khởi nghiệp là một cơ sở nhỏ chế biến gỗ tại EaH'leo – Dak Lak

---



Mua lại nhà máy VINAPRIMART của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tiên của tỉnh và chuyển thành nhà máy chế biến ván sàn và đồ gia dụng nội – ngoại thất bằng gỗ cho thị trường xuất khẩu, chính thức thành lập **Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF)**

---



**NĂM  
2001**

Sau khi thành lập phòng tiếp thị quốc tế, với biên chế vốn vẹn 2 người, với bức xúc khi bị quá nhiều thiệt thòi vì phải bán hàng xuất khẩu qua trung gian, TTF đã mạnh dạn “mang quân đi đánh xứ người” tại những hội chợ chuyên ngành quốc tế tại Singapore, Mỹ và Nhật Bản, tiếp cận hơn 300 khách hàng mới, **bắt đầu bán hàng trực tiếp vào các hệ thống siêu thị hàng đầu Châu Âu** như Carrefour, Homebase ... và những khách hàng nổi tiếng như Lapeyre, Alexander Rose...



**NĂM  
2003**

Quyết định chuyển loại hình công ty "TNHH" sang "cổ phần" với chương trình ưu đãi cho một số cán bộ chủ chốt mua cổ phần với giá bằng mệnh giá

**NĂM  
2005**

### **NHẬN ĐƯỢC NHỮNG GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ CAO QUÝ DÀNH CHO CHẤT LƯỢNG:**

- “Cúp vàng chất lượng Châu Âu” (European Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club trao tặng tại Roma – Ý vào tháng 10.
- “Cúp vàng Chất lượng Quốc tế” (International Trophy For Quality) do Trade Leader’s Club (Câu lạc Bộ Doanh nhân hàng đầu thế giới) trao tặng tại Tây Ban Nha vào tháng 11.
- “Huy chương quản lý chất lượng toàn cầu” được Trade Leader’s Club trao tặng cho Chủ tịch Võ Trường Thành tại Tây Ban Nha vào tháng 11.



**NĂM  
2006**

- Với thực trạng có đơn hàng lớn phải đặt hàng vệ tinh bên ngoài nên chất lượng không đồng bộ với Công ty và thường xuyên bị trễ, HĐQT quyết định mở rộng quy mô sản xuất thông qua việc đầu tư vào 03 nhà máy chế biến gỗ tại Đắk Lắk và Bình Dương.
- Bên cạnh đó, TTF còn thực hiện chiến lược hội nhập lùi bằng cách đầu tư vào công ty Lidovit – một nhà cung cấp vật tư lớn ốc vít của Công ty;
- Quý Aureos Đông Nam Á (ASEAF) đã trở thành cổ đông nước ngoài đầu tiên của Công ty vào ngày 31/12/2006, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng cho sự phát triển của TTF.
- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng “Sao vàng Chất lượng Quốc tế” (International Gold Star Award) do tổ chức BID trao tặng vào tháng 10 tại Thụy Sĩ.

**NĂM  
2007**

- Phát hành cho cổ đông riêng lẻ và tiến hành IPO thu hút vốn từ các nguồn cổ đông trong và ngoài nước, tăng vốn điều lệ lên thành 150 tỷ đồng cùng với thặng dư vốn trên 470 tỷ đồng;
- Tiếp tục đầu tư mảng chế biến gỗ vào 1 công ty tại TP.HCM và 1 công ty tại Phú Yên
- Thành lập các công ty trồng rừng tại Dak Lak và Phú Yên theo dự án trồng 100.000 ha rừng sản xuất tại Việt Nam.

• Chính thức giao dịch trên thị trường chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/01/2008

• Là một trong 30 doanh nghiệp đầu tiên có thương hiệu được Chính phủ chọn vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia

• Đưa vào hoạt động một nhà máy chế biến gỗ hiện đại nhất Việt Nam tại Bình Dương và cũng là công ty sản xuất chế biến gỗ lớn nhất Tập đoàn: Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành



**NĂM  
2008**



- Đạt giải Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn
- Tiếp tục đầu tư thêm 74 tỷ đồng vào các công ty đã nêu và một công ty chế biến gỗ tại Bình Dương, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng 396 tỷ đồng



- Tiếp tục được lựa chọn là một trong 43 doanh nghiệp tham gia vào Chương trình Thương hiệu Quốc gia lần 2
- Tiếp tục đầu tư thêm 54 tỷ đồng vào các công ty đã nêu và một công ty làm bao bì cho sản phẩm gỗ, đạt tổng giá trị đầu tư dài hạn đến 31/12 là khoảng 450 tỷ đồng.
- Đạt giải Báo cáo thường niên xuất sắc nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn



- Đạt giải Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HOSE) tổ chức xét chọn.
- Tiếp tục được quốc tế công nhận với giải thưởng “Cúp Kim cương Chất lượng Quốc tế” do tổ chức BID trao tặng vào tháng 4 tại Pháp.
- Chính thức khai sinh cho dòng sản phẩm Ván sàn Kỹ thuật cao với đặc tính siêu chịu nước (đun sôi 72 giờ không bị hư hỏng) và siêu chống trầy xước (độ cứng 8H, độ mài mòn AC5).
- Thành lập Phòng thí nghiệm phục vụ công tác nghiên cứu và phát triển của Công ty. Phòng thí nghiệm có khả năng thực hiện việc kiểm soát từ các loại hóa chất, độc tố trong sản phẩm đến khả năng kiểm soát về cơ lý, độ bền vật liệu của gỗ, ván nhân tạo và sản phẩm. Qua sự đầu tư này, Công ty đã có khả năng nghiên cứu và phát triển tốt hơn sẽ giúp bộ phận sản xuất có thể tạo ra nhiều sản phẩm tốt trong tương lai và thu hồi được vốn đầu tư nhanh chóng. Các dòng sản phẩm này đã được chính thức tung ra thị trường VN và quốc tế từ tháng 5/2012.



**NĂM  
2011**

- Xây dựng Tổng kho của TTF tại Tân Uyên, Bình Dương, với tổng đầu tư khoảng 90 tỷ đồng
- Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Bình Chuẩn – Thuận An – Bình Dương, để di dời nhà máy tại đây lên khu vực Tân Uyên, cạnh nhà máy của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành, nhằm giảm chi phí vận chuyển và gia tăng quản lý.

- Đạt giải Top 10 Báo cáo thường niên tốt nhất do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HOSE) tổ chức xét chọn
- Được trao tặng Bằng khen Đã có nhiều năm có Báo cáo Thường niên được trao giải tại các cuộc bình chọn BCTN trong 5 năm qua do Chủ tịch UBCKNN ký tặng
- Sự việc giảm vay ngắn hạn gần 154 tỷ theo tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2012 và theo yêu cầu của các ngân hàng dưới chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ - trong bối cảnh Tập đoàn chưa thể tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu, làm cho TTF rơi vào giai đoạn khó khăn nhất về ngân lưu từ khi thành lập năm 2000. Do đó, Công ty không thể hoàn tất đơn hàng và xuất đúng hạn cho khách, dẫn đến việc lần đầu tiên bị sụt giảm doanh số trong quá trình hình thành và phát triển, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất đã bị lỗ khoảng 2,9 tỷ đồng, mặc dù sau khi trừ đi Lợi ích của Cổ đông thiểu số thì Cổ đông của Công ty mẹ vẫn còn lãi gần 2,5 tỷ đồng.



**NĂM  
2012**

Trong suốt năm 2013, Công ty ở trong tình trạng vô cùng khó khăn, Công ty đã nhiều lần suýt rơi vào tình trạng ngưng hoạt động liên tục. Mãi đến tháng 9/2013, với ý chí vượt qua khó khăn của HĐQT, TTF đã tránh được nguy cơ ngưng hoạt động nêu trên. Bên cạnh đó, TTF đã chính thức bước vào giai đoạn tái cơ cấu tài chính với nhiều bước thực hiện trong vòng 18 tháng kể từ tháng 11/2013.



**NĂM  
2013**

Trong năm 2014, TTF bước vào giai đoạn tái cấu trúc tài chính mạnh mẽ, đã đạt được 70% kế hoạch đề ra. Song song với tái cấu trúc tài chính, Công ty cũng dần hồi phục sản xuất, chi phí tài chính giảm đồng thời được miễn giảm lãi và cơ cấu nợ của một số ngân hàng đã giúp dòng tiền công ty mạnh trở lại, sản xuất có hiệu quả do đó đã đạt lợi nhuận khá trong năm 2014 và tạo tiền đề phát triển 2015.



- Công tác tái cấu trúc đã hoàn thành 100% theo kế hoạch đề ra, song song với tái cấu trúc tài chính là công tác tái cấu trúc nhân sự, và kết quả là Công ty đã đạt doanh số vượt kế hoạch mà Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt với mức tăng trưởng doanh số thật ấn tượng, tăng 88,3% so với năm 2014.
- Song song đó, công ty đã phát hành thành công khoản vay chuyển đổi vào tháng 9/2015 là 603.5 tỷ và tiếp sau đó là khoản vay chuyển đổi 598.6 tỷ vào tháng 1/2016 cho đối tác chiến lược là Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát (thuộc Tập đoàn VinGroup đã giúp công ty có dòng tiền lớn phục vụ các công tác cơ cấu nợ và vốn kinh doanh. Đây được xem là bước đột phá trong việc lựa chọn đối tác chiến lược.
- Việc phát hành khoản vay chuyển đổi với giá bán khá phù hợp với giá thị trường theo từng thời điểm và tính lần lượt là 14.200 đồng và 22.000 đồng. Với quyết định này của HĐQT đã được cổ đông và nhà đầu tư đánh giá rất cao và việc này đã giúp công ty bứt phá lên tầm cao mới.
- Việc quyết định này cũng đã làm giá TTF giao dịch trên sàn rất cao so với trước đó mang lại nhiều lợi ích cho hầu hết cổ đông.
- Đối với dài hạn thì công ty Tân Liên Phát là công ty thuộc Vingroup đang triển khai nhiều dự án bất động sản lớn và trọng điểm trong nhiều năm nên đem lại nhiều đơn hàng lớn và giá trị cho TTF. Đây là giá trị lớn và lâu dài mà cổ đông chiến lược đem lại cho TTF.



# CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ



## PHẦN 2 CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

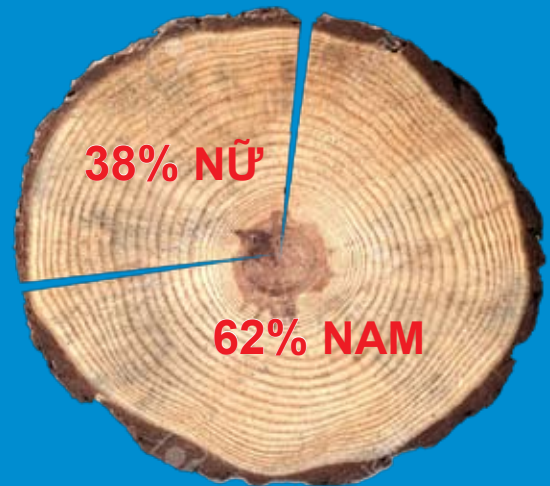
1

### NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### 1.1. Số lượng người lao động trong Công ty (kể cả các công ty con trong Tập đoàn)

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 3.599 người, trong đó:

- Nam: chiếm 62%
  - Nữ: chiếm 38%
- Trong đó, trình độ từ PTTH trở lên chiếm 30%



#### 1.2. Chính sách đối với người lao động:

##### 1.2.1. Chế độ làm việc:

- Công ty thực hiện chế độ 40 giờ/tuần (làm việc 5 ngày/tuần) đối với lực lượng lao động và 48 giờ/tuần (làm việc 6 ngày/tuần) đối với lực lượng trực tiếp
- Còn lại các chế độ khác đều tuân thủ theo Luật Lao động hiện hành của Việt Nam

## 1.2.2. Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

### a) Tuyển dụng

- Đảm bảo rằng chính sách tuyển dụng của Công ty không phân biệt giới tính và địa vị, phù hợp với các quy định của Nhà nước, của SA 8000 (Social Accountability – Trách nhiệm Xã hội) và ILO (International Labor Organization – Tổ chức Lao động Quốc tế)
- Ưu tiên tuyển dụng những người trẻ và thông minh, có trình độ học vấn cao để Công ty đào tạo trong chương trình cán bộ nguồn nhằm đáp ứng cho nhu cầu liên tục phát triển và mở rộng quy mô Tập đoàn, cũng như tăng cường cho các công ty con.
- Thu hút những người có kinh nghiệm trong ngành, nhiệt tình, có trách nhiệm, ham học hỏi, biết sáng tạo. Ưu tiên những người có khả năng phân tích tổng hợp, xử lý tình huống và quản trị công việc tốt.



Sinh viên Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM nhận học bổng - năm học 2015



TGD Võ Trường Thành trao học bổng cho đại diện Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM - năm học 2015

- Đối với một số vị trí cấp cao như Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính và các Giám đốc khác, Công ty ưu tiên tuyển dụng những người có học vị Thạc sĩ trở lên và được đào tạo từ các nước tiên tiến cũng như có kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng huấn luyện và trình độ chuyên môn thích hợp.
- Đối với công nhân, chúng tôi ưu tiên tuyển những người đến từ địa phương có nền công nghiệp ít phát triển, và đào tạo họ trở thành công nhân kỹ thuật lành nghề, hoặc trở thành những cán bộ quản lý sản xuất, phát triển sự nghiệp cùng với sự phát triển của Tập đoàn.
- Đối với cán bộ công nhân viên có chỗ ở ổn định cách công ty từ 15km trở lên, công ty bố trí xe đưa đón từ nhiều tuyến: Long Thành, Biên Hòa (Đồng Nai); Thủ Dầu Một, Sóng Thần (Bình Dương); Hóc Môn, Quận 12, Đại học Nông Lâm, Hành xanh (TP.HCM).
- Đối với Cán bộ công nhân viên đến từ các tỉnh, Công ty có trang bị nhà với đầy đủ tiện nghi căn bản. Điều này góp phần ổn định lực lượng lao động của Công ty.

- Mục tiêu của Tập đoàn là trở thành Công ty hạng nhất trong năm 2016 và tham gia dự án Phát triển doanh nghiệp bền vững SCORE . Năm 2016, Công ty sẽ đầu tư mạnh các hoạt động:

- + Thiết lập và mở rộng kênh, phương án tuyển dụng cũng như nâng cao tiêu chí tuyển dụng nhằm tuyển chọn lực lượng lao động mới đáp ứng cao về chất và lượng. Năm 2016, chỉ tiêu tuyển mới từ bên ngoài 1 Tổng giám đốc và 2 Phó tổng giám đốc và 10 cán bộ khung cán bộ trung gian cấp Trưởng phó phòng và giám đốc khối.

- + Xây dựng Chương trình Nhân sự hạng 1 và chương trình Người dẫn đường năm 2016. Với chương trình này, chậm nhất kết thúc quý 2 năm 2016, Công ty sẽ bổ nhiệm được ít nhất 2 Phó tổng giám đốc và 10 cán bộ trung gian cấp Trưởng phó phòng và giám đốc khối.

- + Việc thành lập ban cải tiến đã mang lại thành công trong việc tăng năng suất lên 150% sau 6 tháng hoạt động. Năm 2016, ban cải tiến dưới sự chỉ đạo của Phó Tổng Giám đốc có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất sẽ hoạt động mạnh mẽ hơn không chỉ với mục tiêu tăng năng suất mà còn phải đạt mục tiêu về chất lượng sản phẩm đạt 99.5%, mục tiêu cải tiến máy móc thiết bị để giảm đi việc sử dụng sức lao động của công nhân.

## **b) Đào tạo và huấn luyện**

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện và đào tạo tại Công ty với tần suất tối thiểu 20 ngày mỗi năm. Đây là 1 tần suất khá cao, kể cả so với các công ty đa quốc gia. Chính yếu tố này góp phần làm cho hệ thống quản trị của TTF luôn theo kịp giới kinh doanh quốc tế ngày càng phát triển. Tổng chi phí đào tạo năm 2015 là gần 1 tỷ đồng. Theo nghị quyết mới nhất của Hội đồng quản trị, năm 2016, tập đoàn sẽ nâng tần suất, chất lượng các khóa đào tạo, chi phí đào tạo dự kiến toàn tập đoàn khoảng 5 tỷ đồng.

- Các khóa đào tạo - huấn luyện xoay quanh các chủ đề sau:

- + Đạo đức nghề nghiệp
- + Tinh thần trách nhiệm trong công việc
- + Kỹ năng lãnh đạo
- + Kỹ năng quản lý
- + Kỹ năng quản trị văn phòng

- + Quy trình sản xuất của từng nhà máy

- + Kỹ thuật chế biến sản phẩm gỗ

- + Tiêu chuẩn thiết kế thông minh

- + Kỹ năng sử dụng máy móc, thiết bị

- + Quản trị chi phí

- + Quản lý chất lượng đối với hệ thống và đối với sản phẩm

- + Các kiến thức chuyên môn của từng phòng, ban chức năng + Một số kỹ năng mềm để làm việc tốt hơn như: Giao tiếp hiệu quả, Quản trị thời gian, Giải quyết vấn đề, Giải quyết mâu thuẫn, Làm việc đồng đội....

- + Kiến thức về CoC (Truy ngược nguồn gốc sản phẩm), đạo luật Lacey của Mỹ, hiệp định FLEGT của Châu Âu

- + PCCC, An toàn lao động, An toàn khi sử dụng hoá chất

- + ISO 9001:2015, SA 8000



- Ngoài ra, Công ty còn tài trợ cho một số cán bộ, nhân viên đi học trong nước và ở nước ngoài về các lĩnh vực như thiết kế, hoàn thiện sản phẩm gỗ, quản lý nguyên liệu thô, quản lý kho bãi, tổ chức hậu cần, kế toán doanh nghiệp, khóa đào tạo chuyên sâu dành cho Giám đốc nhà máy, chuyên trưởng, tổ trưởng.

- Để khắc phục tình trạng thiếu nhân lực cho ngành chế biến gỗ, Tập đoàn Trường Thành đã được GTZ tài trợ 54% chi phí thành lập trung tâm đào tạo tại nhà máy TTDL 1 (Công ty cổ phần Trường Thành – Đak Lak) với tổng vốn đầu tư là 7 tỷ đồng. Trung tâm này đã bắt đầu hoạt động từ cuối tháng 4/2007, với sự tham gia giảng dạy của 3 giảng viên đến từ Đức (do Bộ ngoại giao Đức chi trả) và 7 giảng viên đến từ Tập đoàn Chúng tôi. Từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2011, theo ký kết với chính phủ Nam Phi, Trung tâm và TTF đã đào tạo nghề chế biến gỗ cho hơn 20 học viên đến từ Nam Phi (tổng cộng 5 tháng). Đây là một cột mốc quan trọng của TTF nói riêng và Việt Nam nói chung trong việc hợp tác đào tạo quốc tế. Và theo kế hoạch, năm 2016 tập đoàn chúng tôi dự kiến thành lập trung tâm đào tạo nghề chế biến gỗ tại Bình Dương, với tổng chi phí cho dự án này khoảng 2 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó, nhằm chuẩn bị một đội ngũ kế thừa mạnh mẽ cho các thế hệ quản lý điều hành, tháng 8/2009 Công ty đã tổ chức đào tạo lớp CÁN BỘ NGUỒN theo chương trình MBA kéo dài 2 năm/khóa, đảm bảo cung

cấp trung bình mỗi năm khoảng 45 cán bộ có thể lên đảm nhận vị trí/trọng trách cao hơn. Đến nay, 2/3 số cán bộ tham gia khóa đào tạo này đã được bổ nhiệm vào những vị trí quan trọng như: Phó tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành sản xuất, Giám đốc Nguyên Liệu, Giám đốc nhà máy và một số Trưởng phó phòng chuyên môn.



TGD Võ Trường Thành giao lưu cùng Sinh viên Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM trong ngày hội tuyển dụng

### c) Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

Ý thức rằng nhân lực là một nguồn tài sản lớn của doanh nghiệp, TTF đã rất chú trọng vào các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, cơ hội thăng tiến và văn hóa doanh nghiệp để lưu giữ và trọng dụng nhân tài.

- **Chính sách lương:**

- + Mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng Nhà nước quy định

+ Chính sách xét lương “6 tháng/lần” và Tiêu chí “Trả lương theo năng lực” của Tập đoàn từ năm 1993 được duy trì thực hiện liên tục ngay cả trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế nặng nề từ năm 2008 đến nay. Theo Ban lãnh đạo tập đoàn, năng lực của Cán bộ công nhân viên không ngừng được cải thiện bởi sự nỗ lực phấn đấu của chính bản thân họ và sự huấn luyện đào tạo của Công ty, việc xem xét năng lực của Cán bộ công nhân viên 6 tháng 1 lần, căn cứ vào sự tiến bộ và thành quả đóng góp của từng cá nhân, làm căn cứ xét tăng lương – thưởng là việc làm cần thiết.

+ Xét tăng lương trước thời hạn đối với các trường hợp có năng lực tiến bộ vượt trội.

● **Chính sách thưởng:**

+ Trước 2008: Khen thưởng theo quý

+ Sau năm 2008- 2010: 6 tháng xét thưởng 1 lần.

+ Từ năm 2010 đến 2015: tạm thời ngưng áp dụng chính sách thưởng 6 tháng, nhưng vẫn đảm bảo có thưởng năm

+ Từ 2016 trở đi: Duy trì lại chính sách khen thưởng hằng quý. Báo cáo kết quả thực hiện Mục tiêu chất lượng của cá nhân và của đơn vị được xem xét 3 tháng 1 lần và làm căn cứ xét khen thưởng. Quy chế khen thưởng hiện nay khuyến khích các cá nhân/tập thể có tác phong làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo, luôn đưa ra sáng kiến cải tiến kỹ thuật – quản lý làm tăng hiệu suất trong công việc cũng như tinh thần làm việc với trách nhiệm cao, đấu tranh mạnh mẽ với những sai trái tiêu cực trong tổ chức, bảo vệ

uy tín, thương hiệu và tài sản của công ty như tài sản của chính mình.

+ Áp dụng khen thưởng khi cá nhân/tập thể đạt hoặc vượt một số nhiệm vụ quan trọng do Ban lãnh đạo phân công thêm.

● **Phúc lợi:**

+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho CBCNV theo Quy định của Nhà nước

+ Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBCNV

+ Bố trí xe đưa rước cho CBCNV ở xa công ty.

+ Thành lập Công đoàn để bảo vệ quyền lợi cho người lao động

+ Tổ chức vui chơi giải trí cho toàn thể CBCNV như hội thao, văn nghệ, thi nấu ăn, thi cắm hoa, thi đồ vui... có thưởng trong các dịp lễ quốc gia và lễ của Công ty.

+ Tổ chức đi du lịch xa cho toàn thể CBCNV ít nhất 1 lần/năm

+ Đã đầu tư gần 10 tỷ đồng để xây dựng nhà ở cho CBCNV tại Bình Dương và Dak Lak

+ Và một số trợ cấp, phúc lợi khác theo Luật Lao động Việt Nam và Quy chế Nhân viên của Công ty.

#### d) An toàn lao động – Sức khỏe

TTF chú trọng đến việc bảo vệ an toàn sức khỏe cho người lao động. Các hoạt động sau đây dành cho người lao động được duy trì đều đặn hàng năm:

+ Huấn luyện an toàn lao động, an toàn hóa chất cho công nhân mới nhận việc và tái huấn luyện định kỳ 3 tháng 1 lần

+ Huấn luyện hàng năm về ứng phó sự cố về môi trường, sự cố cháy- nổ, thoát hiểm, sơ cấp cứu...

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, một năm chi phí dành cho phương tiện bảo hộ lao động khoảng 2 tỷ đồng.

+ Tổ chức khám sức khỏe 1 năm/1 lần cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Riêng Cán bộ công nhân viên làm việc tại một số bộ phận đặc biệt được tổ chức khám 2 lần/1 năm như: Lò sấy, tổ bốc xếp, cửa CD, sơn...

+ Trang bị hệ thống lọc nước tinh khiết nhằm cung cấp nước uống đạt chuẩn nước uống tinh khiết cho toàn thể cán bộ công nhân viên công ty.

+ Quy trình chế biến 1 chiều được kiểm soát tuân thủ tuyệt đối, đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực phẩm trước khi đưa vào chế biến được kiểm soát 100% đảm bảo tươi sống, đạt chất lượng. Thực đơn phong phú, đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho người lao động cho 1 ngày làm việc. Nhà cung cấp thực phẩm cũng được đánh giá hàng năm theo tiêu chuẩn đánh giá nhà cung cấp của công ty.

+ Môi trường lao động được đo kiểm hàng năm, nhằm đảm bảo người lao động được làm việc trong môi trường an toàn. Kết quả đo kiểm về nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, bụi,

tiếng ồn, hơi khí độc, không vượt chuẩn an toàn cho phép theo Nghị định 45/2013/NĐ-CP ngày 10/05/2013 và Thông tư số 19/2011/TT-BYT ngày 06/06/2011

+ Kết hợp với trung tâm y tế địa phương phổ biến kiến thức, thông tin và cách phòng tránh một số bệnh hiểm nghèo như HIV-AIDS.... Và một số bệnh dịch vào một số thời điểm như bệnh sốt xuất huyết, dịch mắt đỏ... qua các kênh thông tin nội bộ.

#### 1.3 Môi trường

Nhằm kiểm soát sự ảnh hưởng của hoạt động sản xuất kinh doanh đối với môi trường và đảm bảo sự tuân thủ các quy định của nhà nước, công ty đã thực hiện:

+ Hơn 10.000m<sup>2</sup> đất (chiếm gần 10% tổng diện tích) được thiết kế trồng cây xanh, phân bổ đều các khu vực trong khuôn viên nhà máy. Đây được xem là “lá phổi” của công ty.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải với công suất 300m<sup>3</sup> /1 ngày đêm. Nước thải sau xử lý được gửi đi trung tâm kiểm định uy tín là Viện Pasteur TP.HCM hoặc Viện môi trường và tài nguyên của Đại học quốc gia TP.HCM xét nghiệm 1 tháng/1 lần để kiểm soát nước thải sau xử lý đạt chuẩn A – QCVN 40:2011/BTNMT. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng 100% để tưới cây, ngâm gỗ, luộc gỗ, nước dự trữ cho PCCC.

+ Toàn bộ rác thải công nghiệp, rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt được phân loại, lưu trữ và xử lý theo quy định hiện hành của nhà nước. Việc xử lý các loại rác này được thực hiện bởi Công ty cấp thoát nước Bình Dương – đơn vị chức năng của tỉnh Bình Dương

### 2.1. Mô hình quản trị

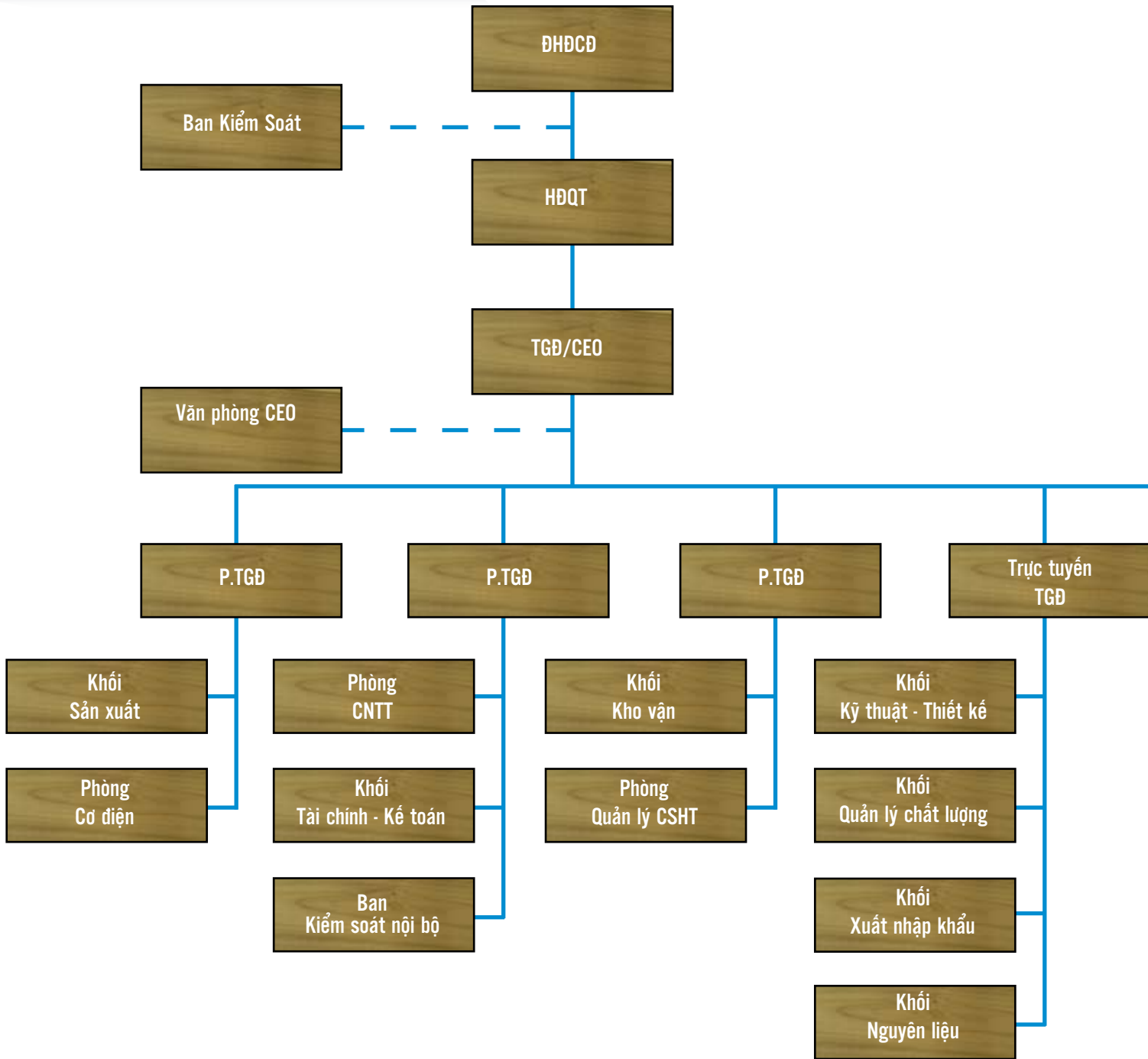
Từ khi Công ty chuyển từ TNHH sang Cổ phần năm 2003, mô hình quản trị TTF bao gồm:

- Đại hội Đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị (bao gồm nhiều tiểu ban) và Ban Kiểm soát
- Ban Điều hành: đứng đầu là Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phụ trách các khối theo chức năng

Xuất phát từ Mô hình truyền thống trong những năm đầu thành lập, TTF hiện nay đang quản trị theo Mô hình của thế kỷ 21 với những đặc tính cơ bản như:

- Các phòng ban, đơn vị phụ thuộc lẫn nhau
- Tinh thần đội nhóm khi làm việc được đề cao
- Khách hàng, chất lượng và dịch vụ được chú trọng
- Thông tin được truyền đạt đa chiều
- Cán bộ và nhân viên chủ chốt được đào tạo đa kỹ năng, chẩn đoán và giải quyết vấn đề



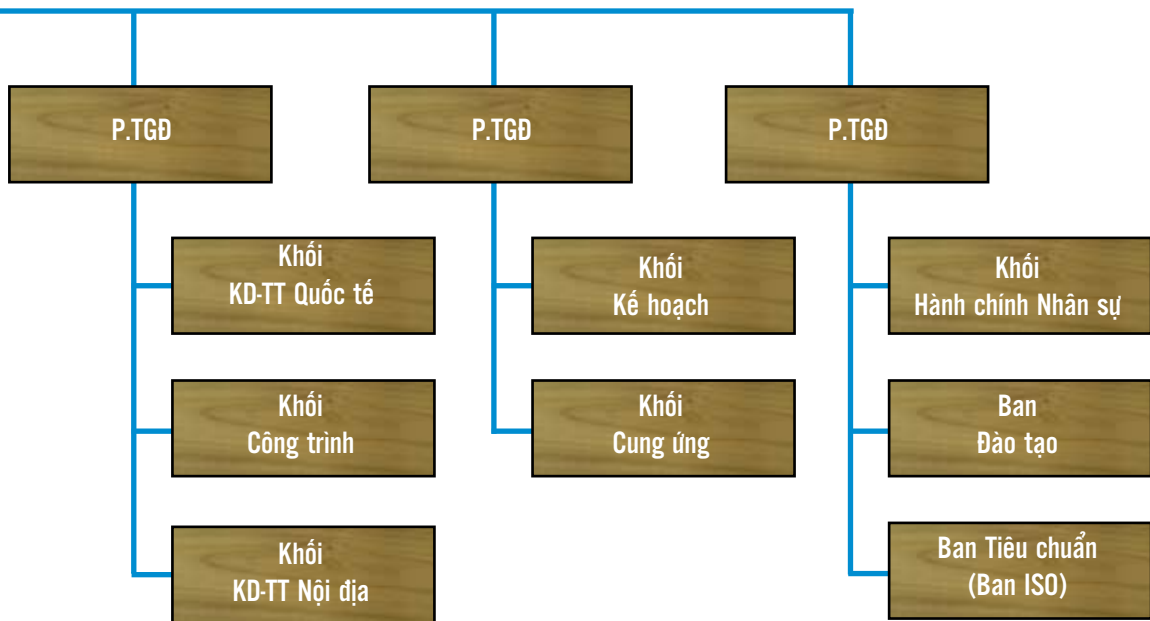




### GHI CHÚ

**ĐHĐCĐ:** Đại hội đồng cổ đông  
**HĐQT:** Hội đồng Quản trị  
**(P)TGD:** (Phó) Tổng Giám đốc  
**KD-TT:** Kinh doanh - Tiếp thị

**HC-NS:** Hành chính - Nhân sự  
**ANQT:** An ninh quản trị  
**CSHT:** Cơ sở hạ tầng  
**CNTT:** Công nghệ Thông tin  
**P.CEO:** Thư ký - Trợ lý VP TGD





3.1 Tổng Giám đốc,  
kiêm Chủ tịch HĐQT:

### Ông **VÕ TRƯỜNG THÀNH**



- Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- Đã đi hơn 25 nước trên thế giới để tìm hiểu về công nghệ chế biến gỗ hiện đại và trồng rừng
- Từng nắm giữ các vị trí quan trọng trong các hiệp hội như: *Cố vấn Hội Doanh nghiệp trẻ Dak Lak, Chủ tịch Hội Doanh nghiệp Dak Lak, Thành viên Ban Thường trực Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ TP.HCM, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương (BIFA)*
- Hiện nay là: *Thành viên Ban Chấp hàng Hội Lâm sản Việt Nam, Thành viên Ban Thường trực Mạng lưới Kinh doanh Lâm sản Toàn cầu tại Việt Nam (GFTN) trực thuộc WWF, Thành viên Câu lạc bộ Doanh nhân hàng đầu Thế giới*
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 14.700.000 cp, chiếm 10.17%



3.2 Phó Tổng Giám đốc,  
kiêm Ủy viên HĐQT:

### Ông **TẠ VĂN NAM**

- Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- Có gần 18 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- Hiện đảm nhận vị trí Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 41.280 cp, chiếm 0.03%





3.4 Phó Tổng Giám đốc,  
kiêm Ủy viên HĐQT:

**Ông VÕ DIỆP VĂN TUẤN**

- Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan của Mỹ, Cử nhân QTKD của trường Đại học CSU Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA, Mỹ
- Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- Phụ trách điều hành Khối Tài chính – Kế toán và Ban Kiểm toán Nội bộ
- Kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (TTBD3) tại Tân Uyên, Bình Dương.
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 650.017 cp, chiếm 0.45%

3.4 Phó Tổng Giám đốc,  
kiêm Ủy viên HĐQT:

**Ông ĐINH VĂN HÓA**

- Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- Phụ trách điều hành Khối Kho vận, Cơ điện, An ninh Quản trị, Cơ sở hạ tầng và Quản lý Xây dựng
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 4.930 cp, chiếm 0.24%







### 3.5 Phó Tổng Giám đốc: Ông **LÊ MINH NGỌC**



- Sinh năm 1973, Kỹ sư Cơ khí
- Có hơn 18 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ từ vị trí kỹ thuật viên đến quản lý điều hành
- Phụ trách điều hành Phân xưởng Mẫu và Phân xưởng Sofa, Cơ điện, Khối Kỹ thuật thiết kế, Khối Quản lý chất lượng
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 579 cp



### 3.6 Giám đốc Tài chính: kiêm Kế toán trưởng Ông **ĐÀO NGỌC QUYẾT**

- Sinh năm 1980, Cử nhân Tài chính Kế toán, đã tốt nghiệp khóa học Kế toán trưởng, Cơ bản TTCK, Luật chứng khoán, Phân tích và đầu tư chứng khoán
- Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính doanh nghiệp
- Sở hữu số cổ phần TTF chốt ngày 31/12/2015: 0 cp



4

## QUẢN TRỊ THEO CÁC GIÁ TRỊ

-  **HIỆU QUẢ**
-  **CÓ TRÁCH NHIỆM**
-  **ĐẠO ĐỨC**

**Ba giá trị nêu trên đã được đồng nhất trong cuộc sống và công việc của tập thể TTF. Từ quy trình của Công ty cho đến phương châm hành động của toàn thể CBCNV, đều hướng đến những giá trị này**

### HIỆU QUẢ

Kinh doanh là để có lợi nhuận, đó là mục đích lâu dài và sống còn của bất kỳ doanh nghiệp nào. Do đó, khi thực hiện bất cứ một việc gì, toàn thể thành viên Tập đoàn phải đảm bảo việc làm đó có **Hiệu quả**. Nhiều hoạt động có hiệu quả chẳng những được làm cho lợi nhuận tăng tiến mà còn giúp công ty có đủ sức mạnh để liên tục phát triển. Tuy nhiên, **Hiệu quả** được TTF chấp nhận ở phạm vi rộng hơn, chứ không thuần túy là Lợi nhuận bằng vật chất. **Hiệu quả** đôi khi chỉ là giải quyết được vấn đề. Vì thế, chúng tôi luôn khuyến khích các thành viên trong doanh nghiệp của mình dự đoán được những vấn đề có khả năng xảy ra, và hành động theo mục tiêu là phải giải quyết được vấn đề đó.

### CÓ TRÁCH NHIỆM

Tinh thần **trách nhiệm** là sẵn sàng chia sẻ, đóng góp công sức của mình vào công việc chung và thực hiện công việc đó với khả năng tốt nhất. Ngoài ra, mỗi cá nhân cần có **trách nhiệm** với tất cả những gì mình làm cho dù đó là kết quả tốt hay là một hậu quả xấu. Tinh thần trách nhiệm là một yếu tố quan trọng, là điều kiện giúp chúng ta đạt được những mong muốn trong cuộc sống. Cần phải có tinh thần **trách nhiệm** với chính bản thân, với gia đình, với công việc và mục tiêu của công ty ở mọi lúc mọi nơi. "Quyền lợi luôn gắn với **trách nhiệm**" - với tinh thần này, TTF luôn có **trách nhiệm** với khách hàng và nhà cung cấp, với cổ đông và chính CBCNV của mình. Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và nền kinh tế Việt Nam bằng việc trồng rừng, kinh doanh có lợi mang lại việc làm cho hàng ngàn lao động.

### ĐẠO ĐỨC

Ngày nay, rất nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào lợi nhuận và thành công mà xem nhẹ **đạo đức** nghề nghiệp. Đó có thể là sự gian lận, bê bối cũng như sai phạm trong kinh doanh hoặc đó cũng có thể là sự trù dập, hãm hại giữa các nhân viên với nhau.

**Đạo đức** trong kinh doanh cũng như trong việc đối nhân xử thế sẽ là tiền đề để xây dựng nên một doanh nghiệp vững mạnh và chuyên nghiệp.

Khi **đạo đức** được đề cao thì chất lượng sản phẩm, chất lượng dịch vụ, chất lượng nguồn nhân lực sẽ được tăng lên đáng kể. Điều này không chỉ giúp doanh nghiệp chiếm trọn niềm tin của khách hàng mà còn giúp doanh nghiệp thu được một khoản lợi nhuận không nhỏ. Do đó, tại TTF, chúng tôi luôn nêu cao biểu ngữ **đạo đức** trong kinh doanh.

**5.1. CÁC CÔNG TY CON TRỰC TIẾP****▶ 5.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: Km86, QL14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **30.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70.00%

**▶ 5.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **28.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 70.00%

**▶ 5.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **126.239.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 64.16%

**▶ 5.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: DT747, KP7, thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, Bình Dương

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh ván ép, ván lạng và ván dăm

Vốn điều lệ thực góp: **51.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99.50%

**▶ 5.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **59.584.847.685 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,97%

**▶ 5.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH**

Địa chỉ: 35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP. Buôn Ma Thuộc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **58.191.490.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 46,07%

#### ▶ 5.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **18.346.802.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 60,00%

#### ▶ 5.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **53.244.606.834 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,99%

#### ▶ 5.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Đào Trinh Nhất, KP1, Phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **12.800.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,50%

#### ▶ 5.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: 204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, Đak Nông

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **1.787.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 99,44%

#### ▶ 5.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH DAKNONG

Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đak R'Lấp, Đak Nông

Ngành nghề KD chính: thương mại XNK các mặt hàng lâm sản và NVL ngành chế biến gỗ

Vốn điều lệ thực góp: **20.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 94,75%

#### ▶ 5.1.12. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Địa chỉ: Cụm công nghiệp M'Đrăk, xã Krong Jing, huyện M'Đrăk, Đak Lak

Ngành nghề KD chính: chế biến, xuất khẩu và kinh doanh sản phẩm gỗ, trồng rừng

Vốn điều lệ thực góp: **10.000.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 95,30%

## 5.2. CÁC CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

### ► 5.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Địa chỉ: xã Hòa Tiến, huyện Krông Pắc, tỉnh Dak Lak

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và chăm sóc rừng, sản xuất cây giống, dịch vụ khai thác lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **5.400.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 97,5%

### ► 5.2.2. CTY CP VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRƯỜNG THÀNH – PHƯỚC AN

Địa chỉ: 107 Lê Duẩn, khối 4, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, Dak Lak

Ngành nghề KD chính: sản xuất VLXD từ đất sét

Vốn điều lệ thực góp: **9.700.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51,55%

## 5.3. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

### ► 5.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: 19 đường số 11, KP1, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP.HCM

Ngành nghề KD chính: chế biến và kinh doanh sản phẩm bao bì giấy

Vốn điều lệ thực góp: **4.570.000.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 43,76%

### ► 5.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH - OJI

Địa chỉ: 81 Nguyễn Tất Thành, phường 2, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Ngành nghề KD chính: trồng rừng và kinh doanh các mặt hàng lâm sản

Vốn điều lệ thực góp: **186.145.590.650 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 51.00%

### ► 5.3.3. CTY CP NÔNG LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Địa chỉ: Tầng 2, tòa nhà ô tô Tấn Phát, đường 23/3, Phường Nghĩa Thành, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông.

Ngành nghề KD chính: trồng rừng, chăm sóc rừng, chăn nuôi và chế biến các sản phẩm từ thịt và sữa

Vốn điều lệ thực góp: **66.887.500.000 VNĐ**

Tỷ lệ sở hữu của TTF: 35,17%



ĐỊNH HƯỚNG  
**PHÁT TRIỂN**





## PHẦN 3

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### 1 Năng lực cốt lõi

■ Nắm giữ nhiều **bí quyết** làm ra sản phẩm chất lượng cao, đạt yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn (BS EN 581, BRC, CARB...), về đóng gói (ISTA)... từ nhiều năm trước. Gần đây, Công ty còn nghiên cứu, thiết lập và ứng dụng thành công quy trình sơn UV đạt độ cứng cao nhất thế giới đối với dòng sơn trên gỗ (đạt độ cứng 8H trong khi chuẩn cao trên thế giới trước đây chỉ đến 6H)

■ Đã nghiên cứu và phát triển thành công một số dòng sản phẩm mới, mang tính chiến lược cao và tạo bước đột phá như: Ván sàn và ván ép kỹ thuật cao, ván PB cao cấp không độc tố... Đây có thể xem là một cuộc cách mạng trong ngành VLXD và trang trí nội thất

■ **Tự thiết kế** và bán trên 80% sản lượng từ thiết kế của mình trong hơn 8 năm qua

■ Có **nguồn nguyên liệu** ổn định, số lượng lớn, giá rẻ mà vẫn đạt được yêu cầu của FSC (Forestry Stewardship Council) - C.o.C (Chain of Custody), hoặc đạo luật Lacey của Mỹ, hay của Hiệp định FLEGT của Cộng đồng Châu Âu

■ Xây dựng thành công 1 thương hiệu B2B (Business to Business) nổi tiếng về chất lượng trong giới mua hàng quốc tế, cũng như đạt được nhiều giải thưởng trong và ngoài nước về chất lượng và uy tín kinh doanh, đảm bảo **“khách hàng luôn tìm thấy chúng ta”** chứ không phải đi tìm khách hàng như phần lớn các doanh nghiệp khác;

■ Sở hữu nhiều máy móc chế biến gỗ hiện đại, đa năng, công suất cao thuộc hàng bậc nhất Việt Nam - được nhập khẩu từ Ý, Đức, Nhật bản - kết hợp công nghệ quang học và điện toán để có thể chọn lọc gỗ bằng mắt thần quang học; cũng như **tối ưu hóa việc sử dụng nguyên liệu thô theo giá trị thu hồi bằng phần mềm điện toán, chứ không phải khái niệm tối ưu theo tỷ lệ khối lượng thu hồi** như trước đây. Các máy móc thế hệ mới này được nối lại với nhau bằng cáp quang và thông qua server tại văn phòng chính của Công ty đến bưu điện. Từ đó, khi có yêu cầu, các chuyên gia từ Đức, Ý có thể sửa chữa hoặc vận hành sản xuất theo những thiết kế mới tức thì. Việc trang bị nhiều máy móc thiết bị hiện đại này sẽ giúp cho Tập đoàn chúng tôi vượt qua được thử thách trong tương lai, lúc mà lương của công nhân sẽ tăng cao gần 3 lần hiện nay;





■ **Sở hữu gần 14,000ha rừng đến chu kỳ khai thác lấy gỗ.** Nắm giữ 100,000ha diện tích đất đai để trồng thêm 2000ha rừng trong những năm tiếp theo. Áp dụng phương pháp khai thác chế biến luân kỳ và kinh doanh bền vững. Được hỗ trợ kỹ thuật từ những đối tác danh tiếng và giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng rừng trên thế giới. Nhận được tài trợ của Chính phủ lên đến 50% trong việc xây dựng vườn ươm - nuôi cấy mô - chọn lọc giống bằng công nghệ Acid deoxyribonucleic (ADN). Vườn ươm của TTF sử dụng công nghệ tưới ngầm tiên tiến và kỹ thuật sinh học thay cho phân bón nên chi phí hoạt động thấp, tiết kiệm được nhiều tài nguyên;

■ Có khả năng **bán hàng trực tiếp** đến các hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ, nhà bán sỉ lớn trên thế giới - mà không phải lúc nào cũng phải thông qua các công ty trung gian như nhiều bạn đồng ngành;

■ Đội ngũ **tiếp thị quốc tế** có khả năng tìm kiếm – cập nhật nhanh chóng các thông tin về thị trường, về xu hướng thiết kế, về tình hình nguyên vật liệu. Từ đó, Ban Điều hành sớm đưa ra những định hướng kịp thời và hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh;

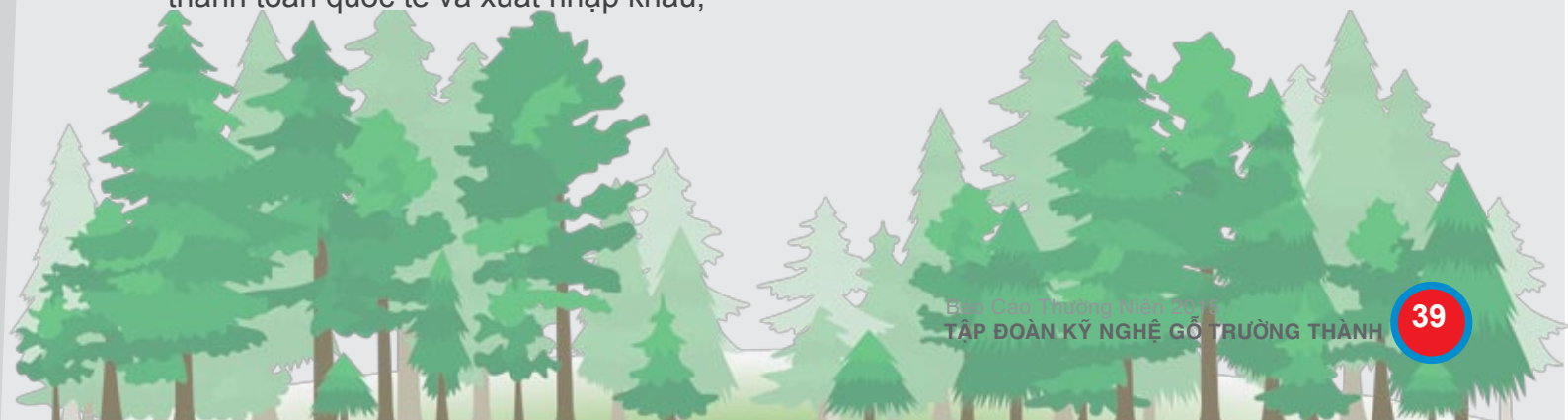
■ Đội ngũ **kinh doanh quốc tế** có khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh, Pháp, Nhật và Hoa, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc đàm phán các hợp đồng ngoại thương cũng như xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống thanh toán quốc tế và xuất nhập khẩu;



*Đại diện khách hàng Quốc tế gặp gỡ và cảm ơn BLD và Công nhân TTF tại trụ sở TTF*

■ Có khả năng duy trì và phát triển tốt **hệ thống truy tìm nguồn gốc sản phẩm** đạt chuẩn C.o.C, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS;

■ Có khả năng vận hành nhuần nhuyễn **hệ thống quản lý chất lượng** theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, được đánh giá và chứng nhận định kỳ bởi tổ chức SGS. Có hơn 50 đánh giá viên nội bộ được đào tạo chính quy và cấp chứng nhận bởi tổ chức BVQI và SGS;





■ Có khả năng **sản xuất những đơn hàng rất lớn** do quy mô sản xuất rộng lớn, dự trữ được nhiều nguyên liệu và đầu tư mạnh cho máy móc thiết bị hiện đại;



Chủ tịch HĐQT kiêm TGD  
Võ Trường Thành

■ Ban Điều hành, đặc biệt là Ông Võ Trường Thành - Tổng Giám đốc (kiêm Chủ tịch HĐQT) - người đứng đầu doanh nghiệp, không những **có kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng** về quản trị kinh doanh mà còn rất am hiểu về kỹ thuật công nghệ chế biến gỗ. Đây là trường hợp khá hiếm trong ngành chế biến gỗ của Việt Nam. Và Ông từng là Chủ tịch Hiệp hội Chế biến Gỗ Bình Dương – 1 tỉnh của Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm đến gần 50% kim ngạch XK của toàn quốc;

Ngoài ra các cán bộ của TTF cũng là những người có nhiều kinh nghiệm và đã gắn bó nhiều năm với TTF.

■ Đã xây dựng thành công một nền **văn hóa Trường Thành** với nhiều nét riêng. Đây là sợi dây vô hình liên kết hàng ngàn người trong doanh nghiệp cùng chung sức xây dựng cho thương hiệu "Trường Thành;"

■ Nền tảng Công ty được xây dựng dựa trên những **thông lệ và chuẩn mực quản trị tốt nhất** của thế giới;

■ Thương hiệu "Trường Thành" đã được đăng ký **bảo hộ tại Mỹ, Anh, Pháp và Việt Nam;**

■ Là một nhóm công ty chế biến gỗ liên kết với nhau thành một chuỗi sản xuất gần như khép kín từ các nguyên liệu đầu vào như rừng, gỗ, ván dăm, ván ép, ván lạng đến thành phẩm và bao bì đóng gói. Điều này hạn chế sự lệ thuộc vào những nhà cung cấp bên ngoài Tập đoàn; đồng thời gia tăng sự kiểm soát về chất lượng, giá cả đầu vào và ngày giao hàng cho khách.



Cán bộ, Công nhân viên TTF trong một buổi huấn luyện



### 2.1. Các mục tiêu chủ yếu cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016 – 2020

- Tiếp tục duy trì mức tăng 20% doanh thu mỗi năm kể từ 2017. Riêng 2018 tăng trưởng đã rất mạnh nên 2016 công ty đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu thấp nhưng lợi nhuận cao.
- Tăng lợi nhuận lên 30% mỗi năm kể từ năm 2016.
- Giảm thiểu tối đa chi phí tài chính và chuyển đổi 60% nợ ngắn hạn bằng VNĐ sang USD

### 2.2. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Thực hiện thành công dự án trồng 100.000 ha rừng tại Việt Nam theo hình thức trồng cuốn chiếu trung bình 2.000 ha/năm
- Nghiên cứu và chế tạo các loại ván, các loại sản phẩm gỗ không chứa độc tố (ví dụ: formaldehyde, chì, thủy ngân...), hoặc chỉ chứa hàm lượng đạt tiêu chuẩn an toàn chung của Châu Âu (E0 và E1), Mỹ (CARB P2) và Nhật bản trong từng giai đoạn
- Duy trì việc trao học bổng hàng năm cho sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM và triển khai thực hiện thêm đối với sinh viên các trường khác.
- Luôn tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh viên trong và ngoài nước đến thực tập hàng năm tại Công ty
- Hàng năm đều thực hiện chương trình ủng hộ cho trẻ em nghèo, gia đình cơ nhỡ và đồng bào lũ lụt theo ngân sách cho phép của Công ty
- Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách cho người lao động của Công ty tối thiểu là theo quy định của luật pháp
- Đảm bảo thu nhập bình quân của công nhân sản xuất trực tiếp cao hơn mức lương tối thiểu mà Nhà nước quy định ít nhất 30%, và tăng trưởng hơn 10%/năm (khi Công ty có điều kiện thuận lợi về tài chính và chỉ số này tương ứng là 50% và 30%)
- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho các cổ đông theo quy định của luật pháp trong từng thời điểm. Tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông nhưng vẫn đảm bảo kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Cung cấp cho CB-CNV một môi trường làm việc công bằng, sáng tạo, tuân thủ Luật Lao động của Việt Nam cũng như của ILO và một số tiêu chuẩn của khách hàng lớn trên thế giới

## 2.3 Kế hoạch kinh doanh 2016 – 2020

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ số	2016	2017	2018	2019	2020
1. Doanh thu	2,761,701	3,591,856	3,951,041	4,346,145	4,780,760
1.1 Doanh thu XK	1,372,027	1,868,731	2,055,604	2,261,165	2,487,281
1.2 Doanh thu ND	1,389,674	1,723,125	1,895,437	2,084,981	2,293,479
2. Các khoản giảm trừ	676	778	894	1,028	1,183
3. Doanh thu thuần	2,761,024	3,591,078	3,950,147	4,345,117	4,779,577
4. Giá vốn hàng bán	2,174,497	2,807,362	3,082,335	3,389,845	3,729,845
5. Lãi gộp (3-4)	586,527	783,716	867,812	955,272	1,049,732
6. DT tài chính	46,269	50,895	27,639	29,021	30,472
7. CP tài chính	93,300	107,430	118,173	129,991	142,990
8. Chi phí bán hàng	46,949	61,062	67,168	73,884	81,273
9. Chi phí quản lý DN	88,491	90,261	97,481.55	105,280	113,702
10. Lợi nhuận từ KD	404,056	575,859	612,629	675,137	742,239
11. Thu nhập khác	31,532	34,685	38,154	41,969	46,166
12. Chi phí khác	5,139	5,220	5,699	5,875	6,462
13. Lợi nhuận khác	26,393	29,465	32,454	36,095	39,704
14. Lợi nhuận trước thuế	430,449	605,324	645,083	711,232	781,943
15. Lợi nhuận sau thuế	365,882	514,526	548,321	604,547	664,651



- Kinh doanh bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng
- Khép kín công nghệ từ trồng rừng đến chế biến – nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới để sản xuất các dòng hàng đặt thù mang thương hiệu TTF
- Duy trì vị thế nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ có doanh số cao nhất Việt Nam;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 50 nhà sản xuất, thương mại và xuất khẩu sản phẩm gỗ và ván sàn gỗ có doanh số cao nhất thế giới từ năm 2025;
- Trở thành một tập đoàn nằm trong TOP 3 nhà trồng rừng tư nhân (có sản xuất chế biến gỗ) có diện tích rừng trồng lớn nhất ASEAN từ năm 2025;
- Duy trì thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực thi công trang trí nội thất tại thị trường nội địa.
- Đưa thương hiệu quốc gia ra thị trường thế giới, thông qua mạng lưới bán lẻ, đến tận tay người tiêu dùng tại các nước như Mỹ, Pháp và Anh (đã đăng ký bảo hộ thương hiệu tại những quốc gia này).
- Niêm yết trên thị trường chứng khoán quốc tế, để đảm bảo nguồn huy động vốn lớn, đáp ứng các mục tiêu của Công ty
- Trở thành một Tập đoàn sản xuất – kinh doanh đa ngành, cụ thể bao gồm các ngành sau: chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ, chế biến và kinh doanh ván gỗ nhân tạo, trồng rừng và khai thác gỗ, quản lý và cho thuê mặt bằng cụm công nghiệp, kinh doanh bất động sản.... Tuy nhiên, TTF sẽ luôn tập trung trên 70% các nguồn lực cho ngành nghề cốt lõi của Công ty là trồng rừng và chế biến gỗ



Áp dụng chương trình cải tiến SCORE trong sản xuất tại nhà máy của TTF



Đoàn khách Weconnor tới thăm quan nhà máy của TTF

## 3

# QUẢN TRỊ RỦI RO

### 3.1

## Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

### 3.1.1. Rủi ro về kinh tế.

Tình hình kinh tế năm 2015 có nhiều chuyển biến tích cực trong đó đặc biệt quan trọng là các vấn đề sau:

- + Lãi suất vay ngắn và trung hạn được đưa về mức thấp nhất kể từ năm 2008 và hiện đang dao động ở mức 6.5% đến 8%.
- + Tỷ giá liên ngân hàng được nới rộng biên độ từ 1% lên 3%
- + Tăng trưởng tín dụng năm 2015 đạt 17.17%
- + Tuy nhiên, với việc giá dầu thô lao dốc không phanh vào quý 3 và quý 4 năm 2015 kéo theo hàng loạt các hệ lụy và nguy cơ suy thoái kinh tế tái lập trong 2016 có thể xảy ra.
- + Cuộc khủng hoảng chính trị đang leo thang từng ngày giữa các cường quốc kinh tế như Mỹ, Nga, Nam Hàn Bắc Hàn và trực tiếp với Việt Nam là căng thẳng biển Đông khi Trung Quốc lấn chiếm và bành trướng cũng là nguy cơ tiềm ẩn cho nhiều hệ lụy về kinh tế toàn cầu.



► **Vi vậ phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:**

- Tăng nguồn vốn chủ sở hữu từ các cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược thông qua việc phát hành thêm 697 triệu cổ phần trị giá 1.201.9 tỷ đồng trong tháng 5 năm 2016 để giảm phần lớn lệ thuộc phần nào từ nguồn vốn vay mà vẫn đủ nguồn vốn lưu động cần thiết cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.
- Tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển các khoản vay bằng tiền Việt sang Đô la Mỹ để giảm chi phí tài chính vì lãi tỷ giá được tiên đoán là thấp hơn chênh lệch lãi vay.
- Phát huy việc quản lý sản xuất tinh gọn (Lean Manufacturing) để gia tăng hiệu suất làm giảm tồn kho trên chuyên và giảm giá vốn hàng bán.
- Bán thanh lý phần lớn hàng tồn kho chậm luân chuyển để thu hồi vốn và giảm các khoản vay bằng VND.
- Tận dụng ưu thế rừng trồng để tối đa hóa lợi ích mà TPP mang lại cho ngành Lâm nghiệp và sản xuất đồ gỗ. Dự kiến khai thác 1.300ha/năm thu về 200 tỷ đồng và hạch toán lợi nhuận khoảng 140 tỷ đồng/năm.

• Phát triển mạnh mẽ thị trường nội địa từ ưu thế gắn kết lâu năm với các tập đoàn bất động sản lớn và đối tác chiến lược Vingroup, thông qua việc thi công các công trình lớn cao cấp và mở rộng hệ thống bán lẻ với quy mô lớn và rộng khắp; nhằm cân bằng tỷ trọng doanh thu xuất khẩu và nội địa; Mở 1 cửa hàng lớn (flagship store) và một cửa hàng tại các trung tâm thương mại vì đây là thị trường đang tăng trưởng nhu cầu tại Việt Nam, đặc biệt là tại các thành phố lớn như TP.HCM và Hà Nội; là cơ hội lợi nhuận lớn cho TTF.

• Phát triển các sản phẩm công nghệ cao đạt tiêu chuẩn quốc tế bằng nguồn nguyên liệu giá rẻ nhằm ổn định doanh thu và giảm thiểu ảnh hưởng nếu khủng hoảng kinh tế xảy ra.



Sản phẩm tay vịn cầu thang do TTF thi công tại công trình 5 sao Vinpearl Nha Trang

### 3.1.2. Rủi ro về Pháp luật.

Giảm 50% sản phẩm thành phẩm của Trường Thành được xuất khẩu sang thị trường châu Âu, Mỹ, Nhật..., nên thông thường phải chịu ảnh hưởng bởi một số sắc thuế nhập khẩu, tập tục thương mại quốc tế, luật chống phá giá.

Sau sự kiện Trung Quốc bị Mỹ áp thuế chống phá giá lên một số nhóm mặt hàng gỗ, trong đó có nhiều nhất là các sản phẩm gỗ nội thất phòng ngủ, sự lo lắng về khả năng Việt Nam cũng sẽ bị áp luật tương tự.

Tuy nhiên, theo phân tích của một số chuyên gia về luật chống phá giá của Mỹ thì rủi ro này là rất thấp đối với Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Lý do là:

- Luật chống phá giá thông thường chỉ được đem ra xem xét và áp dụng đối với các sản phẩm mang tính cạnh tranh trực diện với các nhà sản xuất trong nước sở tại. Trong khi đó, hầu hết các nhóm mã hàng sản phẩm của Công ty là ít được sản xuất tại Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản.
- Sản lượng xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường thế giới hiện nay chiếm dưới 5% sản lượng nhập khẩu của thế giới. Như vậy, nếu mỗi doanh nghiệp xuất khẩu đồ gỗ Việt Nam biết phân bổ hàng hóa của mình vào từng thị trường xuất khẩu khác nhau theo tỷ lệ thích hợp thì khả năng quản lý và kiểm soát rủi ro là rất cao, hạn chế tối đa những khó khăn khi bị áp thuế chống phá giá.



Ngoài ra, hiện nay Nhà nước ta đang tích cực nghiên cứu, thực hiện các biện pháp hỗ trợ về thông tin thị trường, thông tin luật pháp của các nước nhập khẩu sản phẩm gỗ của Việt Nam. Đồng thời, Chính phủ Việt Nam cũng vừa ban hành định hướng phát triển lâm nghiệp cho giai đoạn 2006 đến 2020, với nội dung khuyến khích cao cho các thành phần kinh tế trồng rừng nguyên liệu và phát triển bền vững ngành chế biến gỗ. Trong đó, một trong những nội dung quan trọng là nâng cao kim ngạch xuất khẩu gỗ lên đến 7,8 tỷ USD đã đạt được trong năm 2015. Như vậy, mức xuất khẩu của các doanh nghiệp gỗ Việt Nam sẽ tăng trưởng bình quân 25% mỗi năm, và điều này chứng tỏ rằng Chính phủ đã, đang và sẽ quan tâm hơn nữa trong việc tạo hành lang pháp lý cho việc phát triển bền vững ngành chế biến gỗ Việt Nam.

Việt Nam mới ký kết và gia nhập TTP và EUFTA sẽ...nhiều rào cản về thuế quan và thủ tục pháp lý để xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU. Vì vậy, xét toàn cảnh môi trường pháp lý và tình hình thực tế của Công ty, rủi ro pháp luật ít có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

### 3.1.3. Rủi ro đặc thù

#### 3.1.3.1. Rủi ro về nguyên vật liệu

Do nguyên liệu chủ yếu là gỗ, chiếm tỷ trọng từ 40% đến 60% trong giá thành sản phẩm nên sự biến động giá cả nguyên liệu này sẽ tác động đến lợi nhuận của Công ty. Rủi ro tăng giá nguyên liệu bao gồm:



- Đặc tính trồng rừng khai thác gỗ dành cho sản xuất hàng mộc với chu kỳ đầu tư khá dài, mất ít nhất 8 năm, thậm chí có gỗ lên đến 20-30 năm. Vì vậy trong những năm qua, khi nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn về vốn đầu tư trung, dài hạn, ngành trồng rừng của chúng ta đã chưa đủ sức thu hút các doanh nghiệp đầu tư, dẫn đến tình trạng khai thác non để bán cho ngành công nghiệp giấy và thiếu gỗ địa phương cho ngành chế biến và xuất khẩu sản phẩm gỗ Việt Nam.

- Đối với một số gỗ ôn đới như Oak, Ash, Beech, Bạch đàn và Teak có chứng nhận FSC, các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ phải nhập khẩu. Do đó, khi thu mua với cự ly vận chuyển xa, sẽ có rủi ro về cước vận chuyển tăng cao, đặc biệt với thời gian vận chuyển dài sẽ ảnh hưởng đáng kể đến ngân lưu và vốn lưu động phải tăng cao.



■ Trong 3 năm sắp tới giá gỗ nguyên liệu trong nước sẽ càng tăng cao để đón chờ TPP chính thức có hiệu lực. Như vậy giá vốn hàng bán của ngành sản xuất đồ gỗ sẽ gia tăng đáng kể cho đến khi việc cắt giảm thuế suất được áp dụng. Mặc dù hiện tại tổng diện tích rừng kinh doanh trên cả nước là vào khoảng 3.2 triệu ha nhưng trên thực tế đa phần là rừng chưa đến tuổi khai thác cũng có nghĩa là mặc dù nhu cầu gỗ nguyên liệu có xuất xứ trong nước sẽ tăng cao nhờ vào TPP nhưng thực tế nguồn cung chưa sẵn sàng

### Giải pháp của TTF sẽ là:

Khai thác luân phiên và trồng lại 1,500ha/năm rừng do công ty trồng đang vào chu kỳ khai thác song song với việc trồng mới thêm 2000ha/năm trên 100,000ha quỹ đất được chính quyền cấp phép; nhằm thu về sản lượng bình quân 200,000m<sup>3</sup> gỗ mỗi năm. Sản lượng gỗ khai thác được này chẳng những đáp ứng được hơn 60% nhu cầu gỗ nguyên liệu của công ty mà còn thừa ra số lượng lớn để có thể cung cấp cho thị trường với sản lượng bình quân 120,000 m<sup>3</sup>/năm.



Đối với phân khúc cao cấp, công ty hiện đang còn lượng gỗ nguyên liệu tồn kho lớn, đủ để phục vụ nhu cầu sản xuất trong vòng 3 năm trước khi TPP chính thức có hiệu lực. Như vậy trong trung hạn, công ty hầu như không phải chịu rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào như các doanh nghiệp cùng ngành, đó là một ưu thế mà công ty sẽ tận dụng triệt để nhằm tạo ra các bước đột phá trong 5 năm tới đây.

### 3.1.3.2. Rủi ro về thị trường:

#### Thị trường tài chính

Thị trường chứng khoán chứng kiến nhiều cuộc biến động mạnh, đặc biệt là vào những tháng cuối năm 2015 và lan tỏa sang 2 tháng đầu năm 2016 làm cho tâm lý nhà đầu tư hoảng loạn. Sắc đỏ tràn ngập khắp các sàn giao dịch chứng khoán báo hiệu một năm 2016 đầy sóng gió. Nhà đầu tư mất dần niềm tin vào thị trường Trung Quốc với hàng loạt cuộc tháo chạy. Quả bóng tài chính tại trung quốc đã manh nha bùng nổ và tỏa sức nóng “chết người” vào các thị trường khác.



Thị trường Mỹ khá ổn định trong 5 năm vừa qua cũng bắt đầu có sự rung động trước ảnh hưởng của thị trường châu Á. Giá nhà đất và bất động sản của Mỹ đang được xem đã tăng cao sau giai đoạn suy thoái và cũng được đánh giá bị đẩy lên cao bởi luồng tiền đầu cơ đến từ Trung Quốc do đó có thể lặp lại một cuộc sụp đổ về giá bất động sản tại Mỹ một lần nữa. Tuy nhiên Chỉ số bán nhà tiếp tục lên cao, kéo theo tiêu thụ đồ gỗ gia dụng tăng đáng kể. Khu vực đồng Euro (Eurozone) tiếp tục đà phục hồi. Kinh tế Nhật Bản đã tăng trưởng trở lại nhờ được hỗ trợ từ đồng Yên giảm giá và sức ép lạm phát giảm bớt, nhập khẩu đồ gỗ sẽ tăng lên khi công việc tái thiết đất nước đã diễn ra.

**Vì vậy, phương thức quản trị rủi ro của TTF sẽ là:**

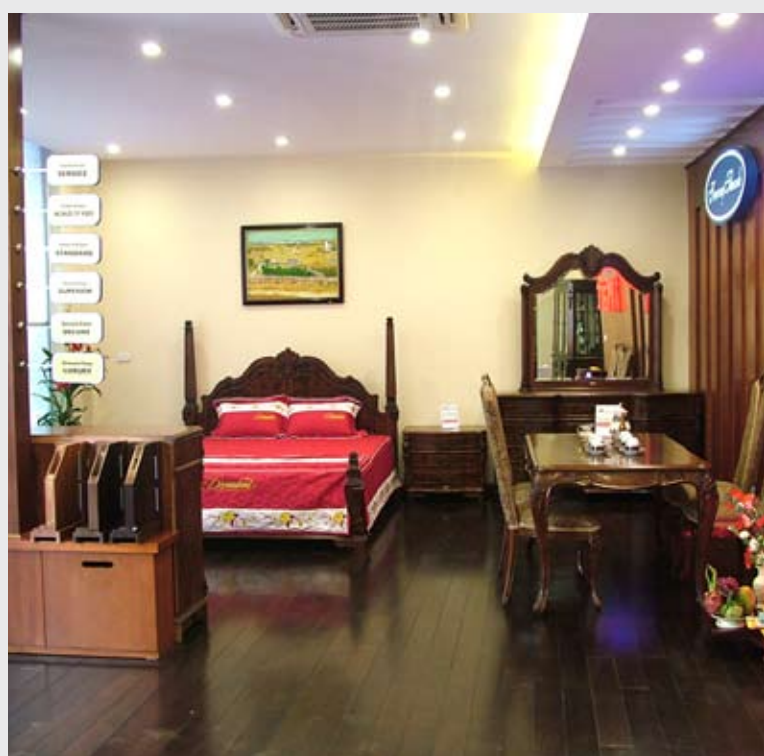
▶ Tiếp tục duy trì niềm tin của nhà đầu tư vào TTF như đã làm được trong sáu tháng cuối năm 2015, thời điểm giá cổ phiếu TTF tăng vượt bậc hơn 3 lần, bằng việc cung cấp các thông tin minh bạch về: tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh; đề ra các kế hoạch kinh doanh hiệu quả nhất nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và hạn chế tối đa các rủi ro tài chính thông qua việc huy động vốn từ cổ đông chiến lược nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn lưu động. Với việc phát hành 69.7 triệu cp tương đương 1200 tỷ vốn chủ sở hữu được bổ sung, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính của TTF trong 5 năm tới sẽ được đảm bảo thực hiện suông sẻ.



## Thị trường tiêu thụ

► Bên cạnh duy trì việc chăm sóc và nâng cao giá trị đơn hàng từ các khách hàng lâu năm công ty sẽ tận dụng tối đa xu hướng dịch chuyển của khách hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam do tác động của các hiệp định đã được ký kết trong năm 2015. Hiện tại đã có không ít những đơn hàng dạng này đã “cập bến” TTF theo dạng thăm dò nhưng sẽ là những đơn hàng đầy triển vọng sau khi các điều khoản của các hiệp định được áp dụng chính thức.

► Thị trường trong nước của Công ty đã được củng cố thêm qua việc mở rộng hệ thống bán lẻ dưới hình thức các siêu thị nội thất và hệ thống bán lẻ toàn quốc. Trong năm 2016, công ty sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ cho hệ thống phân phối theo hình thức “hệ thống cộng hưởng”, trong đó công ty sẽ liên kết với các hệ thống siêu thị và khu mua sắm lớn để kết hợp bán sản phẩm nội ngoại thất và phân chia lợi nhuận. Hình thức này sẽ giúp công ty tiết kiệm chi phí đầu tư mà vẫn đảm bảo doanh số là lợi nhuận kỳ vọng.



TPP đã chính thức được ký kết vào tháng 2 năm 2016. Tuy các điều khoản chỉ bắt đầu áp dụng từ năm 2018, nhưng hầu hết các quốc gia thành viên và các nền kinh tế cạnh tranh đã có những bước chuẩn bị trước đó nhằm tận dụng thời cơ và tạo ra xu thế “đón đầu”. Cơ hội mà TPP mang lại cho thị trường Việt Nam là đáng kể nhưng cũng kèm theo không ít rủi ro, đặc biệt là rủi ro về “Nguyên tắc xuất xứ”, “bảo vệ môi trường” và “chính sách cho người lao động”:



- Nguyên tắc xuất xứ: đây là rủi ro lớn nhất cho các doanh nghiệp trong nước nói chung và các doanh nghiệp chuyên về sản xuất và cung cấp dịch vụ như TTF nói riêng. Để hưởng các ưu đãi về thuế thì các sản phẩm được sản xuất phải có nguồn gốc nguyên liệu xuất xứ từ một trong 12 nước thành viên. Điều này là lợi thế cho nhà cung cấp nhưng lại là bất lợi cho doanh nghiệp sản xuất do giá nguyên liệu nội địa sẽ tăng cao theo nhu cầu thị trường mà đặc biệt là nhu cầu từ các doanh nghiệp FDI không thuộc TPP như Trung Quốc, Đài Loan...; trong khi đó nguồn nguyên liệu tái sinh và nguyên liệu tự nhiên chưa được bảo tồn và phát triển đúng mức. Một khi nguồn cung không đủ để đáp ứng cho nhu cầu tăng mạnh thì khả năng mất kiểm soát về giá thành và hiện tượng đầu cơ sẽ là bài toán nan giải cho cả doanh nghiệp sản xuất và nền kinh tế.

- Bảo vệ môi trường: tuy công tác bảo vệ môi trường vẫn đang được các doanh nghiệp trong nước thực hiện nhưng để đạt được chuẩn mực khắc khe mà TPP yêu cầu là điều không phải doanh nghiệp nào cũng có thể có được. Đặc biệt đối với ngành sản xuất đồ gỗ tiêu chuẩn này càng khó đáp ứng, vì việc bảo vệ và tái sinh rừng là một trong những điểm trọng yếu trong công tác bảo vệ môi trường. Như vậy ngoài việc phải đảm bảo nguyên tắc xuất xứ, các doanh nghiệp gỗ còn phải đảm bảo về nguồn gốc nguyên liệu với các chứng nhận chuẩn quốc tế như FSC...

■ Chính sách cho người lao động: hệ thống công đoàn và các chính sách đãi ngộ người lao động trong nước hiện chưa được phát triển đúng mức so với các quy chuẩn đã được áp dụng nhiều năm qua tại các quốc gia tiên tiến. Điều này sẽ là một bước cản trở lớn cho quá trình hội nhập nếu các doanh nghiệp không có các chính sách điều chỉnh hợp lý đảm bảo quyền lợi người lao động và phát huy sức mạnh của hệ thống công đoàn.



### Phương pháp quản trị và ứng phó với các rủi ro của TTF:



Về nguyên tắc xuất xứ: như đã được đề cập tại phần rủi ro đặc thù, Công ty sẽ tận dụng tối đa ưu thế từ rừng tự trồng, kết hợp khai thác luân phiên, tái sinh và trồng thêm nhiều diện tích rừng sản xuất nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu tự cung và phân phối cho thị trường; song song đó là kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp cũng ngành, nhà đầu tư và tranh thủ sự hỗ trợ của cơ quan nhà nước đẩy mạnh việc trồng và bảo vệ nguồn rừng nguyên liệu để đảm bảo mục tiêu trồng thành công 100,000ha rừng của TTF nói riêng và 5.5 triệu ha rừng nói chung của Chính phủ trước năm 2025. Tính đến thời điểm hiện tại, công ty đã thành công bước đầu với gần 14,000ha rừng đang vào chu kỳ khai thác. Như vậy rủi ro về nguyên tắc xuất xứ trong năm 2016 và các năm sắp tới hầu như sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Về bảo vệ môi trường: việc sản xuất kinh doanh của công ty và hoạt động của các nhà máy luôn tuân thủ theo quy trình và đạt chuẩn ISO 9001, thêm vào trang thiết bị hiện đại với hệ thống tái chế nguyên liệu thừa là điều kiện đảm bảo cho việc bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, việc khai hoang, tái sinh rừng từ đồi trọc và tham gia trồng và bảo vệ rừng phòng hộ tại các tỉnh vùng Tây Nguyên như Đắk Lắk, Bình Định, Phú Yên trong hơn 10 năm qua của công ty cũng góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ môi trường sống và “Cho trái đất thêm xanh”.

Công đoàn và chính sách bảo đảm lợi ích cho người lao động là yếu tố luôn được đặt lên hàng đầu của Công ty kể từ khi mới thành lập. Tuy nhiên, trong ba năm gần đây, do tình hình tài chính khó khăn nên công tác đãi ngộ người lao động, tuy vẫn được đảm bảo, nhưng chưa được phát huy tối đa theo nguyện vọng của Ban lãnh đạo. Đây là một trong những điều đáng tiếc và sự hạn chế mà Công ty không mong muốn. Do vậy, trong năm 2015, công ty đã đẩy mạnh chính sách hỗ trợ người lao động về tinh thần, với các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh trong các dịp lễ tết; và vật chất, với chế độ lương thưởng được cải thiện đáng kể. Năm 2016, với những điều kiện thuận lợi hơn về nguồn vốn, thị trường và nguyên liệu, công ty sẽ đẩy mạnh hơn nữa chế độ cho người lao động và phát huy tối đa sức mạnh của hệ thống công đoàn hướng tới xây dựng một môi trường làm việc sạch đẹp, hòa đồng, thân thiện và đoàn kết như các quy chuẩn tại các nước tiên tiến nhất.





# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015



## PHẦN 4

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

1

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

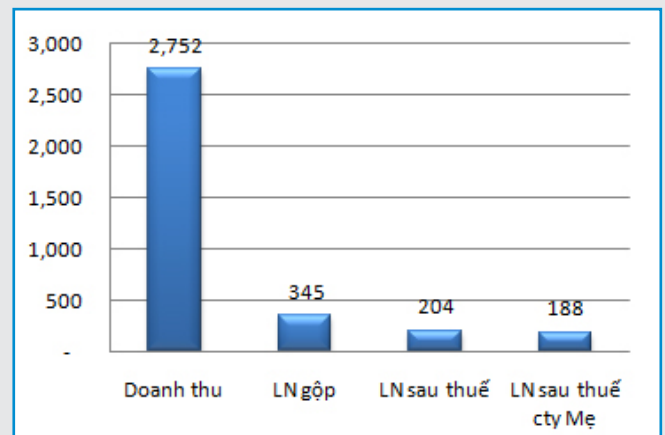
#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Diễn giải	Thành tiền (tỷ đồng)
1	Doanh thu thuần	2.752
2	Lợi nhuận gộp	345
3	Lợi nhuận sau thuế	204
4	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	188
5	EPS	1.504

#### 1.2. Những thay đổi biến động lớn

##### 1.2.1. Về Doanh thu

Sau khi tái cơ cấu thành công, tình hình tài chính đã ổn định, dòng ngân lưu tốt hơn nên Ban điều hành đã nhanh chóng vực dậy đội ngũ Quản lý, đặt biệt chú tâm vào quản trị sản xuất và kết quả là doanh thu thực hiện tăng 51% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 88,3% so với năm 2014



##### 1.2.2. Về Lợi nhuận

Năm 2014, lợi nhuận sau thuế của công ty tăng đáng kể: gấp 170% so với năm 2014.



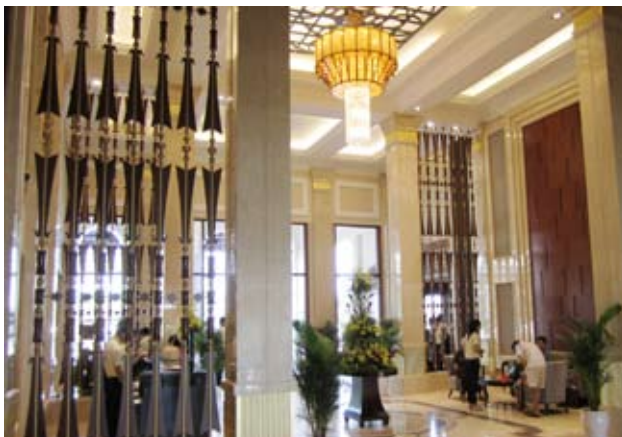
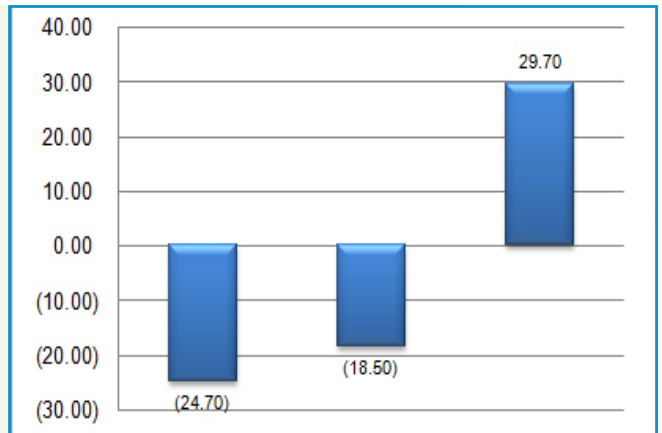
### 1.2.3. Về Chi phí

► So với kế hoạch thì:

- Chi phí tài chính giảm 24,7% so với kế hoạch
- Chi phí bán hàng giảm 18,5% so với kế hoạch
- Chi phí quản lý tăng 29,7% so với kế hoạch

Ngoài việc giảm đáng kể chi phí tài chính thì chi phí bán hàng cũng so với kế hoạch mặc dù doanh số tăng 88,3%, đó là do việc sản xuất không bị trễ đáng kể nữa, tạo ra sự tin nhiệm trên khách hàng hiện hữu và triển vọng quay lại của một số khách hàng đã bỏ trước đây vì giao hàng trễ, thêm vào đó việc thay thế được 1 phần vận chuyển từ đường bộ sang đường thủy tại các công trình ở xa cũng dẫn đến chi phí vận chuyển giảm đáng kể

Tuy nhiên, đối với chi phí quản lý, thực hiện theo chiến lược của HĐQT về việc tăng năng suất mạnh mẽ, công ty cần tăng cường cán bộ quản lý cấp cao, tuyển dụng nhiều Cán bộ QLSX mới nhằm chuẩn bị cho chu kỳ phát triển sắp tới. Đây là việc cần thiết cho việc phát triển trong 2016 trở đi nên chi phí quản lý vẫn bằng năm 2014 và tăng so với kế hoạch năm 2015



Cụm trang trí do TTF thi công tại công trình 5 sao Vinpearl Nha Trang

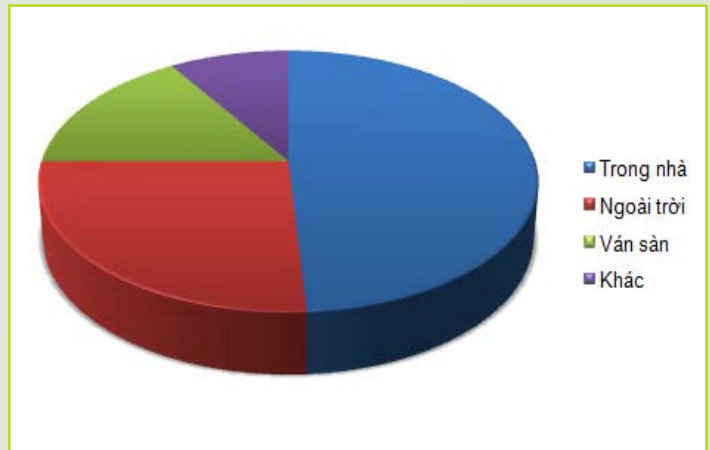
### 1.2.4. Về thị trường

TTF ưu tiên hơn cho các đơn hàng công trình nội địa, do có phương thức thanh toán tốt hơn, cũng như có tỷ lệ lợi nhuận gộp/doanh thu cao hơn các đơn hàng xuất khẩu. Ngoài ra, Công ty còn tăng cường bán sản phẩm ván nhân tạo do công ty con tự sản xuất. Do đó, tỷ lệ doanh thu cho thị trường nội địa cũng đã tăng dần lên, ngang ngửa với thị trường xuất khẩu.

### 1.2.5. Về sản phẩm

Ván sàn, đặc biệt là dòng kỹ thuật cao, đã tăng vọt ấn tượng lên đến 16%, do thu hút được nhiều chủ đầu tư các công trình bất động sản cao cấp tại Việt Nam như Vincom Center, Eden, Vinpearl Đà Nẵng, Tàu du lịch Amalotus, Royal City, Times City...Hàng trong nhà cũng tăng, trong khi hàng ngoài trời giảm, vì khi thiếu tài chính thì ưu tiên chọn đơn hàng nội địa có phương thức thanh toán phù hợp hơn để làm. Cơ cấu dòng hàng theo doanh số năm 2014 như sau:

- + Hàng trong nhà: 49%
- + Hàng ngoài trời: 26%
- + Ván sàn: 16%
- + Khác (ván, gỗ, vật tư): 9%



### 1.3. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Diễn giải	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	So với năm 2014	So với kế hoạch 2015
Doanh thu thuần	1.462	1.821	2.752	88,3%	51%
Lợi nhuận gộp	276	393	345	25%	-12%
Tỷ lệ Giá vốn hàng bán/ Doanh thu thuần	81%	80%	87%	7%	8,7%
Doanh thu hoạt động tài chính	16	15	28	75%	86,6%
Chi phí tài chính	63	93	70	11%	-24,7%
Chi phí bán hàng	20	27	22	10%	-18,5%
Chi phí quản lý	104	84	109	4,8%	29,7%
Lợi nhuận sau thuế	67	151	204	Tăng 3 lần	35%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	70		189	170%	
EPS (đồng)	745		1.504	101%	

**Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014 và 2015 của TTF, và kế hoạch kinh doanh đã thông qua trong ĐHCĐ thường niên 2015**



2.1. Những thay đổi trong Ban Điều hành: Không có

2.2. Tình hình biến động nhân sự

**Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 là 3.599 người, giảm khoảng 28% so với năm 2014**

### TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN:

3.1. Các khoản đầu tư lớn trong năm 2015: Không có

3.2. Hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con và công ty liên kết:

3.2.1. Các công ty con trực tiếp

3.2.1.1. CTY CP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL1) – Hợp nhất

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	629,684,732,087
Lợi nhuận sau thuế	24,268,189,763
Tổng tài sản	462,290,362,585
Vốn chủ sở hữu	12,936,816,772
Vay ngắn hạn	180,156,252,311
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTDL1*

3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL2)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	407,591,545,196
Lợi nhuận sau thuế	28,272,734,870
Tổng tài sản	398,137,976,524
Vốn chủ sở hữu	43,286,787,061
Vay ngắn hạn	148,090,418,172
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTDL2*

### 3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTDL2)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	407,591,545,196
Lợi nhuận sau thuế	28,272,734,870
Tổng tài sản	398,137,976,524
Vốn chủ sở hữu	43,286,787,061
Vay ngắn hạn	148,090,418,172
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTDL2*

### 3.2.1.3. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD2)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	
Lợi nhuận sau thuế	640,608,049,927
Tổng tài sản	1,203,605,046
Vốn chủ sở hữu	541,987,802,450
Vay ngắn hạn	256,714,287,000
Vay dài hạn	30,000,000,000

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTBD2*

### 3.2.1.4. CTY CP VÁN CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTBD3)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	693,540,922,886
Lợi nhuận sau thuế	(5,116,115,528)
Tổng tài sản	427,789,278,305
Vốn chủ sở hữu	43,389,268,287
Vay ngắn hạn	33,385,262,842
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTBD3*

### 3.2.1.5. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTC)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	1,616,343,818
Lợi nhuận sau thuế	1,776,182,805
Tổng tài sản	135,713,187,680
Vốn chủ sở hữu	50,047,819,853
Vay ngắn hạn	64,949,000,000
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTC*

### 3.2.1.6. CTY CP TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTP)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	-
Lợi nhuận sau thuế	(1,089,893,108)
Tổng tài sản	55,942,408,253
Vốn chủ sở hữu	41,559,705,046
Vay ngắn hạn	7,158,172,288
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTP*

### 3.2.1.7. CTY CP CÔNG NGHIỆP GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTI)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	33,892,175,311
Lợi nhuận sau thuế	983,613,908
Tổng tài sản	33,540,450,354
Vốn chủ sở hữu	25,442,492,515
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTI*

### 3.2.1.8. CTY CP TRƯỜNG THÀNH XANH (gọi tắt là TTG)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	1,790,069,368
Lợi nhuận sau thuế	(6,000,462,382)
Tổng tài sản	32,964,290,292
Vốn chủ sở hữu	30,717,158,331
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTG*

### 3.2.1.9. CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH (gọi tắt là TTTĐ)

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	-
Lợi nhuận sau thuế	60,283,041
Tổng tài sản	7,059,727,999
Vốn chủ sở hữu	5,923,296,948
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của TTTĐ*

### 3.2.1.10. CTY CP LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH ĐAKNONG

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	-
Lợi nhuận sau thuế	(35,340,678)
Tổng tài sản	38,830,953
Vốn chủ sở hữu	(294,467,108)
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Trường Thành Đắk Nông*



### 3.2.1.11. CTY CP THƯƠNG MẠI XNK TRƯỜNG THÀNH ĐAKNONG

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	891,216,820,405
Lợi nhuận sau thuế	67,795,105,569
Tổng tài sản	280,640,783,691
Vốn chủ sở hữu	130,115,565,223
Vay ngắn hạn	3,772,000,000
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của XNK Trường Thành Đắk Nông*

### 3.2.1.2. CTY CP CHẾ BIẾN GỖ TRƯỜNG THÀNH M'DRAK

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	19,419,137,340
Lợi nhuận sau thuế	(156,991,398)
Tổng tài sản	23,738,739,733
Vốn chủ sở hữu	9,891,443,960
Vay ngắn hạn	8,131,000,000
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Trường Thành M'Drak*





### 3.2.2. Các công ty con gián tiếp

#### 3.2.2.1. CTY CP NÔNG LÂM CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG AN

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	(71,415,000)
Lợi nhuận sau thuế	(1,549,983,483)
Tổng tài sản	6,221,680,674
Vốn chủ sở hữu	(3,677,191,628)
Vay ngắn hạn	5,144,000,000
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Trường An*

### 3.2.3. Các công ty liên kết, liên doanh

#### 3.2.3.1. CTY CP BAO BÌ TRƯỜNG THÀNH

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	13,955,343,389
Lợi nhuận sau thuế	778,455,376
Tổng tài sản	8,605,398,347
Vốn chủ sở hữu	1,767,857,337
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Bao bì Trường Thành*



*Sản phẩm Sofa Hoàng hậu, một thiết kế mới của TTF cho thị trường cao cấp*

### 3.2.3.2. CTY TNHH TRỒNG RỪNG TRƯỜNG THÀNH – OJI

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	5,644,423,600
Lợi nhuận sau thuế	(4,192,350,385)
Tổng tài sản	238,044,729,686
Vốn chủ sở hữu	174,483,703,152
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	56,702,690,000

*Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Trường Thành-OJI*

### 3.2.3.3. CTY CP NÔNG LÂM NGHIỆP TRƯỜNG THÀNH

Diễn giải	Thành tiền (triệu đồng)
Doanh thu thuần	-
Lợi nhuận sau thuế	(791,132,401)
Tổng tài sản	69,210,085,351
Vốn chủ sở hữu	65,718,457,719
Vay ngắn hạn	-
Vay dài hạn	-



Sản phẩm Siêu bền Siêu nhẹ, một thiết kế mới của  
TTF cho thị trường trung cấp

## a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4,012,574	4,589,941	14.39%
Doanh thu thuần	1,458,733	2,751,840	88.65%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	102,562	168,200	64.00%
Lợi nhuận khác	(17,636)	72,536	511.29%
Lợi nhuận trước thuế	84,925	240,736	183.47%
Lợi nhuận sau thuế	67,184	204,932	205.03%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	70,620	188,885	167.47%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	0.00%

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014-2015 của TTF*

## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.18	1.69
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.34	0.59
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.6884	0.5993
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	2.209	1.496
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	0.55	1.07
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.36	0.60
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4.61%	7.45%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5.37%	11.14%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	1.67%	4.46%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	7.03%	6.11%

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2014-2015 của TTF*

## 5.1. Cổ phần

▶ Tổng số cổ phần:

**140.093.940 CP**

▶ Cổ phiếu quỹ:

**464 CP**

▶ Số cổ phần lưu hành chốt 3/02/2016:

**140.093.476 CP**

▶ Số phần hạn chế chuyển nhượng:

**0 CP**

▶ Không có cổ phần ưu đãi

## 5.2. Cơ cấu cổ đông

## 5.2.1. Theo tiêu chí cổ đông lớn – nhỏ:

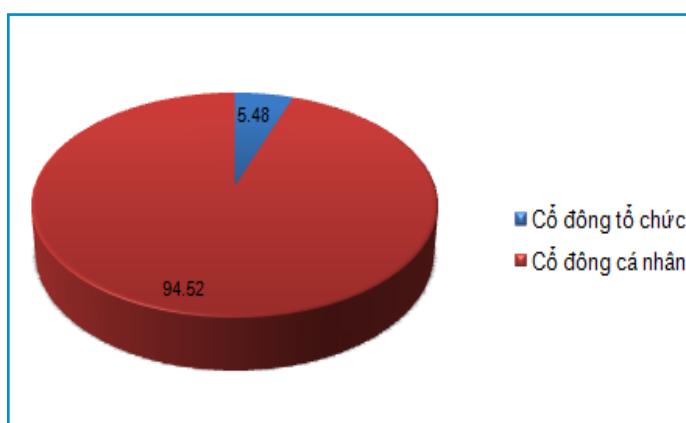
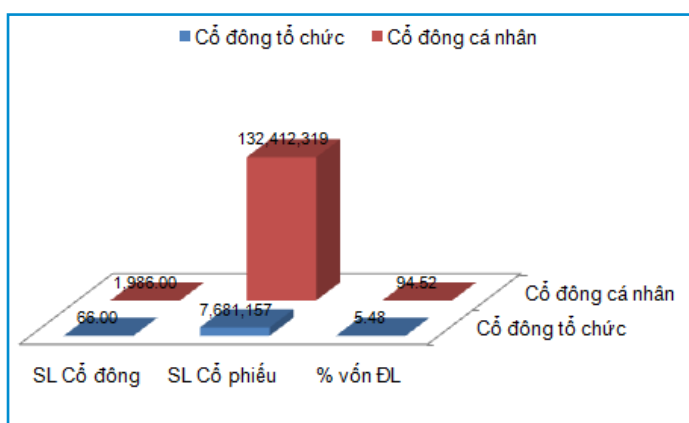
Diễn giải	Chốt ngày 3/02/2016		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông lớn	01	14.700.000	10,49%
Cổ đông nhỏ (đã trừ cổ phiếu quỹ)	2.052	125.393.940	89,51%

*Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 3/02/2016 được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán*

### 5.2.2. Theo tiêu chí cổ đông tổ chức – cá nhân:

Diễn giải	Chốt ngày 3/02/2016		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông tổ chức (đã trừ cổ phiếu quỹ)	66	7.681.157	5,48%
Cổ đông cá nhân	1.986	132.412.319	94,52%

*Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 3/02/2016 được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán*



### 5.2.3. Theo tiêu chí cổ đông trong nước – ngoài nước:

Diễn giải	Chốt ngày 3/02/2016		
	Số lượng cổ đông	Số lượng CP	% Vốn Điều lệ
Cổ đông trong nước (đã trừ cổ phiếu quỹ)	1.993	133.253.100	95,12%
Cổ đông ngoài nước	59	6.840.376	4,88%

*Nguồn: theo danh sách Cổ Đông của TTF chốt ngày 3/02/2016 được cung cấp bởi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán*

### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	400,268,400,000	-	1,400,939,400,000
Thặng dư vốn cổ phần	-	306,850,000	67,347,876,763
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	6,743,618,619	-	6,743,618,619
Cổ phiếu quỹ	-	-	(420,631,294)
Quỹ đầu tư phát triển	2,769,012,130	-	17,170,504,129
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			8,963,110
LNST chưa phân phối	188,885,208,894	25,813,713,585	236,701,053,630
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	16,046,781,200	-	110,576,438,030
<b>Cộng</b>	<b>614,713,020,843</b>	<b>26,120,563,585</b>	<b>1,839,067,222,986</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2015 của TTF*

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng do phát hành 26.567.100 cổ phần cho các nhà đầu tư theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01-14/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/4/2014*

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

5.5. Các chứng khoán khác: Không



# CÁC BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ





## PHẦN 5 CÁC BÁO CÁO - ĐÁNH GIÁ

A

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1

#### Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

##### 1.1. Phân tích tổng quan

###### ► Nhân sự

Sau hai đợt tái cơ cấu nhân sự mạnh mẽ vào năm 2014-2015 đã thanh lọc thay thế và bổ sung được hơn 40% nhân sự có chất lượng, chủ yếu là các cán bộ quản lý sản xuất. Sự thay đổi này góp phần vào việc đạt doanh số ấn tượng trong năm nay và kế hoạch doanh số cho những năm tiếp theo

###### ► Sản xuất

Sau khi tái cơ cấu thành công, tình hình tài chính đã ổn định, dòng ngân lưu tốt hơn nên Ban Điều hành đã nhanh chóng vực dậy đội ngũ quản lý, đặc biệt chú tâm vào quản trị vào quản trị sản xuất và kết quả là doanh thu thực hiện tăng 88,3% so với năm 2014 và tăng 51% so với kế hoạch

###### ► Hệ thống phân phối nội địa

Ngoài việc duy trì các điểm bán hàng Trường Thành trên toàn quốc đã được thiết lập trong nhiều năm qua tại các tỉnh thành trên toàn

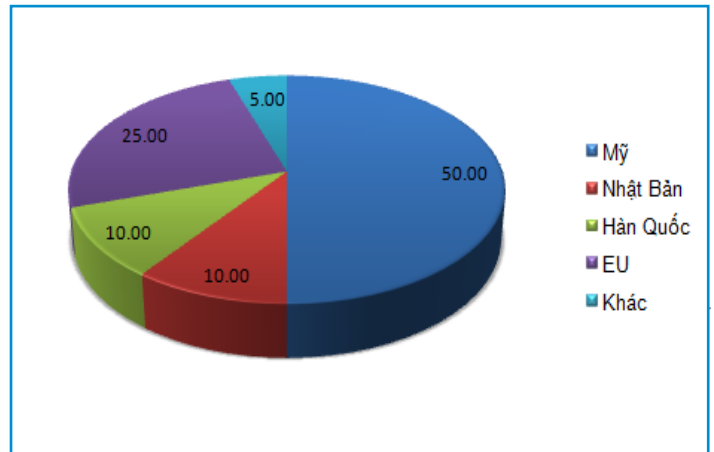
quốc, công ty đang có kế hoạch mở ra 1 flagship store và 10 khu vực bán hàng đồ gỗ trong các trung tâm thương mại của hệ thống Vingroup trong năm 2016 nhằm tăng độ phủ trên thị trường đồ gỗ cao cấp của Việt Nam





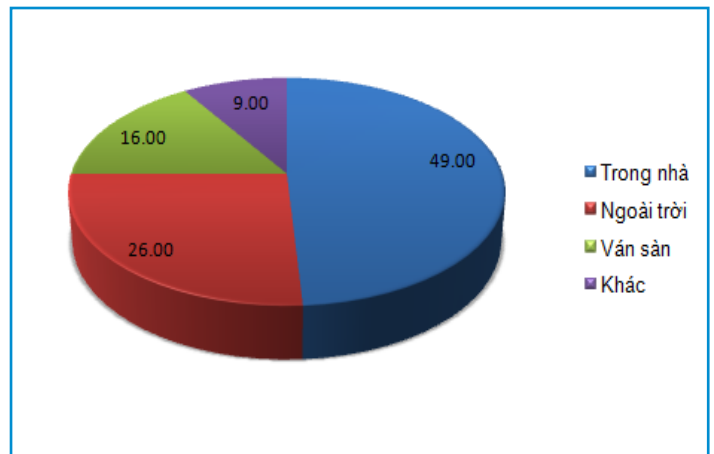
► Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu theo từng khu vực

Mỹ hầu như không thay đổi, vẫn chiếm khoảng 50%. Nhật Bản và Hàn Quốc thì có tăng nhẹ khoảng 10% mỗi thị trường. Riêng Châu Âu thì chiếm 25%. Các thị trường quốc tế khác chiếm khoảng 5%.



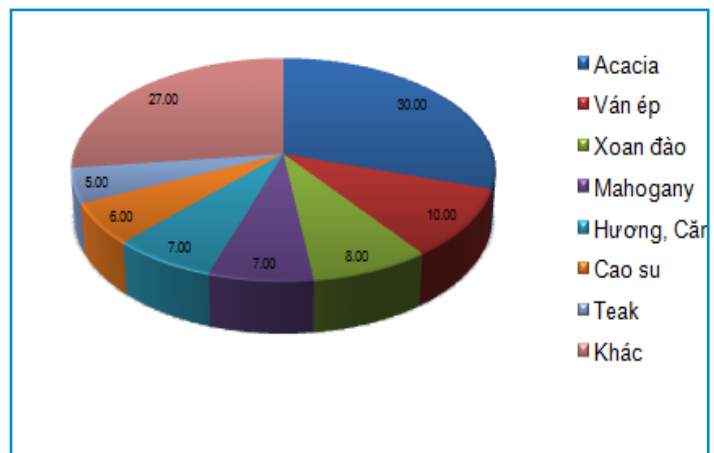
► Dòng sản phẩm

Hàng nội thất chiếm 49%, hàng ngoại thất chiếm 26%, ván sàn/ tương tự chiếm 16%. Còn lại 9% đến từ những dòng sản phẩm khác



► Nguyên liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng cao nhất là Acacia 30%, sau đó đến ván ép 10%, Xoan đào 8%, Mahogany 7%, Hương & Căm xe 7%, Cao su 6%, Teak 5%, còn lại 27% là nhiều loại gỗ khác như Chò chỉ, Bạch đàn, Oak, Cherry....



### ► Tỷ lệ doanh thu xuất khẩu

theo từng khu vực

### ► Khả năng sinh lời

Với việc hoàn thành 100% công tác tái cơ cấu trong năm 2015, lợi nhuận sau thuế đã đạt con số 204 tỷ. Đây là bước khởi đầu cho thấy khả năng sinh lời của công ty với nhiều cơ hội của TTP và cam kết đầu ra của cổ đông chiến lược cũng như rùng đến chu kỳ khai thác sẽ giúp công ty có lợi nhuận lớn kể từ 2016.



## 1.2. Trách nhiệm của Ban Điều hành đối với việc thực hiện không thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015:

Không đạt được lợi nhuận như kỳ vọng của nhà đầu tư.

Các giải pháp cải tiến cho năm 2016 để thay đổi cục diện này:

- Giảm giá vốn hàng bán xuống còn 80%
- Tập trung quản trị sản xuất nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro trễ đơn hàng, rủi ro về vận chuyển...

### 1.3. Những tiến bộ Công ty đạt được

#### a. Cải tiến dòng ngân lưu, giảm chi phí tài chính:

+ Sau khi tái cơ cấu tài chính thành công, công ty đã giảm dư nợ vay từ 15 ngân hàng xuống còn 3 ngân hàng và dư nợ vay từ 1.858 tỷ còn 1.154 tỷ và đến Quý 1 năm 2016 chỉ còn 700 tỷ.

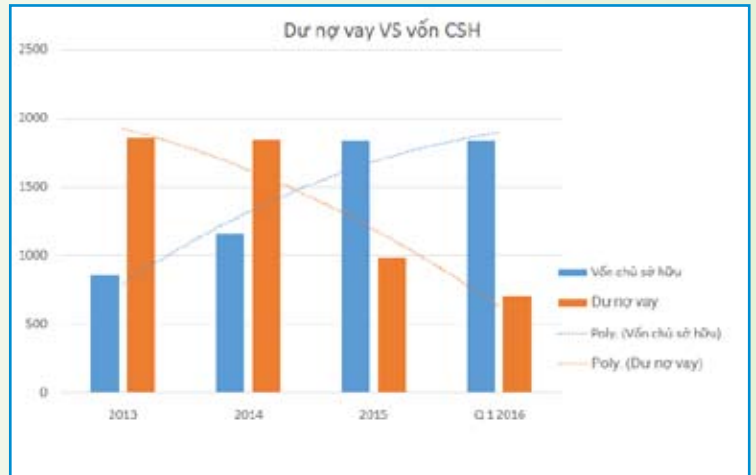
+ Chi phí lãi vay hàng năm (2012-2014) từ 220 tỷ/năm hiện tại chỉ còn 90 tỷ/năm. Tiết kiệm được 130 tỷ chi phí lãi vay hàng năm.

Song song đó đã tăng được vốn chủ sở hữu từ 1.250 tỷ lên 1.839 tỷ. Việc này giúp hệ số đòn bẩy nợ trên vốn chủ giảm đáng kể từ 2.3 lần xuống còn 0.4 lần. Điều này làm tình hình tài chính công ty vững mạnh.

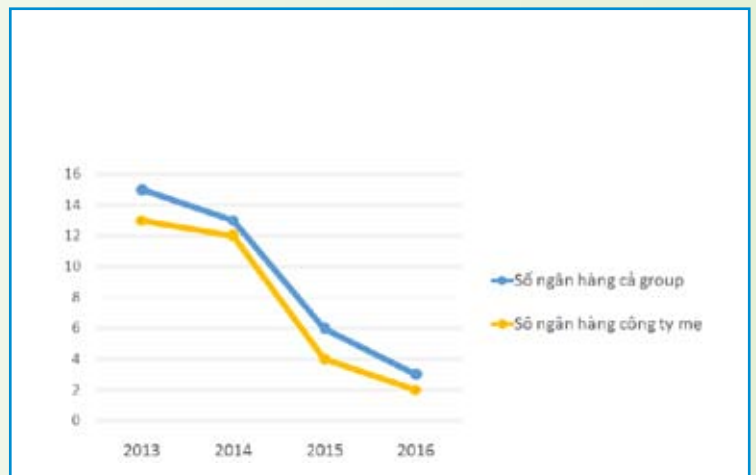
#### b. Cải tiến sản xuất và phát triển sản phẩm:

+ Phát triển thành công dòng sản phẩm ván sàn giá rẻ nhưng chất lượng cao, sử dụng nguyên liệu gỗ trầm rừng trồng của TTF phù hợp với nhu cầu thị trường Việt Nam và các căn hộ cao cấp. Giá thành cạnh tranh với sản phẩm của Trung Quốc, Malaysia nhưng vẫn đạt chuẩn độ cứng nước sơn 8H-là độ cứng cao nhất thế giới

+ Áp dụng thành công chương trình SCORE, giúp hoạt động sản xuất tinh gọn hiệu quả, nâng cao năng suất và giảm giá thành sản xuất.



Biểu đồ dư nợ vay



Số ngân hàng vay vốn



### c) Các giải thưởng trong năm

Với hơn 43 giải thưởng cao quý trong 12 năm qua, năm 2015 TTF đã tiếp tục đạt được các thành tích sau:

- ▶ Giải thưởng "Thương hiệu Hàng đầu Việt Nam - TOP Brands 2015" do Tổ chức Liên kết Thương mại toàn cầu Global GTA (Vương quốc Anh) xét chọn và trao tặng
- ▶ Chứng nhận "Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 2015" do Người tiêu dùng bình chọn
- ▶ Giải thưởng "Báo cáo thường niên Tốt nhất 2015" do UB Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và Báo đầu tư Chứng khoán tổ chức xét chọn và trao tặng



Chủ tịch kiêm TGD Võ Trường Thành nhận giải thưởng "Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015"



## Tình hình tài chính

### 2.1. Tình hình tài sản

► Tăng mạnh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng so với năm 2014 (tăng 104 tỷ đồng, tương đương 857%) do trong năm 2015 Công ty đã có nguồn tiền mạnh từ việc tái cấu trúc vốn bổ sung cho nguồn vốn lưu động để thực hiện đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu đơn hàng lớn ngày càng nhiều.

► Tăng mạnh "Phải thu ngắn hạn khách hàng" so với năm 2014 (tăng khoảng 268 tỷ đồng, tương đương 45 %) do trong năm 2015 Công ty đã thực hiện ký kết thêm nhiều khách hàng mới với giá trị hợp đồng lớn tuy nhiên điều khoản thanh toán trả chậm từ 3 đến 6 tháng dẫn đến các khoản phải thu tăng lên đáng kể so với năm 2014. Đồng thời, khi có các hợp đồng lớn này Công ty cũng chủ động đàm phán kéo dài thời gian thanh toán với các nhà cung cấp nguyên

vật liệu, vật tư đầu vào làm cho các khoản "Trả trước cho người bán" cũng đã tăng 13% (tương đương khoảng 7 tỷ đồng).

► Tiếp tục tăng "Tồn kho" khoảng 4% (tương đương 86 tỷ đồng) chủ yếu do:

+ Tiếp nối thành công từ việc tái cấu trúc tài chính năm 2014, công ty đã mạnh dạn ký kết thêm nhiều đơn hàng mới nhằm đẩy mạnh sự tăng trưởng mạnh mẽ từ năm 2015. Tuy nhiên nguồn vốn thu được từ việc mua bán nợ chủ yếu dùng để mua các nguyên liệu mới cho những dòng hàng mới vì vậy dẫn đến hàng tồn kho vẫn tăng nhẹ vào thời điểm cuối năm 2015.

+ Tổng tài sản dài hạn tăng khoảng 16%, tương đương 151 tỷ đồng. Việc này chủ yếu đến từ việc đầu tư máy móc thiết bị để đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2015 đáng kể.

► Đối với các khoản đầu tư dài hạn:

+ Các khoản đầu tư vào trồng rừng: Công ty đã bắt đầu khai thác với quy mô 250 hecta từ cuối năm 2015 và đã dự kiến thực hiện khai thác khoảng 500 hecta và 1.000 hecta mỗi năm kể từ 2017 đến 2020. Tổng giá trị nguồn thu trong giai đoạn này là 800 tỷ đồng và trung bình mỗi năm là 120 tỷ đồng.

+ Đầu tư vào Quỹ y tế Bản Việt (30 tỷ vốn gốc): Trong năm 2015, công ty đã thu được hơn 8 tỷ đồng vốn gốc và một phần lãi. Trong Quý 1/2016 sẽ thu hoàn được 12 tỷ đồng trong đó vốn gốc là 8,32 tỷ đồng và lãi là 3,68 tỷ đồng.

+ Đầu tư vào dự án BĐS: Trong năm 2015 thị trường đầu ra vẫn chưa hồi phục nên công ty chưa triển khai các dự án và đang tìm đối tác chuyển nhượng các dự án.



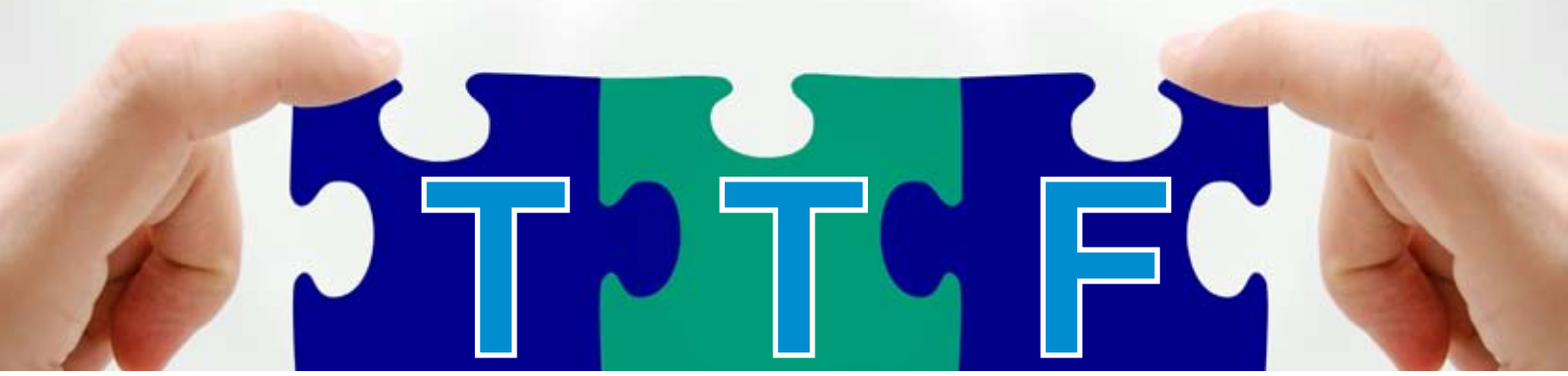
## 2.2. Tình hình nợ phải trả

### Báo cáo tình hình tái cấu trúc tài chính

► Nợ vay ngắn hạn: so với năm 2014, dư nợ ngắn hạn tại các ngân hàng giảm đáng kể 38%, tương đương 704 tỷ đồng trên toàn Tập đoàn (riêng Công ty mẹ thì giảm khoảng 573 tỷ đồng). Các khoản vay này chủ yếu đến từ ngân hàng mới là Việt Á và Đông Á nhằm thực hiện các đơn hàng mới. Mặc dầu đến cuối năm công ty vẫn có lượng tiền gửi khoảng 116.33 tỷ đồng nhưng công ty không dùng để giảm nợ vay mà dùng để đẩy nhanh hoạt động phục hồi sản xuất kinh doanh.

► Tăng "Phải trả cho người bán" hơn 211 tỷ đồng, tương đương 102% so với năm 2014 do hầu hết các nhà cung cấp lớn nhận thấy Công ty đã có dấu hiệu khả quan về tình hình tài chính, và thực hiện nhiều giải pháp tái cấu trúc tài chính hiệu quả trong năm 2015 nên đã đồng ý cho Công ty hạn mức tín dụng thanh toán nợ lâu hơn nữa vì sự hồi phục và phát triển của Công ty cũng kéo theo việc tăng doanh số và kết quả kinh doanh của chính các nhà cung cấp này





### Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2015, Công ty tiếp tục các bước kiện toàn và hoàn thiện cơ cấu quản trị, kiểm soát để đáp ứng với xu hướng phát triển của công ty trong dài hạn và bền vững theo mô hình quản trị tiên tiến:

a) Cơ cấu tổ chức:

Phòng Kiểm soát nội bộ được thành lập và đi vào hoạt động kiểm soát việc thực hiện các chủ trương của Công ty, các quy trình quản lý của các phòng ban nhằm ngăn ngừa những tiêu cực/thất thoát/lãng phí nguồn lực của Công ty.

b) Ban Điều hành:

Thay thế và bổ nhiệm các vị trí quản lý cấp trung và cấp cao bị khuyết.

c) Hệ thống Quản lý chất lượng:

Trong năm 2015 đã tiến hành khảo sát/đánh giá hệ thống ERP, dự kiến sẽ triển khai hệ thống ERP trong 6 tháng cuối năm 2016.

d) Chương trình phát triển đội ngũ:

Triển khai chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa để lựa chọn các ứng viên tiềm năng trong đội ngũ nhân viên và triển khai các hoạt động đào tạo, phát triển năng lực

ứng viên nhằm xây dựng đội ngũ nhân sự cấp cao kế thừa có chất lượng và bền vững trong tương lai;

Song song với chương trình Hoạch định nhân sự kế thừa là chương trình Nhân sự hạng 1 và chương trình Người dẫn đường năm 2016. Với chương trình này sẽ loại bỏ những nhân sự thiếu khả năng hoàn thành nhiệm vụ, từ đó tạo động lực phát triển cho các cán bộ nhân viên.



Hội nghị Ban Giám đốc TTF 2015

#### 4.1. Kế hoạch phát triển Ban điều hành

Tăng cường lãnh đạo cấp cao vào Ban Điều hành nhằm có thực tế quản trị công ty. Qua đó, Hội Đồng Quản Trị chọn lựa Tổng Giám Đốc bổ nhiệm và tách ra vai trò của Chủ Tịch và Tổng Giám Đốc. Ngoài ra cũng tăng cường một số Giám Đốc Khối và Kiểm Soát Nội Bộ cho phù hợp với quy mô một tập đoàn có nhiều công ty con



#### 4.2. Kế hoạch phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh

- Giao chỉ tiêu cao hơn cho các phòng bán hàng Quốc tế và Nội địa với KPI cụ thể và chính sách lương thưởng phù hợp, nhằm nhận được nhiều đơn hàng hơn – Doanh số phải đạt được trong năm 2016 là 2.797 tỷ đồng (Đã giao chỉ tiêu), tăng 237 tỷ đồng so với năm 2015, lợi nhuận sau thuế đạt 323 tỷ đồng
- Khai thác chừng 500ha trong năm 2016 và đẩy mạnh việc khai thác trong năm 2017



và các năm tiếp theo lên đến hơn 1.000ha khi sự gia nhập TPP đã hiệu lực, lúc đó giá gỗ nguyên liệu dự kiến đất đỏ hơn vì xuất xứ TPP

- Tăng năng lực Sản xuất Kinh doanh của các công ty con bằng cách rót vốn vào các Kế hoạch Kinh doanh và dự án đầu tư khả thi nhằm tận dụng nguồn lực máy móc thiết bị và tăng lợi nhuận chung cho Tập đoàn
- Tập trung quản trị sản xuất tốt hơn để năng suất tăng liên tục qua mỗi tháng, khi nguồn vốn cho Sản xuất Kinh doanh được Hội Đồng Quản Trị thu xếp được như kế hoạch.
- Đầu tư:
  - + nhà máy ván sàn:
  - + nhà máy cửa đi:
- Thực hiện các kế hoạch phát triển bền vững và chắc chắn gia nhập được vào VN 30 Index



**1** Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2015, Ban Điều hành có những quyết định mạnh mẽ trong việc tăng vốn và tái cấu trúc tài chính công ty theo nghị quyết của HĐQT, đây là việc rất quan trọng để tạo tiền đề cho công ty phát triển bền vững.

Việc tăng vốn lớn cũng sẽ là áp lực về lợi nhuận về sau với công ty, tuy nhiên với những tiềm lực công ty đang có và cơ hội hội nhập TPP cũng như kỳ khai thác rừng đã đến thì sẽ giúp công ty mang lại lợi nhuận đáng kể.

Điểm đáng lưu ý là Ban Điều hành cần giải quyết các vấn đề tồn tại:

- Hàng tồn kho
- Khoanh vùng các tài sản không sử dụng
- Cải tiến máy móc và tăng năng suất sản xuất



Nhà máy sản xuất của TTF

## 2

## Đánh giá về hoạt động của Ban Điều hành

► Ban Điều hành đã thường xuyên họp để đánh giá các tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình sản xuất kinh doanh và đặc biệt là đề xuất các giải pháp để làm tăng năng suất sản xuất hiện tại lên 50%. Để làm được việc này, BĐH đã mở rộng chính sách lương khoán và điều chỉnh quy chế khen thưởng phù hợp hơn nhằm khuyến khích các CBCNV hoàn thành vượt năng suất, song song đó là loại bỏ những nhân sự chậm tiến bộ, thiếu trách nhiệm và thay thế những nhân tố mới năng động và tính trách nhiệm cao hơn. Kết quả năm 2015, Ban điều hành đã nỗ lực trong việc hoàn thành vượt mục tiêu doanh thu cũng như lợi nhuận, thành tích có được là do sự điều hành của Ban Tổng Giám đốc và sự phối hợp giữa các khối, phòng, ban trong Công ty. Ngoài ra sự kiêm nhiệm vai trò Ban điều hành của các thành viên Hội đồng Quản trị cũng góp phần cho việc thực hiện chính xác theo định hướng của HĐQT và giúp cho HĐQT nắm bắt tình hình và giám sát tốt hoạt động của Công ty

► Với kết quả đạt được hiện nay là khá khả quan, tuy nhiên trong năm 2016 cần phải tiếp tục đẩy mạnh sản xuất kinh doanh thì mới đạt được mục tiêu doanh số và lợi nhuận của năm 2016 trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng trên thế giới giảm. Đây là vấn đề cốt lõi, để được như vậy, BĐH cần phải nỗ lực nhiều hơn, song song đó phải đầu tư mở rộng, với công nghệ mới, tự động hóa cao, có tính đến yếu tố nhân công tăng cao sau 5 à 10 năm nữa



Hội nghị BGD TTF năm 2015

3

### Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

- Nâng cao giá trị thương hiệu thông qua nâng cao thị phần trong nước, mở rộng xuất khẩu
- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất, chất lượng, nghiên cứu sản phẩm mới
- Tối đa hóa năng lực quản trị
- Mở rộng đầu tư nhà máy nhằm tăng năng suất sản xuất
- Thực hiện tốt trách nhiệm với xã hội và môi trường bằng những sản phẩm được nghiên cứu thân thiện với môi trường
- Thực hiện tốt trách nhiệm với người lao động



## 1

**Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2015**

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2015 Ban Kiểm Soát đã họp thường xuyên cũng như trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2015:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Tham gia góp ý kiến về việc sửa đổi điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2014.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.
- Kiểm soát tài chính: Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.



## 2

**Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015**

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty, báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam và các công việc thẩm định do Ban kiểm soát tiến hành đối với các báo cáo này. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập DFK: Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

## ▶ Về tài sản

- Tổng tài sản của Tập Đoàn 2015 đạt 4.589.941 triệu đồng, tăng 14.38% so với năm 2014, tổng tài sản tăng chủ yếu là do khoản phải thu của khách hàng gia tăng. Chi tiết như sau:

- Phải thu của khách hàng tại 31/12/2015 là 865.180 tỷ đồng, trong đó phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ 17.108.277,80 USD tương đương 371.872 triệu đồng. Dự phòng các phải thu ngắn hạn khó đòi là 25.577 triệu đồng.

- Hàng tồn kho tại 31/12/2015 là 2.296.856 triệu đồng, trong đó chủ yếu là nguyên vật liệu tồn kho và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, hai khoản này chiếm 91% tổng giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2015. Tập đoàn đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 46.447 triệu đồng.

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm đang được Tập đoàn cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

- Tài sản cố định của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 485.684 triệu đồng, bao gồm tài sản cố định hữu hình 466.616 triệu đồng và tài sản cố định vô hình 19.068 triệu đồng, tài sản cố định vô hình chủ yếu là giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại Đắk Nông. Toàn bộ tài sản cố định của Tập Đoàn đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

- Đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2015 là 179.681 triệu đồng, bao gồm (i) khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết 113.003 triệu đồng, cụ thể là khoản đầu tư vào công ty TNHH trồng rừng Trường Thành OJI 88.983 triệu đồng và khoản đầu tư vào Công ty Nông Lâm Nghiệp Trường Thành 23.2467 triệu đồng. (ii) các khoản đầu tư dài hạn khác 57.946 triệu đồng, chủ yếu là khoản đầu tư của Tập Đoàn vào cổ phiếu Công ty Phú Hữu Gia.

- Tài sản dài hạn khác của Tập Đoàn, thực chất là công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ; các khoản chi phí thuê đất trả trước và chi phí đền bù đất chờ phân bổ. Tổng tài sản dài hạn khác của Tập Đoàn tại ngày 31/12/2015 là 99.970 triệu đồng.



## ► Về nguồn vốn

- Trong năm 2015 Tập Đoàn đã tiến hành cơ cấu nợ vay, giảm nợ vay ngắn hạn từ các Ngân hàng được xấp xỉ 700 tỷ đồng so với cuối năm 2014. Tỷ lệ nợ vay ngân hàng trên vốn chủ sở hữu hiện nay chỉ còn 0.62 lần và tỷ lệ tổng nợ phải trả so với vốn chủ sở hữu là 1.5 lần.
- Vốn góp của chủ sở hữu tăng trong năm 2015 là do phát hành 40.026.840 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/CP, hoàn tất việc tăng vốn chủ sở hữu từ 1.000 tỷ lên 1.400 tỷ đồng

## ► Tình hình thực hiện chi phí năm 2015

- Năm 2015, mặc dù doanh số tăng trên 88% so với 2014 nhưng chi phí bán hàng chỉ tăng 11% so với năm 2014 và giảm 15% so với kế hoạch 2015. Việc giảm chi phí bán hàng là do việc thay thế một phần vận chuyển từ đường bộ sang đường thủy tại các công trình ở xa, giảm đáng kể chi phí vận chuyển. Ngoài ra, việc đền bù cho các đơn hàng bị chậm trễ cũng đã được hạn chế, do sản xuất đã không còn đình trệ như trước.
- Tuy nhiên chi phí quản lý doanh nghiệp thì tăng đáng kể so với kế hoạch 2015, nguyên nhân là do công ty tuyển bổ sung cán bộ quản lý cấp cao, tuyển dụng nhiều Cán bộ quản lý sản xuất mới nhằm chuẩn bị cho chu kỳ phát triển trong thời gian tới.
- Chi phí tài chính so với kế hoạch 2015 giảm 24%, do Tập đoàn đã tiến hành cơ cấu nợ thành công, giảm nợ vay ngân hàng. Tổng chi phí lãi vay được xóa trong năm 2015 là 146 tỷ đồng.

Ngoài ra, trong năm 2015 Tập Đoàn ghi nhận phát sinh tăng chi phí tài chính 30 tỷ đồng do hạch toán lỗ chênh lệch tỷ giá, đây là rủi ro tỷ giá do chính sách của Nhà nước



## ► Kết quả kinh doanh

Sau khi tái cơ cấu thành công, tình hình tài chính Công ty đã ổn định, dòng ngân lưu tốt hơn và kết quả là doanh thu thực hiện tăng 51% so với kế hoạch 2015, tăng 88,3% so với năm 2014. Cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh được cải thiện, chi phí lãi vay được xóa làm cho lợi nhuận sau thuế tăng đáng kể trong 2015, tăng lên đến hơn 200% so với năm 2014 và vượt 40% kế hoạch kinh doanh 2015

## 4 Công tác quản trị điều hành

### 4.1. Hội đồng Quản trị

Trong năm 2015, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ quý, năm và bất thường theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

HĐQT đã ban hành nhiều Nghị Quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Trong năm 2015, HĐQT đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Công ty như sau:

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 và các giải pháp để đạt mục tiêu kinh doanh
- Các vấn đề về vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh
- Các vấn đề về cơ cấu tài chính và tăng vốn điều lệ
- Thông qua Nghị quyết về việc phát hành 02 khoản vay chuyển đổi.

- Thông qua Nghị quyết về việc đầu tư các nhà máy chuyên sản xuất cửa đi và sản xuất ván sàn các loại với công nghệ cao, tự động hóa.
- Các nội dung đề trình lên ĐHĐCĐ bất thường 2015 và ĐHĐCĐ thường niên 2016



Sản xuất khâu chà nhám tay trong nhà máy của TTF

## 4.2. Ban Điều Hành

Trong năm 2015 Ban Điều hành đã triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT, đặc biệt là đối với việc cơ cấu nợ, phát hành tăng vốn và sử dụng nguồn tiền từ phát hành hai khoản vay chuyển đổi cho đúng mục đích. Ngoài việc sử dụng nguồn tiền phát hành để tái cấu trúc các khoản vay, ban điều hành đã kịp thời bổ sung nguồn vốn lưu động nhằm thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh vượt qua giai đoạn đình trệ trước đây.

Ban điều hành cũng đã kịp thời tuyển dụng bổ sung các nhân sự cấp cao và cán bộ quản lý sản xuất nhằm đáp ứng cho nhu cầu công việc của hiện tại và kế hoạch phát triển trong thời gian tới. Ngoài ra, Ban điều hành cũng đã mở rộng chính sách lương khoán và điều chỉnh quy chế khen thưởng phù hợp hơn nhằm khuyến khích các CBCNV gia tăng năng suất lao động và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kinh doanh



TGD Võ Trường Thành và Cán bộ của TTF



## 5.1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2015

Năm 2015, công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, ngoài trừ chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 30% so với kế hoạch do Công ty phải tuyển bổ sung nhiều nhân sự cấp cao cho kế hoạch phát triển trong thời gian tới, còn các chi phí khác so với kế hoạch đều được tiết giảm, cụ thể chi phí bán hàng giảm 15% và chi phí tài chính giảm được 24% so với kế hoạch 2015.



## 5.2. Tăng vốn điều lệ:

Trong năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc tăng vốn điều lệ từ **1.000.679.390 đồng** lên **1.400.939.400.000 đồng**.

## 5.3. Các vấn đề khác:

Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính 2015: Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015. Thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

## Trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2015:

+ Thù lao HĐQT được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua là **592 triệu đồng**, thực tế đã thực hiện chi trong năm **532 triệu đồng**.

+ Thù lao BKS được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua là **108 triệu đồng**, thực tế đã thực hiện chi trong năm **84 triệu đồng**.

Trong năm 2015, HĐQT và Ban điều hành của Công ty đã có những nỗ lực rất lớn nhằm thực hiện công tác cơ cấu nợ giúp tình hình tài chính của Công ty vững mạnh hơn, sản xuất kinh doanh thì ngày càng ổn định và dần lấy lại được niềm tin của các khách hàng. Các kế hoạch kinh doanh do Đại hội cổ đông đề ra, phần lớn Công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và đặt biệt là chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Mặc dù Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh nhờ cải thiện dòng ngân lưu, nhưng trong thời gian tới HĐQT và Ban điều hành của Công ty cần có những giải pháp mạnh mẽ hơn nữa, nhằm đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, song song với việc đầu tư mở rộng nhà xưởng, đầu tư công nghệ mới, nghiên cứu và phát triển các dòng sản phẩm mới,... nhằm đem lại hiệu quả sử dụng vốn và có nguồn lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông.

Bên cạnh đó, HĐQT và Ban điều hành của Công ty cũng cần chú trọng xử lý các vấn đề còn tồn đọng cũ, đặc biệt là giải pháp giải phóng hàng tồn kho lâu năm, khoản đầu tư tài chính tại dự án Phú Hữu Gia,.. để thu về vốn khả dụng cho công ty.



Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Võ Trường Thành

# QUẢN TRỊ CÔNG TY





## PHẦN 6

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

A

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



### 1.1. Chủ tịch HĐQT

#### Ông Võ Trường Thành

- + Sinh năm 1958, Thạc sỹ QTKD tốt nghiệp tại Hoa Kỳ
- + Có hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 10,04%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 5 đối với công ty con và liên kết

### 1.2. Ủy viên HĐQT:

#### Ông Tạ Văn Nam

- + Sinh năm 1951, tốt nghiệp Đại học Sư phạm
- + Có gần 16 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,11%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty con





### 1.3. Ủy viên HĐQT:

#### Ông Võ Diệp Văn Tuấn

- + Sinh năm 1979, Thạc sỹ QTKD của trường Đại học Kaplan - Hoa Kỳ, Cử nhân QTKD của trường Đại học California State University, Los Angeles, có chứng chỉ Award về Kế toán Tài chính tại UCLA - Mỹ
- + Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đầu tư tại Mỹ và Việt Nam
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,25%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 7 đối với công ty con và liên kết

### 1.4. Ủy viên HĐQT:

#### Ông Đinh Văn Hóa

- + Sinh năm 1962, Cử nhân Đại học Bách Khoa – ngành Kỹ thuật xây dựng
- + Có hơn 25 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý và điều hành quản lý trong ngành xây dựng
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0,12%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 1 đối với công ty con





### 1.5. Ủy viên HĐQT:

#### Bà Diệp Thị Thu

- + Sinh năm 1954, Cử nhân Sư phạm
- + Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành chế biến gỗ
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 3,93%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 3 đối với công ty con

### 1.6. Ủy viên HĐQT:

#### Ông Phương Xuân Thụy

- + Sinh năm 1977, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- + Có 3 năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành ngành chế biến gỗ, và khoảng 10 năm kinh nghiệm điều hành quản lý trong các ngành khác
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 7,02% (đại diện sở hữu cho Công ty CP XNK và CBG Hưng Thịnh)
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 4 đối với công ty ngoài





### 1.7. Ủy viên HĐQT:

## Ông Trần Việt Anh

- + Sinh năm 1978, Cử nhân
- + Có 15 năm kinh nghiệm quản lý điều hành trong lĩnh vực tài chính đầu tư
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2014): 0%
- + Số lượng chức danh HĐQT nắm giữ tại các công ty khác: 2 đối với công ty ngoài



2

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

STT	Tiểu ban	Thành viên
1	Chính sách phát triển	Võ Trường Thành, Phương Xuân Thụy,
2	Nhân sự và Lương thưởng	Trần Việt Anh, Đinh Văn Hóa, Lê Thị Thùy Nga,
3	Tài chính	Võ Diệp Văn Tuấn, Đỗ Ngọc Nam, Đào Ngọc Quyết
4	Pháp lý	Phương Xuân Thụy, Tạ Văn Nam, Đinh Văn Hóa,
5	Công bố thông tin và Quan hệ cổ đông	Bùi Thị Kim Tuyền Võ Diệp Văn Tuấn, Trần Lê Anh Thư, Trần Việt Anh

*Nguồn: HĐQT của TTF*





### 3.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, HĐQT họp tập trung 16 lần và trao đổi qua điện đàm nhiều lần để thảo luận và biểu quyết các vấn đề về

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2015 và các giải pháp tiếp theo để đạt mục tiêu đã đăng ký.
- Các vấn đề về vay vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh
- Thông qua các nội dung sẽ đệ trình lên ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ và đăng ký phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi cổ phần với Công ty cổ phần Chế biến gỗ Trường Thành.
- Thông qua giá chào bán cổ phiếu cho đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 10.000đ/cổ phiếu
- Thông qua việc thành lập Chi nhánh Công ty CP Tập đoàn KNG Trường Thành tại Hà Nội
- Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng phân phối số cổ phiếu còn lại do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền
- Thống nhất phân công lại nhân sự cho các Tiểu ban thuộc HĐQT
- Thông qua bản dự thảo Điều lệ Công ty số 02/TT-HĐQT được sửa đổi bổ sung theo Luật Doanh nghiệp 2014 số 68/2014/QH13, và trình ĐHĐCĐ bất thường thông qua
- Thông qua các nội dung sẽ đệ trình lên ĐHĐCĐ bất thường năm 2015

### 3.2. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, HĐQT tiếp tục duy trì công tác quản trị với xu hướng nâng cao chất lượng quản trị công ty:

- HĐQT đã tổ chức hoạt động phù hợp qui định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị công ty, đảm bảo về số cuộc họp, số thành viên tham dự đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả của cuộc họp
- Các tiểu ban trực thuộc HĐQT tổ chức hoạt động theo các cơ chế hoạt động được xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ được phân công của từng tiểu ban. Hoạt động và kết quả thực hiện của các Tiểu ban đều báo cáo một cách cụ thể, kịp thời cho HĐQT. Mỗi thành viên đều chủ động và tích cực trong việc thực thi trách nhiệm của mình và đóng góp ý kiến vào quyết định chung
- Đưa ra các định hướng triển khai một cách cụ thể, khả thi và giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Trong năm 2015, HĐQT đã đánh giá ứng viên và bổ nhiệm thêm 2 Phó Tổng Giám đốc

### 3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Do đó Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc điều hành và Phó Tổng Giám đốc phụ trách khối Tài chính Kế toán cũng là thành viên HĐQT của công ty nên việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT, Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thực hiện nhanh chóng và suôn sẻ

Trong tình hình Công ty vừa vực dậy sau nhiều năm bị trì trệ, không tăng trưởng, dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, Công ty đã nỗ lực hoàn thành và vượt kế hoạch kinh doanh năm 2015 đã đề ra: cụ thể doanh thu đạt 2.753 tỷ đồng tăng 51,1% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt 188 tỷ đồng tăng 24,5% so với kế hoạch. Đây là một thành tích được HĐQT đánh giá rất cao. Trong năm 2015, Ban Điều hành cùng với HĐQT tập trung tích cực để hoàn thành công tác tái cơ cấu để đưa Công ty trở lại hoạt động mạnh mẽ, vì vậy trong thời gian tới cần tập trung hoàn thiện công tác quản trị nội bộ

### 3.3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành



Có 16 Nghị quyết đã được thông qua. Chi tiết đã được công bố thường xuyên trên trang web của TTF, của Hose, cũng như trong Báo cáo Quản trị năm 2015 ngày 28/1/2015

### 3.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

HĐQT có 3 thành viên không điều hành trực tiếp trong Công ty là Ông Trần Việt Anh, Ông Phương Xuân Thụy và Bà Diệp Thị Thu. Tuy nhiên, ông Phương Xuân Thụy là đại diện sở hữu của cổ đông lớn, chỉ có Ông Trần Việt Anh là thành viên độc lập. Trong năm 2015, Ông Trần Việt Anh - thành viên HĐQT độc lập - đã tập trung rà soát tình hình tài chính của TTF, đưa ra nhiều đề xuất về vốn vay – tái cơ cấu tài chính – quan hệ ngân hàng.

### 3.5. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Tiểu ban Chính sách phát triển: Ban hành qui chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban. Chuẩn bị Đề cương chi tiết cho hoạch định chiến lược phát triển công ty năm 2016 và giai đoạn 2016-2020. Tư vấn cho HĐQT và Ban Điều hành dự án phát triển sản phẩm mới, dự án nhà máy sản xuất ván sàn và cửa đi với công nghệ cao

- Tiểu ban Nhân sự và Lương thưởng: đã rà soát, đánh giá và thực hiện kế hoạch tái cơ cấu nhân sự (tinh giản CBNV yếu kém, bổ sung nhân sự có trình độ chuyên môn), hoàn thành được 80% theo kế hoạch. Song song đó là chương trình hoạch định nhân sự kế thừa, đào tạo đội ngũ CBNV tại chỗ và liên kết đào tạo bên ngoài nhằm hoàn thiện, cải tiến và áp dụng các kiến thức mới nhất vào quản lý đưa Công ty hướng đến một Công ty chuyên nghiệp đủ khả năng đáp ứng các yêu cầu khắt khe nhất của chất lượng, cụ thể các chương trình như sau:

- + Chương trình Score – Dự án phát triển doanh nghiệp bền vững do VCCI với Tổ chức lao động Quốc tế (ILO) phối hợp triển khai gồm năm chuyên đề

- + Chương trình liên kết đào tạo với Viện năng suất Việt Nam, nhằm nâng cao trình độ quản lý cho Cán bộ sản xuất với các khóa đào tạo kỹ năng mềm cho chuyên trưởng tổ trưởng như kỹ năng Làm việc đội nhóm, kỹ năng Giải quyết vấn đề, kỹ năng huấn luyện đào tạo, kỹ năng giao việc, kỹ năng động viên khen thưởng ...

- + Chương trình đào tạo nhằm nâng cao tay nghề cho công nhân với các khóa đào tạo

nội bộ thường xuyên do chính các Cán bộ sản xuất kinh nghiệm lâu năm trong nghề trực tiếp giảng dạy cho công nhân hàng tháng

- Tiểu ban Công bố thông tin và Quan hệ cổ đông:

- + Thực hiện công bố thông tin theo qui định, trong năm 2015 không xảy ra trường hợp vi phạm nào.

- + Thực hiện lập Báo cáo thường niên 2015 của Tập đoàn, được bình chọn vào Top 30 BCTN tốt nhất năm 2015.

- + Trả lời và cung cấp thông tin theo yêu cầu của cổ đông và nhà đầu tư.

- + Tổ chức thành công Đại hội Cổ đông thường niên và bất thường.

- Tiểu ban Tài chính: Hoàn thành 100% công tác cơ cấu nợ và phát hành tăng vốn điều lệ lên 1.400 tỷ

- Tiểu ban Pháp lý: Hoàn thành việc rà soát và đề xuất ĐHCĐ điều chỉnh Điều lệ công ty theo Luật Doanh nghiệp 2014



### 3.6. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Trong thời gian qua, do bận rộn để giải quyết các vấn đề cấp bách trong Công ty, HĐQT của Công ty đã chưa tham gia và có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty dành cho các cán bộ quản lý công ty cổ phần đại chúng. Tuy nhiên, tất cả các thành viên HĐQT đều tìm đọc và áp dụng các nguyên tắc về cơ cấu tổ chức của công ty đại chúng, các nguyên tắc về nghĩa vụ và trách nhiệm của HĐQT cũng như của Ban Điều hành, các nguyên tắc về quyền của cổ đông và thực hiện Đại hội Cổ đông, các nguyên tắc về minh bạch và công bố thông tin ... mà Luật chứng khoán quy định cũng như các Thông tư – Nghị định liên quan đã ban hành.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định về quản trị cũng như các nguyên tắc về quyền cổ đông.



TGD Võ Trường Thành và Cán bộ của TTF

## 1. Giới thiệu Ban Kiểm soát


**1.1. Trưởng Ban Kiểm soát  
Bà Bùi Thị Kim Tuyền**

- + Sinh năm 1983, cử nhân Tài chính - Ngân hàng; cử nhân Luật
- + Có hơn 7 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - ngân hàng;
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2015): 0%


**1.2. Ủy viên Ban Kiểm soát  
Ông Hoàng Anh Tú**

- + Sinh năm 1979, Cử nhân Kinh tế
- + Có hơn 12 năm kinh nghiệm trong nghiệp vụ kế toán
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2015): 0%


**1.3. Ủy viên Ban Kiểm soát  
Bà Trần Lâm Thúy Quyên**

- + Sinh năm 1981, Thạc sỹ Kinh tế Tài chính
- + Có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và trợ lý cho lãnh đạo cấp cao
- + Tỷ lệ nắm giữ CP có quyền biểu quyết (chốt ngày 31/12/2015): 0%

## 2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Với vai trò giám sát tình hình hoạt động đặc biệt là công tác tài chính, trong năm 2015 Ban Kiểm Soát đã họp định kỳ 6 tháng một lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua email, điện thoại để kịp thời nắm bắt các hoạt động của Công ty.

### Các hoạt động của Ban Kiểm Soát trong năm 2015:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
- Tham gia góp ý kiến về việc sửa đổi điều lệ công ty cho phù hợp với Luật Doanh Nghiệp 2014.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đối với HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kiểm soát tài chính: Phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ và đơn vị kiểm toán thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát tính hợp lý, hợp lệ trong việc ghi chép sổ sách kế toán và lập các báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm, nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

Ngoài ra BKS cũng thường xuyên theo dõi các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh, các thông tin bất thường ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty



TGD Võ Trường Thành họp giao ban với Cán bộ của TTF



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

1

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

### 1.1. Hội đồng Quản trị:

Thù lao của HĐQT năm 2015 như sau (theo phê chuẩn của ĐHĐCĐ năm 2015):

**HĐQT là 532 triệu đồng  
(Chủ tịch 100 triệu/năm,  
Thành viên 72 triệu/năm)**

Ngoài ra, HĐQT không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2015

### 1.2. Ban Điều hành

STT	Tên - Chức danh	Thực chi năm 2015
1	Võ Trường Thành - TGD	<b>4.776.495.000 (VNĐ)</b>
2	Tạ Văn Nam - PTGD	
3	Võ Diệp Văn Tuấn - PTGD	
4	Lê Minh Ngọc - PTGD	
5	Đình Văn Hóa - PTGD	
6	Đào Ngọc Quyết- KTT	

Ngoài mức lương như trên, Ban Điều hành không có khoản lợi ích nào khác so với CBCNV trong Công ty

### 1.3. Ban Kiểm soát

STT	Tên - Chức danh	Thực chi năm 2014
1	Bùi Thị Kim Tuyền – Trưởng ban	<b>84.000.000</b> <b>(VNĐ)</b>
2	Trần Lâm Thúy Quyên – thành viên	
3	Hoàng Anh Tú – thành viên	

*Ngoài thù lao trên, BKS không có các khoản lợi ích nào khác trong năm 2015. Và trong năm 2015, BKS cũng chưa nhận khoản thù lao trên do ưu tiên tiền cho những hoạt động sản xuất kinh doanh cần thiết*



### 1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Trong năm 2015, có giao dịch cổ phiếu của những cổ đông nội bộ như sau:

Cổ đông nội bộ	Số CP trước khi giao dịch	Số CP đã mua trong năm 2015	Số CP đã bán trong năm 2015	Số CP sau khi giao dịch
Ngân hàng TMCP Việt Á (Cổ đông chiến lược)	2.875.005	0	2.875.005	0
Tạ Văn Nam (TV.HĐQT)	131.280	0	20.000	111.280
Võ Trường Thành (Chủ tịch HĐQT)	10.042.568	4.657.432	0	14.700.000
Đình Văn Hóa (TV.HĐQT)	119.930	0	115.000	4.930
Cty CP xuất nhập khẩu và chế biến gỗ Hưng Thịnh (Cổ đông lớn)	7.029.397	0	7.029.390	7
Võ Diệp Văn Tuấn	253.497	396.520	0	650.017

*Nguồn: Thông tin đăng tải trên trang website của Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM năm 2015*



### 3

## Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Theo qui định tại Điều lệ Công ty về trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi, các Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác

- ▶ Trong năm 2015, Công ty không nhận được bất kỳ thông báo nào từ các thành viên này với Công ty về việc phát sinh các giao dịch
- ▶ Công ty cũng không có bất kỳ các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng nào cho các thành viên trên hay người có liên quan của họ

### 4

## Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- ▶ Công bố qui định về nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp của nhân viên TTF với các nhà cung cấp, nhà thầu nhằm giảm thiểu thấp nhất rủi ro về tham nhũng
- ▶ Giao nhiệm vụ cho Ban kiểm soát nội bộ giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các qui trình qui định trong công ty nhằm phát hiện nhanh chóng các điểm không phù hợp và kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục phòng ngừa
- ▶ Triển khai hoạt động tự đánh giá mục tiêu của các phòng, ban từng tháng, từ đó giúp cho Ban Điều hành cũng như Hội đồng quản trị nắm rõ tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty



**BÁO CÁO**  
**TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**(ĐÃ KIỂM TOÁN)**





# PHẦN 7 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM  
DFK VIETNAM AUDITING COMPANY

Office in Ho Chi Minh City  
No. 38/8 Lam Son, Tan Binh District T. 848 6296 8684  
No. 426 Cao Thang, District 10 T. 848 3868 3306  
Office in Hanoi Level 25, M3M4 Building, 91 Nguyen Chi  
Thanh, Dong Da T. 844 6268 3006 www.dfk.com.vn

Số: 119.HN/DFK-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty Con (“Tập đoàn”) được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm toán nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành và các công ty Con tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2016

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**

**P. GIÁM ĐỐC**  
  
**NGUYỄN VĂN TUYẾN**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
  
**HÒ ĐẮC HIẾU**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0458-2013-



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	V.01	<b>3,527,789,389,378</b>	<b>3,101,625,957,097</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7,975,637,918</b>	<b>85,895,452,344</b>
1. Tiền	111		7,925,212,937	48,975,452,344
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,424,981	36,920,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>116,330,930,061</b>	<b>12,147,000,000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.1	116,330,930,061	12,147,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,078,891,706,723</b>	<b>752,492,067,708</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	865,180,210,280	596,802,950,966
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		58,770,589,467	51,794,231,345
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	48,500,848,000	47,941,064,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03a	132,016,274,679	74,407,958,611
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.08	(25,576,800,725)	(24,097,719,821)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		585,022	5,643,582,607
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.05	<b>2,296,856,163,607</b>	<b>2,210,607,460,377</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,343,303,696,147	2,221,027,492,659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46,447,532,540)	(10,420,032,282)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27,734,951,069</b>	<b>40,483,976,668</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	1,945,979,126	1,780,084,194
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,995,708,992	36,747,746,898
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15b	23,793,262,951	1,956,145,576



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1,062,151,198,428</b>	<b>910,948,156,146</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39,496,954,816</b>	<b>18,879,016,866</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		26,535,048,589	20,372,649,167
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.03b	17,977,996,219	1,150,000,000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.08	(5,016,089,992)	(2,643,632,301)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>485,684,250,918</b>	<b>390,224,360,940</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	466,616,132,359	365,158,734,518
- Nguyên giá	222		689,227,919,995	556,475,248,069
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(222,611,787,636)	(191,316,513,551)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19,068,118,559	25,065,626,422
- Nguyên giá	228		25,117,729,374	30,373,729,374
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6,049,610,815)	(5,308,102,952)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>257,318,232,189</b>	<b>269,568,365,261</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.07	189,015,343,436	154,636,214,406
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.06	68,302,888,753	114,932,150,855
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>179,681,351,402</b>	<b>167,451,608,838</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.2	113,003,340,590	91,088,483,336
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12.2	58,509,784,766	59,184,784,766
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12.2	(563,773,954)	(104,239,264)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12.1	8,732,000,000	17,282,580,000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>99,970,409,104</b>	<b>64,824,804,241</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	94,658,561,371	58,875,084,787
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	5,311,847,733	5,949,719,454
3. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4,589,940,587,806</b>	<b>4,012,574,113,243</b>



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2,750,873,364,820</b>	<b>2,762,099,347,514</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,088,871,841,096</b>	<b>2,628,798,074,217</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	418,793,289,364	206,920,358,256
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	62,735,159,917	60,714,944,058
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16a	74,346,831,765	99,704,786,770
4. Phải trả người lao động	314		46,863,126,545	32,528,473,144
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	87,630,267,369	173,549,327,932
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		10,755,229,352	47,545,455
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	235,757,857,589	205,796,946,749
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1,154,228,300,752	1,858,302,549,797
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	(2,238,221,557)	(8,766,857,945)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>662,001,523,724</b>	<b>133,301,273,298</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22	30,758,000,473	34,410,523,298
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	2,586,928,000	1,000,000,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	30,000,000,000	97,890,750,000
4. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	598,656,595,251	-



# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>1,839,067,222,986</b>	<b>1,250,474,765,729</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.23	<b>1,839,067,222,986</b>	<b>1,250,474,765,729</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,400,939,400,000	1,000,671,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,400,939,400,000	1,000,671,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67,347,876,763	67,654,726,763
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		6,743,618,619	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(420,631,294)	(420,631,294)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		17,170,504,129	14,401,491,999
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		8,963,110	8,963,110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		236,701,053,629	73,629,558,321
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		66,565,844,735	3,009,610,786
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		170,135,208,894	70,619,947,535
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		110,576,438,030	94,529,656,830
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4,589,940,587,806</b>	<b>4,012,574,113,243</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



**Đỗ Ngọc Nam**  
Người lập biểu



**Đào Ngọc Quyết**  
Kế toán trưởng



**Võ Trường Thành**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 03 năm 2016





# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	<b>2,752,987,675,611</b>	<b>1,461,989,162,084</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1,148,154,482	3,256,043,778
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		<b>2,751,839,521,129</b>	<b>1,458,733,118,306</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	2,406,340,133,166	1,182,583,860,600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		<b>345,499,387,963</b>	<b>276,149,257,706</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	27,841,772,799	16,228,103,111
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	70,501,881,666	63,495,415,556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		181,737,706,065	151,979,159,742
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2,349,097,046)	(2,108,947,107)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	22,883,349,288	20,438,552,655
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	109,406,520,106	103,772,903,223
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>168,200,312,656</b>	<b>102,561,542,276</b>
12. Thu nhập khác	31	VI.07	104,206,274,787	7,462,136,612
13. Chi phí khác	32	VI.08	31,670,280,240	25,098,426,446
14. Lợi nhuận khác / (lỗ)	40		<b>72,535,994,547</b>	<b>(17,636,289,834)</b>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>240,736,307,203</b>	<b>84,925,252,442</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	35,166,445,388	22,157,240,338
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		637,871,721	(4,416,037,416)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>204,931,990,094</b>	<b>67,184,049,520</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		188,885,208,894	70,619,947,535
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		16,046,781,200	(3,435,898,015)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<b>1,504</b>	<b>745</b>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	<b>1,151</b>	<b>532</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

**Đỗ Ngọc Nam**  
Người lập biểu

**Đào Ngọc Quyết**  
Kế toán trưởng



**Võ Trường Thành**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 03 năm 2016

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
----------	-------	----------	----------

## I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>240,736,307,203</b>	<b>84,925,252,442</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34,811,451,644	35,037,918,445
Các khoản dự phòng	03	40,338,573,543	4,253,819,084
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18,401,415,066)	4,500,009,879
Chi phí lãi vay	06	181,737,706,065	151,979,159,742
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>479,222,623,389</b>	<b>280,696,159,593</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(335,887,722,659)	(349,572,736,056)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(157,394,286,818)	(119,870,998,212)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(27,349,664,491)	(214,688,894,317)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(35,949,371,516)	17,421,632,627
Tiền lãi vay đã trả	14	(119,664,071,524)	(59,345,256,609)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(21,030,738,356)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	60,000,000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(724,934,473)	(1,523,416,811)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(218,778,166,448)</b>	<b>(446,823,509,785)</b>

## II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(89,566,187,969)	(57,147,817,870)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12,339,175,493	411,073,470
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(403,556,404,802)	(19,000,000,000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	298,812,690,741	10,460,636,012
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(22,850,000,000)	(675,000,000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	12,002,700,000	1,778,432,000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9,376,636,698	4,147,693,904
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(183,441,389,839)</b>	<b>(60,024,982,484)</b>



# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(Đơn vị tính: VNĐ)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	400,268,400,000	234,263,640,000
Tiền thu từ đi vay	33	2,074,971,133,423	1,275,991,521,244
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2,150,939,791,562)	(983,024,660,531)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>324,299,741,862</b>	<b>527,230,500,713</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(77,919,814,425)</b>	<b>20,382,008,444</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>85,895,452,344</b>	<b>65,513,443,900</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>7,975,637,918</b>	<b>85,895,452,344</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất

**Đỗ Ngọc Nam**  
Người lập biểu

**Đào Ngọc Quyết**  
Kế toán trưởng



**Võ Trường Thành**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 03 năm 2016



THUYẾT MINH  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**HỢP NHẤT**



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015



*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất được đính kèm.



## ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 03/9/2015 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

- ▶ Hình thức sở hữu vốn: **Vốn cổ phần.**
- ▶ Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation.
- ▶ Tên viết tắt: TTFC.
- ▶ Trụ sở chính đặt tại: Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- ▶ Chi nhánh: Đường ĐT 743, Khu phố Bình Phước B, Phường Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- ▶ Văn phòng giao dịch: Lầu 7, Tòa nhà Nguyễn Kim, Số 99 Nguyễn Thị Minh Khai,

### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.



### 3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thực phẩm; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

### 4. Chu năm sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động trồng rừng: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

### 5. Cấu trúc Tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 14 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 14 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

## Công ty con trực tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
<b>Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)</b>	KP 4, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56,470,000,000	51.00%	100.00%
<b>Công ty CP Trường Thành Xanh</b>	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100,000,000,000	60.00%	99.99%
<b>Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành</b>	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60,000,000,000	99.33%	99.97%
<b>Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông</b>	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk nông	60,000,000,000	96.00%	99.44%
<b>Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành</b>	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25,000,000,000	45.60%	97.50%
<b>Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak</b>	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10,000,000,000	-	95.30%
<b>Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông</b>	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50,000,000,000	97.90%	94.75%
<b>Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)</b>	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30,000,000,000	70.00%	70.00%
<b>Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)</b>	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28,000,000,000	70.00%	70.00%
<b>Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)</b>	KP 7, Phường Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126,239,000,000	64.16%	64.16%
<b>Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành</b>	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40,000,000,000	60.00%	60.00%
<b>Công ty CP Trồng rừng Trường Thành (*)</b>	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53,191,490,000	41.00%	46.07%

(\*) Tỷ lệ quyền biểu quyết trên 50%

## Công ty con gián tiếp

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Pắc, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	97.50%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Pắc, tỉnh Đaklak	10,000,000,000	50.00%	51.55%

## Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ góp vốn theo ĐKKD	Tỷ lệ góp vốn thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6,500,000,000	23.08%	43.76%
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51.00%	51.00%
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường Thành	Đường 23/3, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	66,887,500,000	37.17%	37.17%



## II

### NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

**1. Năm kế toán:** bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.



## III

### CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Trong năm tài chính 2015, Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính 2015, Công ty đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/

BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính thay thế Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất năm chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài

chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



## 2. Đầu tư vào Công ty liên kết:

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập

đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.



### 3. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.



Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh nhỏ hơn phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản trong công ty con được mua thì chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là tối đa không quá mười năm.



#### 4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

##### **Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:**

- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- ▶ Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
  - + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

##### **Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:**

- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- ▶ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

## 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.
- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.
- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.
- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## 7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

### ► Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.

### ► Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.



## 8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất năm các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### ► **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

### ► **Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán**

Phần mềm máy tính và phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

### ► **Khấu hao tài sản cố định**

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

<b>Nhà cửa vật dụng kiến trúc</b>	<b>05 - 20 năm</b>
<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>04 - 10 năm</b>
<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>06 - 14 năm</b>
<b>Dụng cụ quản lý</b>	<b>03 - 06 năm</b>
<b>Phần mềm</b>	<b>03 - 10 năm</b>
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>20 năm</b>
<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Theo thời hạn thuê</b>

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.



## 9. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

### ► Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### ► Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được

xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

- Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

## 10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều năm kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các năm kế toán sau.

**Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:**

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

## 11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

**Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:**

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan

đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn



## 12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính:

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ dưới 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

## 13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp:

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong năm dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong năm; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

## 14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

## 15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 16. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi (Vay chuyển đổi)

Nợ chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn (quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu); phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả; quyền chọn chuyển đổi cổ phiếu của nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu. Giá trị các cấu phần của nợ chuyển đổi được xác định như sau:

► Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi của khoản nợ) về giá trị hiện tại theo lãi suất của khoản nợ tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu và trừ đi chi phí phát hành nợ chuyển đổi. Trường hợp không xác định được lãi suất của khoản nợ tương tự, Công ty sử dụng lãi suất đi vay được sử dụng trong phần lớn các giao

dịch trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai.

► Giá trị cấu phần vốn của nợ chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của nợ chuyển đổi tại thời điểm phát hành.



## 17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### ■ Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.



## 18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

**Doanh thu bán hàng** được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ** được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- ▶ Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- ▶ Xác định được chi phí phát sinh cho giao

dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia** của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- ▶ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Thu nhập khác:** bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

## 19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

## 20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

## 21. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

### ► Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, chi phí hàng mẫu, chi phí bao bì, đóng gói, chi phí vận chuyển, chi phí thuê kho, chi phí nhân viên,...

### ► Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.



## 22. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

■ Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

■ Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

■ Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An được hưởng thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

■ Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.





■ Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

■ Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

■ Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

■ Công ty CP TM XNK Trường Thành Đắk Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

■ Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrăk được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Tập đoàn ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.



### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.



### 23. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.



## THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		1,417,305,137	590,687,146
Tiền gửi ngân hàng	(1.1)	6,507,907,800	47,408,460,198
Tiền đang chuyển		-	976,305,000
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	50,424,981	36,920,000,000
<b>Cộng</b>		<b>7,975,637,918</b>	<b>85,895,452,344</b>

(1.1) Bao gồm:	Số cuối năm
- Tiền gửi ngân hàng bằng VND	5,539,291,470
- Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (42,313.12 USD)	949,232,533
- Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (794.04 EUR)	19,383,797
<b>Cộng</b>	<b>6,507,907,800</b>

(1.2) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

2 Phải thu khách hàng		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>			
- AHL		101,176,568,290	140,359,978,425
- PIR		59,311,719,934	44,006,831,564
- LAPGF		62,426,841,299	53,420,720,275
- ALR		48,437,877,805	17,253,983,276
- CPM		43,342,132,314	15,062,229,480
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Trường Vũ		11,081,254,692	40,549,386,512
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam		109,217,117,196	27,426,991,350
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC		76,133,211,160	32,329,355,000
- Công ty TNHH TM và DV Lâm nghiệp Minh Hoàng		92,312,210,025	58,156,639,289
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Hà Sơn Hải		97,129,662,062	14,628,099,776
- Các khách hàng khác		164,611,615,503	153,608,736,020
<b>Cộng</b>	(*)	<b>865,180,210,280</b>	<b>596,802,950,967</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng có gốc ngoại tệ là **17,108,277.80 USD** tương đương **371.872.465.525 đồng**.

3

## Phải thu khác:

a) Ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	1,041,401,394	3,505,685,442
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các tổ chức và cá nhân	86,171,486,278	13,226,937,773
- Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát	23,417,675,770	23,417,675,770
- Phải thu liên quan đến tiền cho mượn đến các bên liên quan của công ty Con	2,702,844,445	7,921,069,324
- Phải thu khoản thuế GTGT tương ứng doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	2,651,469,848
- Phải thu liên quan đến các khoản xuất nguyên liệu, vật tư cho công trình chưa quyết toán	2,146,916,339	1,227,194,893
- Phải thu Bảo hiểm xã hội liên quan đến các khoản chi hộ chưa quyết toán	1,420,898,776	-
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	2,305,230,227	4,160,420,845
- Các khoản tạm ứng	11,863,695,756	12,701,485,341
- Phải thu khác	946,125,695	5,596,019,375
<b>Cộng</b>	<b>132,016,274,679</b>	<b>74,407,958,611</b>

b) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400,000,000	-
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	579,839,296	1,150,000,000
- Phải thu liên quan đến khoản cho mượn (Công ty TNHH XD Đồng Long)	16,998,156,923	-
<b>Cộng</b>	<b>17,977,996,219</b>	<b>1,150,000,000</b>

4 Phải thu về cho vay ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ông Phạm Thừa Tự	280,000,000	280,000,000
- Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300,000,000	300,000,000
- Công ty TNHH XD Đồng Long	-	5,048,576,000
- Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	28,920,848,000	23,312,488,000
- Công ty Cổ phần Quản lý Cụm CN Trường Thành - Ea H'leo	19,000,000,000	19,000,000,000
<b>Cộng</b>	<b>48,500,848,000</b>	<b>47,941,064,000</b>

5 Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng đang đi trên đường	2,732,646,344	3,799,985,585
- Nguyên vật liệu, phụ liệu	1,301,584,803,379	1,331,707,466,061
- Công cụ, dụng cụ	2,076,601,172	1,109,718,210
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	807,072,248,779	673,769,631,644
- Thành phẩm	121,037,297,205	91,268,009,999
- Hàng hóa	51,340,052,703	104,224,388,571
- Hàng gửi bán	57,460,046,564	15,148,292,589
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(46,447,532,540)	(10,420,032,282)
<b>Cộng</b>	<b>2,296,856,163,606</b>	<b>2,210,607,460,377</b>

*Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2015) đang được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.*



6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương (*)	32,500,000,000	32,500,000,000
- Chi phí xây dựng 02 nhà kho theo hợp đồng HĐ03/10:HĐXD-TTBD1 ngày 04/12/2010	-	37,482,166,672
- Chi phí sửa chữa showroom Hà Nội	1,148,413,760	-
- Lô đất (250 m <sup>2</sup> ) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843,700,000	843,700,000
- Dây chuyền sản xuất ván sàn	5,000,000,000	-
- Công trình lò sấy và nền bê tông của phân xưởng sơ chế, ván bóc.	15,148,062,800	-
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, đường nội bộ,... chưa hoàn thành	11,788,005,596	36,037,016,572
- Chi phí xây dựng và mua sắm tài sản khác	1,874,706,597	8,069,267,611
<b>Cộng</b>	<b>68,302,888,753</b>	<b>114,932,150,855</b>

(\*): Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 77, 78, 79 và 80 có tổng diện tích là 10.320 m<sup>2</sup> thuộc tờ khai bản đồ số 11 tọa lạc tại xã Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương từ Ông Phạm Hoài Nam theo hợp đồng chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ngày 07/01/2008 với tổng giá trị nhận chuyển nhượng là 33,5 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 31/12/2015, Công ty đã chuyển cho Ông Phạm Hoài Nam tổng số tiền là 32,5 tỷ đồng nhưng Ông Phạm Hoài Nam vẫn chưa tiến hành làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty. Theo Thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014, Công ty sẽ chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất này (Thuyết minh tại mục 15).

7 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Chi phí trồng rừng tại:</b>		
- Chi phí trồng rừng tại xã Vụ Bản và xã Tân Tiến,... thuộc huyện Krông Pắc, Đắk Lắk	78,756,299,992	63,554,910,106
- Dự án trồng rừng 280,5 ha Krông Năng năm 2008	23,039,811,635	22,188,935,617
- Chi phí SXKD DA trồng rừng 629,9 ha Lăk 2009	18,107,063,905	14,131,752,758
- Chi phí SXKD DA liên kết 77,8 ha M'Đrăk 2009	17,941,526,575	14,052,651,065
- CP SXKD DA trồng rừng 493,5 ha huyện Lăk năm 2011	16,117,928,167	14,064,439,782
- Chi phí trồng rừng khác	35,052,713,162	26,643,525,078
<b>Cộng</b> (*)	<b>189,015,343,436</b>	<b>154,636,214,406</b>

(\*) Trong đó, bao gồm chi phí lãi vay vốn hóa là **8.383.490.892 đồng**. Giá trị tài sản dở dang đang được dùng để thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng - 1 năm	5,900,796,277	-	- Công ty Styl - Đối tượng khác	948,536,891	-	- Đối tượng khác
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 1 - 2 năm	2,350,000,000	-	- Công ty CP Thành Phát - Đối tượng khác	1,439,519,236 1,576,669,741	-	- Tesco International - Công ty TNHH Lâm nghiệp Hoàng Nam - Đối tượng khác
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 2 - 3 năm	1,439,519,236	-	- Tesco International - Đối tượng khác	1,377,496,950 383,126,497	-	- Công ty TNHH Ngọc Nguyễn - Đối tượng khác
Công nợ phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	23,417,675,770	15,562,130,481	Công ty TNHH XD&TM Tân Phát - Công ty AHL - Công ty WS - Đối tượng khác	23,417,675,770	15,837,572,704	Công ty TNHH XD&TM Tân Phát - Công ty AHL - Công ty WS Đối tượng khác
<b>Cộng</b>	<b>48,416,096,207</b>	<b>15,562,130,481</b>		<b>45,788,457,827</b>	<b>16,104,984,765</b>	

## Chi tiết dự phòng phải thu ngắn hạn:

Số dư đầu năm	(26,741,352,122)
Tăng (Do tích lập dự phòng)	(3,851,538,595)
Giảm	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(30,592,890,717)</b>

Nguyên giá	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
Số dư đầu năm	248,185,611,572	280,110,217,619	23,447,610,737	4,731,808,141	556,475,248,069
Tăng	121,882,396,587	8,464,560,404	5,817,993,080	30,500,000	136,195,450,071
Giảm	1,496,948,868	841,202,617	919,078,381	185,548,279	3,442,778,145
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>368,571,059,291</b>	<b>287,733,575,406</b>	<b>28,346,525,436</b>	<b>4,576,759,862</b>	<b>689,227,919,995</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	79,207,684,468	93,338,661,535	15,077,055,965	3,693,111,583	191,316,513,551
Khấu hao trong năm	13,443,274,132	17,716,052,172	2,518,363,554	392,253,923	34,069,943,781
Giảm	1,469,276,122	468,341,194	651,504,102	185,548,279	2,774,669,696
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>91,181,682,478</b>	<b>110,586,372,513</b>	<b>16,943,915,417</b>	<b>3,899,817,228</b>	<b>222,611,787,636</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	168,977,927,104	186,771,556,084	8,370,554,772	1,038,696,558	365,158,734,518
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>277,389,376,813</b>	<b>177,147,202,893</b>	<b>11,402,610,019</b>	<b>676,942,634</b>	<b>466,616,132,359</b>

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; giảm do thanh lý, nhượng bán.

Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.



10 Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm vi tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	24,214,632,000	1,003,209,914	5,155,887,460	30,373,729,374
Giảm do nhượng bán	5,256,000,000	-	-	5,256,000,000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18,958,632,000</b>	<b>1,003,209,914</b>	<b>5,155,887,460</b>	<b>25,117,729,374</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2,920,560,743	840,775,989	1,546,766,220	5,308,102,952
Tăng	420,560,748	63,152,742	257,794,373	741,507,863
Giảm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3,341,121,491</b>	<b>903,928,731</b>	<b>1,804,560,593</b>	<b>6,049,610,815</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	21,294,071,257	162,433,925	3,609,121,240	25,066,626,422
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>15,617,510,509</b>	<b>99,281,183</b>	<b>3,351,326,867</b>	<b>19,068,118,559</b>

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRaI, huyện Ea HLeo, Đắk Lắk	14,884	Lâu dài	1,458,632,000
- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3,770,000	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17,500,000,000
<b>Cộng</b>			<b>18,958,632,000</b>

Tính đến ngày 31/12/2015, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.



11 Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1,332,028,795	832,947,245
- Chi phí bảo hiểm trả trước chờ phân bổ	422,332,220	732,852,500
- Chi phí chờ phân bổ khác	191,618,111	214,284,449
<b>Cộng</b>	<b>1,945,979,126</b>	<b>1,780,084,194</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	18,665,795,670	4,846,065,744
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	551,853,546	494,420,947
- Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ, chi phí đền bù đất chờ phân bổ (*)	75,085,789,076	53,234,306,288
- Phí đánh giá tác động môi trường	288,346,866	288,346,866
- Chi phí chờ phân bổ khác	66,776,212	11,944,942
<b>Cộng</b>	<b>94,658,561,371</b>	<b>58,875,084,787</b>



## 11. Chi phí trả trước (tiếp theo)

### (\*) Bao gồm:

► Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 18.535.154.746 đồng.**

► Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 004/HĐTĐ-CCN ngày 08/12/2011 ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 29.002,1 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A16 thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương trong vòng 50 năm.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là**

**23.014.179.974 đồng.**

► Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 2.290.611.080 đồng.**





► Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 30.524.762.744 đồng.**

► Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 447.583.296 đồng.**



► Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk.

**Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2015 là 273.497.237 đồng.**

12.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Giá cuối năm		Giá đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	116,330,930,061	116,330,930,061	12,147,000,000	12,147,000,000
<b>Dài hạn</b>				
- Các khoản đầu tư khác (*)	8,732,000,000	8,732,000,000	17,282,580,000	17,282,580,000

(\*) Trong năm tài chính này, Công ty đã thoái một phần vốn tại Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt và thu về lợi nhuận là 3.452.120.000 đồng. Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2015 của khoản đầu tư này đang được phong tỏa.

## 12.2 Đầu tư góp vốn

(a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn góp	Vốn góp thực tế đến 31/12/2015	Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty LK, LD	Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty LK, LD
Công ty CP Bao bì Trường Thành	44%	2,000,000,000	(1,226,320,640)	773,679,360
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI (*)	51%	94,930,473,000	(5,947,562,624)	88,982,910,376
Công ty CP Nông Lâm nghiệp Trường Thành	37%	23,525,000,000	(278,249,146)	23,246,750,854
<b>Cộng</b>		<b>120,455,473,000</b>	<b>(7,452,132,410)</b>	<b>113,003,340,590</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 947,520.00 USD.



(b) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

Các khoản đầu tư vào	Số lượng CP	Giá trị đầu tư	Giá trị dự phòng	Giá trị thuần
- Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28,960	279,784,766	-	279,784,766
- Công ty CP Phú Hữu Gia	5,268,000	52,680,000,000	(459,534,690)	52,220,465,310
- Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5,550,000	5,550,000,000	(104,239,264)	5,445,760,736
<b>Cộng</b>		<b>58,509,784,766</b>	<b>(563,773,954)</b>	<b>57,946,010,812</b>

13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chênh lệch tạm thời về thời gian khấu hao máy móc thiết bị và thời gian phân bổ công cụ, dụng cụ	641,411,151	866,126,014
- Hoãn lại lãi chưa thực hiện từ các nghiệp vụ mua bán trong nội bộ Tập đoàn	4,670,436,582	5,083,593,441
<b>Cộng</b>	<b>5,311,847,733</b>	<b>5,949,719,454</b>

14 Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Lâm nghiệp Trường Vũ	-	-	49,761,799,008	49,761,799,008
- Công ty TNHH Tịnh Tiến ĐakNông	39,158,380,755	39,158,380,755	-	-
- Công ty TNHH TM và DV Lâm nghiệp Minh Hoàng	57,533,864,800	57,533,864,800	46,476,949,915	46,476,949,915
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng DLC	32,235,056,724	32,235,056,724	14,618,713,369	14,618,713,369
- Công ty TNHH SX TM Hóa Keo Bình Thạnh	6,540,454,816	6,540,454,816	4,466,155,380	4,466,155,380
- Hợp tác xã An Tiếp	1,561,543,910	1,561,543,910	6,541,173,318	6,541,173,318
- Công ty TNHH Phúc Lợi Khang	710,014,400	710,014,400	5,419,107,050	5,419,107,050
- Công ty CP Vũ Tuấn	110,861,944,566	110,861,944,566	10,062,770,664	10,062,770,664
- Công Ty TNHH Lâm nghiệp & Thương mại Nguyên Thành Phát	1,492,019,053	1,492,019,053	5,907,312,672	5,907,312,672
- Công ty TNHH DV TM Nhật Quốc	29,605,484,333	29,605,484,333	-	-
- Công ty TNHH XD và TM Hà Sơn Hải	38,451,617,017	38,451,617,017	14,711,600,666	14,711,600,666
- Phải trả cho các đối tượng khác	100,642,908,990	100,642,908,990	48,954,776,214	48,954,776,214
<b>Cộng</b>	<b>418,793,289,364</b>	<b>418,793,289,364</b>	<b>206,920,358,256</b>	<b>206,920,358,256</b>

15 Người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản người mua trả trước liên quan đến chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Dĩ An, Bình Dương (Thuyết minh tại mục 6*)	22,000,000,000	22,000,000,000
- Người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ (834,457.80 USD)	17,849,799,609	15,424,465,412
- Các khách hàng khác	22,885,360,308	23,290,478,647
<b>Cộng</b>	<b>62,735,159,917</b>	<b>60,714,944,059</b>

16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp	Số đầu năm			
- Thuế GTGT	66,978,872,411	11,571,982,764	52,276,058,424	26,274,796,750
- Thuế TNDN	28,592,868,708	35,166,445,388	21,030,738,356	42,728,575,740
- Thuế TNCN	3,766,236,019	2,241,648,531	1,692,430,573	4,315,453,977
- Thuế khác và các khoản phải nộp khác	366,809,632	1,130,681,831	469,486,165	1,028,005,298
<b>Cộng</b>	<b>99,704,786,770</b>	<b>50,110,758,541</b>	<b>75,468,713,518</b>	<b>74,346,831,765</b>

b) Phải thu				
- Thuế GTGT chờ hoàn	-	(22,293,667,300)	-	(22,293,667,300)
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(11,237,496)	66,824,704	64,376,208	(8,789,000)
- Thuế nhập khẩu	(1,944,908,080)	1,210,735,589	756,634,160	(1,490,806,651)
<b>Cộng</b>	<b>(1,956,145,576)</b>	<b>(21,016,107,007)</b>	<b>821,010,368</b>	<b>(23,793,262,951)</b>



17 Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	78,301,882,327	134,595,277,086
- Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	147,284,249	28,765,580,232
- Tiền thuê đất còn phải trả	2,525,951,912	-
- Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	4,364,960,846	8,141,878,500
- Chi phí phải trả khác	2,290,188,035	2,046,592,114
<b>Cộng</b>	<b>87,630,267,369</b>	<b>173,549,327,932</b>



18 Phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ xử lý	1,081,229,195	973,244,368
- Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm bắt buộc và lãi chậm nộp bảo hiểm còn phải nộp, chậm nộp thuế	96,566,231,114	86,847,160,488
- Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	48,301,873,260	111,175,063,690
- Phải trả liên quan đến gỗ khai thác nhập dư chưa quyết toán	8,160,159,644	-
- Cổ tức còn phải trả	841,770,500	963,790,800
- Phải trả các bên liên quan của Công ty và các công ty con	9,609,464,003	-
- Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2,038,973,622	2,440,973,622
- Phải trả lợi nhuận hợp tác cho Công ty DLC	3,684,971,099	-
<i>(Thuyết minh VII.1)</i>		
- Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (*)	59,903,026,433	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5,570,158,720	3,396,713,782
<b>Cộng</b>	<b>235,757,857,589</b>	<b>205,796,946,749</b>
<b>a) Dài hạn</b>		
- Nhận đặt cọc, ký quỹ dài hạn	1,000,000,000	1,000,000,000
- Phải trả Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	1,586,928,000	-
<b>Cộng</b>	<b>2,586,928,000</b>	<b>1,000,000,000</b>

(\*) Phải trả Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam (DATC) theo hợp đồng mua bán nợ giữa DATC với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương đối với khoản nợ tại Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 26.903.026.433 đồng); và với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín CN - Đắk Lắk đối với khoản nợ tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 23.000.000.000 đồng), và đối với khoản nợ tại Công ty CP Trường Thành (Số dư nợ tại ngày 31/12/2015 là 10.000.000.000 đồng) về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản nợ phải thu này.

<b>19</b> Vay và nợ thuê tài chính	Số cuối năm	Số đầu năm
------------------------------------	-------------	------------

<b>a) Ngắn hạn</b>			
- Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(*)	1,104,170,095,732	1,797,774,494,777
- Vay từ các Tổ chức	(**)	32,755,205,020	38,936,205,020
- Vay từ các Cá nhân		7,300,000,000	300,000,000
- Nợ dài hạn đến hạn trả (b*)		10,003,000,000	21,291,850,000
<b>Cộng</b>		<b>1,154,228,300,752</b>	<b>1,858,302,549,797</b>

<b>(*) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2015</b>	<b>USD</b>	<b>Tương đương VNĐ</b>
Vay bằng VNĐ		995,964,797,132
Vay bằng USD	4,800,590.00	108,205,298,600
<b>Cộng</b>		<b>1,104,170,095,732</b>

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành và các cá nhân khác, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2015, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 10,25% đến 11%/năm đối với khoản vay bằng VNĐ và dao động từ 5% đến 6,9%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).



19 *Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*

<b>(**) Vay từ các tổ chức</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Công ty CP Phú Hữu Gia	32,455,205,020	33,645,205,020
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành	-	4,000,000,000
- Công ty Vũ Tuấn	-	991,000,000
- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300,000,000	300,000,000
<b>Cộng</b>	<b>32,755,205,020</b>	<b>38,936,205,020</b>

**b) Dài hạn**

- NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	-	78,338,600,000
- NH TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương	40,000,000,000	40,000,000,000
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	3,000,000	844,000,000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>40,003,000,000</b>	<b>119,182,600,000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(10,003,000,000)	(21,291,850,000)
<b>Cộng</b>	<b>30,000,000,000</b>	<b>97,890,750,000</b>

▶ *Vay từ Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 2048/14/HĐTD/0100-2674 ngày 10/12/2014 với số tiền vay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, sửa chữa nhà xưởng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2015 là 10,89%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Nguyên liệu gỗ Teak và thành phẩm tồn kho theo Hợp đồng cầm cố hàng hóa số 2047/14/HĐCC-HH/0100/2674 ngày 10/12/2014 với tổng giá trị là 144.397.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 40.000.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 10 tỷ đồng.*

▶ *Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tp. Buôn Mê Thuột theo hợp đồng tín dụng số LAV201000226 ngày 03/02/2010 với hạn mức tín dụng là 10 tỷ đồng. Mục đích sử dụng: xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2015: 10,5%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2015 là 3.000.000 đồng, đã quá hạn thanh toán.*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>20</b> Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2,238,221,557)	(8,766,857,945)
(*) Bao gồm:		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đầu năm	(8,766,857,945)	
- Sử dụng trong năm	(16,097,980,594)	
- Trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2014	3,876,616,982	
- Tạm trích từ lợi nhuận sau thuế 2015 theo Nghị quyết HĐQT ngày 24/3/2016	18,750,000,000	
<b>- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cuối năm</b>	<b>(2,238,221,557)</b>	

<b>21</b> Trái phiếu chuyển đổi (Vay chuyển đổi):	Số cuối năm	Số đầu năm
- Giá trị phần nợ gốc (*)	603,500,000,000	-
- Phần chênh lệch giữa số lãi phải trả của khoản nợ tính theo lãi suất thực tế và số lãi tính theo lãi suất danh nghĩa	(6,743,618,619)	-
- Phân bổ phần chênh lệch trong kỳ	1,900,213,870	-
<b>Cộng</b>	<b>598,656,595,251</b>	-

(\*) Theo hợp đồng vay chuyển đổi ngày 18/9/2015 được ký giữa Công ty và Công ty CP ĐT XD Đại An và theo Thỏa thuận chuyển giao và sửa đổi hợp đồng vay chuyển đổi ngày 19/11/2015 giữa Công ty, Công ty CP ĐT XD Đại An và Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát. Theo đó, số tiền vay là 603.500.000.000 đồng và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, với mức giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần (tương đương 42.500.000 cổ phần), lãi suất áp dụng đối với khoản vay chuyển đổi là 10%/năm, ngày đáo hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Công ty cấp cho Bên cho vay trên cơ sở không hủy ngang quyền ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn từ ngày thứ 130 đến ngày thứ 120 trước ngày đáo hạn.

22 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp và phần chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	30,758,000,473	34,410,523,298
<b>Cộng</b>	<b>30,758,000,473</b>	<b>34,410,523,297.96</b>

**23** **Vốn chủ sở hữu**  
a) **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2014	Tăng	Giảm	31/12/2014
Vốn góp của chủ sở hữu	735,000,000,000	265,671,000,000	-	1,000,671,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	99,062,086,763	-	31,407,360,000	67,654,726,763
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,271,600,799	138,854,310	-	14,410,455,109
LNST chưa phân phối	3,405,797,956	70,619,947,535	396,187,171	73,629,558,321
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	96,270,554,844	(3,435,898,015)	(1,694,999,999)	94,529,656,829
<b>Cộng</b>	<b>947,589,409,069</b>	<b>332,993,903,830</b>	<b>30,108,547,172</b>	<b>1,250,474,765,728</b>

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	1,000,671,000,000	400,268,400,000	-	1,400,939,400,000
Thặng dư vốn cổ phần	67,654,726,763	-	306,850,000	67,347,876,763
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	6,743,618,619	-	6,743,618,619
Cổ phiếu quỹ	(420,631,294)	-	-	(420,631,294)
Các quỹ	14,410,455,109	2,769,012,130	-	17,179,467,239
LNST chưa phân phối	73,629,558,321	188,885,208,894	25,813,713,585	236,701,053,630
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	94,529,656,830	16,046,781,200	-	110,576,438,030
<b>Cộng</b>	<b>1,250,474,765,728</b>	<b>614,713,020,843</b>	<b>26,120,563,585</b>	<b>1,839,067,222,986</b>

23. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Vốn góp của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
- Phát hành 2.093.415 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	20,934,150,000	20,934,150,000
- Phát hành 37.933.425 cổ phiếu cho các nhà đầu tư cá nhân với giá bán 10.000 đồng/cp, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	379,334,250,000	379,334,250,000
<b>Cộng</b>	<b>400,268,400,000</b>	<b>400,268,400,000</b>

b) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140,093,940	100,067,100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140,093,940	100,067,100
+ Cổ phiếu phổ thông	140,093,940	100,067,100
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu phổ thông	(16,564)	(16,564)
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	140,077,376	100,050,536
+ Cổ phiếu phổ thông	140,077,376	100,050,536
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
<b>* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :</b>	<b>10.000 đồng/cp</b>	<b>10.000 đồng/cp</b>



c) Các quỹ của doanh nghiệp:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển (*)	17,170,504,129	14,401,491,999
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	8,963,110	8,963,110
<b>Cộng</b>	<b>17,179,467,239</b>	<b>14,410,455,109</b>

**(\*) Quỹ đầu tư phát triển** đầu năm đã được trình bày lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, bao gồm Quỹ đầu tư phát triển (10.633.606.960 đồng) và Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang (3.767.885.040 đồng).

d) Lợi nhuận chưa phân phối giảm do:	Số cuối năm
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014	3,876,616,982
- Tạm trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 theo Nghị quyết HĐQT ngày 24/3/2016	18,750,000,000
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	2,769,012,130
- Chi khác phát sinh tại công ty Con	418,084,473
<b>Cộng</b>	<b>25,813,713,585</b>



CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
+ USD	42,313.12	27,233.45
+ EUR	794.04	616.29
<b>b) Nợ khó đòi đã xử lý:</b>	<b>2,687,182,707</b>	<b>2,687,182,707</b>



**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2015	Năm 2014
- Doanh thu bán thành phẩm và hàng hoá	2,582,616,517,005	1,276,168,684,716
- Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	1,895,817,367	2,933,125,795
- Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	152,817,152,296	124,565,827,915
- Doanh thu từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	-	22,931,794,219
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (phí xuất khẩu, cho thuê mặt bằng, gia công...)	15,658,188,943	35,389,729,440
<b>Cộng</b>	<b>2,752,987,675,611</b>	<b>1,461,989,162,084</b>

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2015	Năm 2014
- Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	2,227,024,413,272	1,061,295,275,686
- Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2,147,049,191	2,921,555,704
- Giá vốn các hợp đồng thi công công trình	126,998,373,075	84,535,602,279
- Giá vốn từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	-	13,704,608,272
- Giá vốn dịch vụ	14,142,797,371	19,413,392,372
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	36,027,500,257	713,426,288
<b>Cộng</b>	<b>2,406,340,133,166</b>	<b>1,182,583,860,600</b>



3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2015	Năm 2014
- Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	10,882,123,828	7,321,358,105
- Lãi chênh lệch tỷ giá	9,853,804,907	5,254,222,182
- Lãi liên quan đến việc thoái một phần vốn vào Quỹ đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	3,452,120,000	-
- Cổ tức nhận được	1,201,240	-
- Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong năm	3,652,522,825	3,652,522,825
<b>Cộng</b>	<b>27,841,772,799</b>	<b>16,228,103,111</b>

4. Chi phí tài chính	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí lãi vay	181,737,706,065	151,979,159,742
- Chi phí lãi vay được xóa (*)	(146,985,325,283)	(104,024,288,074)
- Lãi trả chậm thanh toán, chiết khấu thanh toán	-	259,905,723
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	30,311,630,366	15,004,870,838
- Lỗ từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	-	10,448,288,000
- Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	459,534,690	(12,226,720,001)
- Phân chia lợi nhuận hợp đồng hợp tác kinh doanh với DL	3,684,971,099	-
- Phí ngân hàng	1,212,503,284	1,604,837,162
- Chi phí tài chính khác	80,861,445	449,362,165
<b>Cộng</b>	<b>70,501,881,666</b>	<b>63,495,415,556</b>

(*) Chi phí lãi vay được xóa từ:	Năm 2015
- Công ty CP Phú Hữu Gia	(7,324,264,563)
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành	(88,979,364,542)
- Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Việt Á	(44,899,717,916)
- NH Phát triển Việt Nam - CN Đắk Lắk - Đắk Nông	(5,781,978,262)
<b>Cộng</b>	<b>(146,985,325,283)</b>



5. Chi phí bán hàng	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí nhân viên	6,757,273,723	4,316,964,794
- Chi phí vật liệu bao bì	27,337,489	137,654,346
- Chi phí khấu hao TSCĐ	16,575,432	17,108,759
- Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	2,224,905,083	3,431,764,917
- Chi phí xuất hàng	11,515,038,775	4,693,137,288
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,628,147,677	5,279,501,784
- Chi phí bằng tiền khác	714,071,109	2,562,420,767
<b>Cộng</b>	<b>22,883,349,288</b>	<b>20,438,552,655</b>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí nhân viên quản lý	74,413,574,350	61,307,419,128
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2,647,514,334	2,146,655,913
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3,598,284,420	3,183,767,080
- Thuế, phí và lệ phí	2,552,134,567	8,377,393,132
- Chi phí dự phòng	3,851,538,594	15,767,112,796
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,596,200,308	6,985,748,524
- Chi phí bằng tiền khác	6,747,273,532	6,004,806,649
<b>Cộng</b>	<b>109,406,520,106</b>	<b>103,772,903,223</b>

7. Thu nhập khác	Năm 2015	Năm 2014
- Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	460,071,530	411,073,470
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	6,069,600,000	-
- Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	250,621,445	253,073,998
- Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	886,221,750	590,693,183
- Thu nhập do phạt vi phạm	1,260,576,297	1,598,519,857
- Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	160,752,504	1,533,217,861
- Thu nhập từ việc chi hộ	-	1,370,141,587
- Thu nhập từ nhận bồi thường	58,733,000	898,554,534
- Thu nhập từ nợ gốc vay được xóa (*)	93,108,198,962	-
- Thu nhập khác	1,951,499,298	806,862,121
<b>Cộng</b>	<b>104,206,274,787</b>	<b>7,462,136,612</b>

(*) Nợ gốc vay được xóa từ:	Năm 2015
- Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC) (**)	86,358,568,962
- Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng - TMCP Việt Á	6,749,630,000
<b>Cộng</b>	<b>93,108,198,962</b>

(\*\*) Theo biên bản thỏa thuận số 01-2015/BBTT/TTF-VTC ngày 18/6/2015 giữa Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và Công ty CP Vận tải Vũ Thành (VTC), thì sau khi VTC mua lại khoản nợ của Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và hai công ty con là Công ty CP Trường Thành (DL1) và Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2) từ DATC, thì VTC sẽ xóa toàn bộ dư nợ lãi, cũng như xóa một phần nợ gốc tương ứng là **86.358.568.962 đồng**. Vào ngày 30/6/2015, VTC đã có công văn số 01-15/CV/VTC-TTF về việc thông báo xóa lãi và giảm nợ gốc cho Tập đoàn với số liệu như trên.

8. Chi phí khác	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí thanh lý tài sản cố định	114,604,486	157,725,407
- Chi phí phạt	2,444,168,454	1,590,525,234
- Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	15,124,542,222	17,175,757,956
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động,...	1,176,198,942	1,265,612,520
- Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	555,487,630	405,077,182
- Xử lý công nợ	15,751,821	112,131,421
- Thù lao HĐQT và BKS	692,000,000	-
- Chi phí thiệt hại do cháy rừng	6,915,766,027	1,507,512,605
- Chi phí từ việc chi hộ	-	1,371,670,200
- Chi phí tiền thưởng và hỗ trợ khai thác rừng	2,398,750,000	-
- Chi phí khác	2,233,010,658	1,512,413,921
<b>Cộng</b>	<b>31,670,280,240</b>	<b>25,098,426,445</b>

9. Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh tại:	Năm 2015	Năm 2014
- Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	32,707,317,579	17,645,534,984
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	29,203,733	28,290,926
- Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (DL2)	696,991,806	-
- Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	143,083,226	205,905,593
- Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)	1,589,849,044	3,278,937,077
- Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành	-	998,571,758
<b>Cộng</b>	<b>35,166,445,388</b>	<b>22,157,240,337</b>



10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2015	Năm 2014
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>204,931,990,094</b>	<b>67,184,049,520</b>
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	16,046,781,200	(3,435,898,015)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	188,885,208,894	70,619,947,535
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(18,750,000,000)	(3,876,616,982)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	170,135,208,894	74,496,564,517
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	113,100,982	100,050,536
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1,504</b>	<b>745</b>

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do giảm trừ từ việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 được thực hiện trong năm 2015.

11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2015	Năm 2014
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	170,135,208,894	74,496,564,517
- Lãi của trái phiếu chuyển đổi	14,080,466,819	
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	184,215,675,713	74,496,564,517
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	113,100,982	100,050,536
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (*)	47,013,900	40,026,840
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	160,114,882	140,077,376
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1,151</b>	<b>532</b>

(\*) Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm theo hợp đồng vay chuyển đổi với số tiền vay là 603.500.000.000 đồng, giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần (tương đương 42.500.000 cổ phần) (Thuyết minh tại mục V.21\*) và 4.513.900 cổ phần phát hành nhằm hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TT-BD2) (Thuyết minh tại mục VII.3).

## 1

## Các cam kết

► Theo thỏa thuận chi bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền trên đất số 01-2014/TTBT-TTF ngày 19/7/2014 giữa Công ty và Công ty CP Địa ốc Đại Á, Công ty sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại khu đất 10.320 m<sup>2</sup> thuộc Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương với tổng giá trị là 22 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) (Thuyết minh tại mục V.7).

► Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2015/HĐKT/TTF-DLC ngày 20/4/2015 giữa Công ty và Công ty TNHH TM và XD DLC, hai bên cùng góp vốn hợp tác kinh doanh sản xuất hàng ngoại thất xuất khẩu số: TTF-CPS 01/15 OUT ký ngày 10/4/2015 giữa Công ty và CPS với giá trị hợp đồng là **3,519,149.40 USD**. Theo đó, Công ty TNHH TM và XD DLC sẽ góp bằng tiền là **66.389.721.197** đồng và được hưởng lợi nhuận cố định là 5 tỷ đồng dù hợp đồng thực hiện có lãi hoặc lỗ.

► Công ty cam kết trả nợ thay các khoản vay của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An đến Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN ĐakLak trong trường hợp Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành Phước An không đủ khả năng thanh toán các khoản vay đã vay từ Ngân hàng này theo hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008.



► Công ty đang được Công ty CP Trồng rừng Trường Thành thế chấp 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích **848,934 ha** rừng trồng tại Huyện Krông Năng, Tỉnh Đắk Lắk nhằm đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Phú Nhuận với giá trị theo thỏa thuận định giá là **97.500.000.000 đồng**.

► Theo hợp đồng vay chuyển đổi ngày 18/9/2015 được ký giữa Công ty và Công ty CP ĐT XD Đại An và theo Thỏa thuận chuyển giao và sửa đổi hợp đồng vay chuyển đổi ngày 19/11/2015 giữa Công ty, Công ty CP ĐT XD Đại An và Công ty CP ĐT XD Tân Liên Phát. Theo đó, số tiền vay là **603.500.000.000 đồng** và có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, với mức giá chuyển đổi cố định là 14.200 đồng/cổ phần, lãi suất áp dụng đối với khoản vay chuyển đổi là 10%/năm, ngày đáo hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày rút vốn. Công ty cấp cho Bên cho vay trên cơ sở không hủy ngang quyền ("Quyền chuyển đổi") vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn từ ngày thứ 130 đến ngày thứ 120 trước ngày đáo hạn.

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:**

Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu năm đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu năm tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

► Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu năm đầu từ nguồn thu chỉ tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu năm tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

► Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trông chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tĩa thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

► Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu năm sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tĩa thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.



Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- ▶ Chế biến gỗ
- ▶ Trồng rừng
- ▶ Khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ <sup>1</sup>		Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>										
Từ khách hàng bên ngoài	1,858,926	1,181,220	1,768	15,143	891,145	262,371	-	-	2,751,840	1,458,733
Giữa các bộ phận	3,061,241	2,084,569	1,639	19,146	-	-	(3,062,880)	(2,103,715)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,920,167</b>	<b>3,265,788</b>	<b>3,406</b>	<b>34,289</b>	<b>891,145</b>	<b>262,371</b>	<b>(3,062,880)</b>	<b>(2,103,715)</b>	<b>2,751,840</b>	<b>1,458,733</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	276,718	256,724	547	(2,477)	69,554	42,027	(1,320)	(20,124)	345,499	276,149
Chi phí không phân bổ	128,327	116,501	2,506	6,016	1,727	2,131	(277)	(437)	132,283	124,211
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	148,390	140,223	(1,958)	(8,493)	67,828	39,895	(1,043)	(19,687)	213,217	151,938
Thu nhập tài chính	33,902	13,992	(13,512)	6,516	3	2	7,449	(4,282)	27,842	16,228
Chi phí tài chính	50,180	73,788	(11,112)	7,155	(2,601)	2,939	32,683	(20,387)	69,151	63,495
Lợi nhuận khác	69,238	(11,127)	(984)	(1,075)	(1,072)	(1,397)	(716)	(4,037)	66,466	(17,636)
Lãi, lỗ công ty liên kết	(278)	-	(2,138)	(1,958)	341	(151)	(273)	-	(2,349)	(2,109)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38,086	22,110	-	-	-	-	413	(4,368)	38,499	17,741
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>162,986</b>	<b>47,191</b>	<b>(7,481)</b>	<b>(12,166)</b>	<b>69,701</b>	<b>35,410</b>	<b>(27,680)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>197,526</b>	<b>67,184</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	17,741	(2,135)	(587)	(3,491)	(225)	2,190	(884)	-	16,044	(3,436)
<b>Lợi nhuận của cổ đông</b>										
<b>Công ty mẹ</b>	<b>145,245</b>	<b>49,326</b>	<b>(6,893)</b>	<b>(8,675)</b>	<b>69,926</b>	<b>33,220</b>	<b>(26,796)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>181,482</b>	<b>70,620</b>

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
Các thông tin khác										
Tài sản của bộ phận	5,405,901	5,010,700	224,625	228,658	298,513	193,649	(1,338,729)	(1,426,383)	4,590,311	4,006,624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	641	866	-	-	-	-	4,670	5,084	5,312	5,950
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5,406,543</b>	<b>5,011,566</b>	<b>224,625</b>	<b>228,658</b>	<b>298,513</b>	<b>193,649</b>	<b>(1,334,059)</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,595,623</b>	<b>4,012,574</b>
Nợ phải trả của bộ phận	3,427,485	3,581,872	102,588	101,278	175,483	139,979	(941,594)	(1,061,030)	2,763,961	2,762,099
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3,427,485</b>	<b>3,581,872</b>	<b>102,588</b>	<b>101,278</b>	<b>175,483</b>	<b>139,979</b>	<b>(941,594)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,763,961</b>	<b>2,762,099</b>
Chi mua sắm tài sản	136,195	6,898	-	17,500	-	-	-	-	136,195	24,398
Chi phí khấu hao	34,196	30,900	662	3,494	-	495	(47)	149	34,811	35,037

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2014
<b>Doanh thu thuần</b>												
Từ khách hàng bên ngoài	5,978,622	1,300,961	1,971,727	36,034	6,025	891,217	262,371	-	-	8,877,599	1,458,733	
Giữa các bộ phận	(2,149,042)	1,682,052	(913,487)	(351)	49,440	-	(2,103,715)	(2,103,715)	-	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,829,580</b>	<b>2,983,013</b>	<b>1,058,240</b>	<b>35,682</b>	<b>55,465</b>	<b>891,217</b>	<b>262,371</b>	<b>(2,103,715)</b>	<b>(2,103,715)</b>	<b>2,751,840</b>	<b>1,458,733</b>	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	238,713	224,697	33,233	5,226	3,966	69,648	42,084	(20,124)	(20,124)	345,499	276,149	
Chi phí không phân bổ	106,269	95,896	20,488	4,179	4,625	1,624	2,054	(437)	(437)	132,283	124,211	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	132,445	128,800	12,745	1,046	(658)	68,023	40,029	(19,687)	(19,687)	213,217	151,938	
Thu nhập tài chính	30,908	10,916	(10,522)	4	1	3	2	(4,282)	(4,282)	27,842	16,228	
Chi phí tài chính	83,054	48,994	(46,869)	34,634	(140)	282	394	(20,387)	(20,387)	69,151	63,495	
Lợi nhuận khác	69,888	(8,563)	3,105	(5,916)	(533)	105	302	(4,037)	(4,037)	66,466	(17,636)	
Lãi, lỗ công ty liên kết	-	-	(278)	(2,138)	(1,958)	341	(151)	-	-	(2,349)	(2,109)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37,216	21,875	697	143	206	29	28	(4,368)	(4,368)	38,499	17,741	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>112,971</b>	<b>60,283</b>	<b>51,222</b>	<b>(7,148)</b>	<b>(3,214)</b>	<b>68,161</b>	<b>39,761</b>	<b>(3,251)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>197,526</b>	<b>67,184</b>	
Lợi ích cổ đông thiểu số	431	5	16,102	393	480	2	2,094	-	-	16,044	(3,436)	
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>112,540</b>	<b>60,278</b>	<b>35,120</b>	<b>(7,541)</b>	<b>(3,694)</b>	<b>68,159</b>	<b>37,666</b>	<b>(3,251)</b>	<b>(3,251)</b>	<b>181,482</b>	<b>70,620</b>	

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
<b>Các thông tin khác</b>												
Tài sản của bộ phận	4,492,491	4,120,884	1,082,338	1,054,136	66,471	76,680	287,739	181,307	(1,338,729)	(1,426,383)	4,590,311	4,006,624
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	641	866	-	-	-	-	-	-	4,670	5,084	5,312	5,950
Tài sản không phân bổ												
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4,493,133</b>	<b>4,121,750</b>	<b>1,082,338</b>	<b>1,054,136</b>	<b>66,471</b>	<b>76,680</b>	<b>287,739</b>	<b>181,307</b>	<b>(1,421,300)</b>	<b>4,595,623</b>	<b>4,012,574</b>	
Nợ phải trả của bộ phận	2,614,943	2,740,611	928,313	954,050	10,304	15,345	151,995	113,123	(941,594)	(1,061,030)	2,763,961	2,570,448
Nợ phải trả không phân bổ												
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2,614,943</b>	<b>2,740,611</b>	<b>928,313</b>	<b>954,050</b>	<b>10,304</b>	<b>15,345</b>	<b>151,995</b>	<b>113,123</b>	<b>(941,594)</b>	<b>(1,061,030)</b>	<b>2,763,961</b>	<b>2,570,448</b>
Chi mua sắm tài sản	112,612	3,821	23,553	20,577	30	-	-	-	-	-	136,195	24,398
Chi phí khấu hao	25,439	23,452	7,906	9,880	1,513	1,555	-	-	(47)	149	34,811	35,037



Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.513.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.

Ngoài những sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Số liệu đầu kỳ tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.



**Đỗ Ngọc Nam**

Người lập biểu



**Đào Ngọc Quyết**

Kế toán trưởng



**Võ Trường Thành**

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 03 năm 2016

# PHỤ LỤC

*“Chỉ sau khi cái cây cuối cùng bị đốn ngã.  
Chỉ sau khi con sông cuối cùng bị ô nhiễm.  
Chỉ sau khi con cá cuối cùng bị đánh bắt.  
Chỉ khi đó loài người mới hiểu ra rằng tiền không ăn được”.*

Cree Indian Prophecy



## PHỤ LỤC 1

# BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### 1

#### Thực trạng

- ▶ Gần đây nhất, sau đợt hạn hán, nhiễm mặn khiến người dân Tây Nam Bộ điêu đứng, miền Trung lại đối mặt với tai họa mất đường mưu sinh, nguyên nhân không đến từ thiên tai bão lụt như hàng ngàn năm qua, mà vì nước thải tại Vũng Áng (thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh) và vùng biển Lăng Cô (Phước Lộc, Thừa Thiên Huế).
  - ▶ Lần lượt các cánh rừng phòng hộ Ia Puch (Gia Lai), Sóc Sơn, xã Bát Mọt (Thường Xuân, Thanh Hoá), Ba Khâm (Ba Tơ, Quảng Ngãi), Sơn Trà (Đà Nẵng) và vẫn còn nhiều nữa... đang hàng ngày, hàng giờ bị chặt phá không thương tiếc.
  - ▶ Hàng trăm ha cây keo bị bán non để làm giấy, chế biến dăm gỗ xuất khẩu hàng năm, dẫn đến hậu quả năng suất rừng trồng thấp, đất lâm nghiệp bạc màu.
  - ▶ Việt Nam xuất siêu chất xám, trong khi đa số các lao động Việt có trình độ cao tập trung tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân ở nước ngoài hoặc làm việc tại các công ty FDI với mức lương thấp hơn rất nhiều so với người bản xứ và cơ hội tiến thân là vô cùng khó khăn, thì nghịch lý là, rất nhiều doanh nghiệp Việt phải mời mọc các chuyên gia từ nước ngoài về làm việc với thù lao rất đắt đỏ.
  - ▶ Công tác quản lý chất lượng sản phẩm còn lỏng lẻo, dẫn đến người tiêu dùng mất lòng tin vào sản phẩm Việt.
- Và còn nhiều vấn đề đáng lo ngại nữa...



Quan điểm của chúng tôi:

## PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG – TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN BỀN VỮNG

Xây dựng công ty vững mạnh trên thế **KIỀNG BA CHÂN**.

### 1. Bảo vệ môi trường

- Ứng dụng công nghệ thân thiện môi trường.
- Triển khai tiết kiệm, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.
- Chung tay vì màu xanh của trái đất, sự trong lành của các dòng sông và bầu khí quyển.

### 2. Trách nhiệm xã hội

- Phát triển nguồn nhân lực vững mạnh và gắn bó dài lâu.
- Đóng góp sức lực - của cải vào sự phát triển của cộng đồng.
- Quản lý chất lượng ổn định như cam kết với người tiêu dùng.

### 3. Tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận.
- Đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Đóng góp vào ngân sách nhà nước thông qua thực hiện tốt các nghĩa vụ về thuế.



## 1. Cơ chế tiếp nhận ý kiến và cam kết với các bên liên quan

### 1.1. Cơ chế tiếp nhận ý kiến

#### *Đối với cổ đông:*

Công ty luôn xác định Cổ đông là nhân tố trọng yếu ảnh hưởng trực tiếp đến sự thành bại của công ty, cho nên TTF luôn tạo mọi điều kiện để nhà đầu tư có thể tìm hiểu và đóng góp ý kiến trực tiếp về các vấn đề của công ty một cách thoải mái và tiện lợi nhất thông qua các kênh như sau:

- Đại hội cổ đông thường niên
- Tổ chức các buổi tiếp đón nhà đầu tư tại công ty
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư bằng điện thoại, đàm thoại, thư điện tử.
- Giải đáp thắc mắc nhà đầu tư trực tiếp trên website với hình thức “Hỏi-Đáp”
- Tham gia giao lưu tại các hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.

#### *Đối với người lao động:*

- TTF có chương trình phát thanh trực tiếp hằng ngày với mục đích truyền tải thông tin, là nhịp cầu nối giữa người lao động và Ban lãnh đạo và đồng thời là nơi để người lao động trực tiếp góp ý, đóng góp và kiến nghị.
- Người lao động cũng có thể phản ánh trực tiếp các thông tin với lãnh đạo thông qua ý kiến, đề xuất định kỳ 3 tháng/lần.

### 1.2. Cam kết:

#### *Đối với người tiêu dùng:*

- Tối ưu hóa chất lượng sản phẩm với giá thành hợp lý và đa dạng nhằm tạo điều kiện cho khách hàng có nhiều lựa chọn và dễ dàng tiếp cận sản phẩm.
- Bảo đảm an toàn theo chuẩn quốc tế các sản phẩm khi đến tay người tiêu dùng

#### *Đối với cổ đông:*

- Mang lại lợi nhuận tối đa và rủi ro tối thiểu cho nhà đầu tư với giá trị sinh lợi bền vững và lâu dài

#### *Đối với nhà nước:*

- Tuân thủ chính sách, quy định của nhà nước trong lĩnh vực hoạt động
- Tuân thủ các nghĩa vụ về thuế kịp thời và đầy đủ

#### *Đối với người lao động:*

- Đảm bảo an toàn lao động, môi trường làm việc thân thiện và thu nhập ổn định.

#### *Đối với cộng đồng:*

- Có trách nhiệm chia sẻ các giá trị tinh thần và vật chất nhằm chung tay phát triển xã hội và cộng đồng.



## 2. Môi trường và Năng Lượng

### 2.1 Năng Lượng:

Hiện TTF đang có 3 cụm nhà máy chế biến và sản xuất đồ gỗ với các trang thiết bị hiện đại được không ngừng nâng cấp, đảm bảo hạn chế lãng phí nguồn năng lượng. Ngoài ra, kể từ năm 2015, TTF sẽ đặt ra mục tiêu tiết kiệm năng lượng với mức tối thiểu 4%/ năm từ 2016-2020, với các tiêu chí cụ thể như sau:

- Thiết lập hệ thống quản lý năng lượng chuyên nghiệp hướng tới đạt chuẩn ISO 50001.
- Thử nghiệm lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời thí điểm tại khu nhà ăn.
- Sử dụng thiết bị chiếu sáng tiết kiệm năng lượng.
- Thực hiện chương trình kiểm toán năng lượng định kỳ mỗi quý và đưa ra các giải pháp xử lý, cải tiến.

### 2.2 Sử dụng tài nguyên nước:

- Áp dụng chế độ sử dụng nước tiết kiệm với các biện pháp xử lý nghiệm khắc cho các trường hợp lãng phí.

### 2.3 Bảo vệ môi trường trong sản xuất

Các tác động của ngành chế biến gỗ ảnh hưởng đến hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng là:

- + Khai thác gỗ làm tăng đất trống, đồi trọc, giảm sinh khối và oxy, không giữ được nước trong đất dẫn đến lũ lụt, xói mòn.
- + Ô nhiễm bụi, nguồn nước, tiếng ồn, nhiệt, khí độc.



## Giải pháp của Công ty

- + Kiểm soát chất thải trong sản xuất:
  - Chất thải được xử lý bằng hệ thống khép kín, bảo đảm không ảnh hưởng đến nguồn nước và không khí.
  - Tất cả các nhà máy của TTF đều có hệ thống ống hút bụi gỗ và mặc cửa để tái chế và làm ra các sản phẩm ván PB chất lượng cao.



*Hệ thống xử lý bụi tại nhà máy của TTF*

- + Sử dụng nguyên liệu gỗ có 100% nguồn gốc hợp pháp, trong đó khoảng 30% có chứng nhận FSC. Vượt qua 100% các cuộc đánh giá của các nhà mua hàng trên thế giới về nguồn gốc gỗ với đầy đủ tài liệu chứng minh và khả năng truy nguyên.



*Hệ thống xử lý bụi tại nhà máy của TTF*

- + Không sử dụng keo có độc tố Formaldehyde, dùng keo đạt tiêu chuẩn E0 của Châu Âu và F\*\*\*\* của Nhật Bản.
- + Xây dựng nhà xưởng trong khu công nghiệp, hoàn toàn tách biệt khu dân cư.
- + Sử dụng 100% máy móc công nghệ mới, vận hành không gây tiếng ồn vượt ngưỡng cho phép.

## 2.4. Trồng rừng bảo vệ môi trường

- TTF bắt đầu triển khai trồng rừng từ năm 2007 với quỹ đất được cấp hơn 100,000ha. Hiện tại công ty đã trồng được hơn 14,000ha rừng và hướng đến năm 2025 sẽ hoàn thành mục tiêu trồng 50,000 rừng.
- Bên cạnh tự đầu tư, công ty còn vận động liên kết với người dân địa phương triển khai trồng và bảo vệ rừng với hình thức công ty góp vốn- người dân chăm sóc, bảo vệ. Việc này vừa mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân vừa hạn chế việc lấn chiếm rừng làm đất canh tác. Tính đến năm 2016, công ty đã thực hiện được hơn 1200ha rừng dưới hình thức này.
- Ngoài việc trồng và bảo vệ rừng trồng, lực lượng kỹ thuật lâm sinh và bảo vệ của công ty còn tham gia tích cực cùng các công ty lâm nghiệp, Ban quản lý rừng phòng hộ và kiểm lâm tại các địa phương trong công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng tự nhiên, rừng phòng hộ.
- Hằng năm công ty đều kết hợp với chính quyền địa phương tổ chức chương trình khuyến học, trao tặng quà cho đồng bào tại chỗ kết hợp tuyên truyền, tặng thưởng cho người dân có tinh thần trách nhiệm trong việc tham gia bảo vệ rừng.
- Chu kỳ khai thác rừng trồng lấy gỗ của TTF là 10 năm, thay vì 5-7 năm như các doanh nghiệp trồng rừng để bán nguyên liệu làm giấy. Việc khai thác đúng kỳ hạn chẳng những mang lại hiệu quả kinh tế cao cho công ty còn là phương pháp hạn chế tối đa việc giải phóng cacbon dioxin, tác

nhân chính gây ô nhiễm sinh quyển và tài nguyên đất.

- Các cánh rừng của TTF đa phần tập trung tại khu vực thượng nguồn thuộc địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông, là đầu nguồn của các dòng chảy dẫn về các con sông lớn như sông Đồng Nai, cung cấp lượng nước ngọt chính cho cả khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Việc trồng rừng, giữ đất kết hợp bảo vệ và phòng chống cháy rừng tự nhiên của TTF góp phần trọng yếu vào việc cải tạo thiên nhiên, phòng chống lũ và tạo môi trường sống lành mạnh cho hơn 8 triệu người dân tại khu vực.

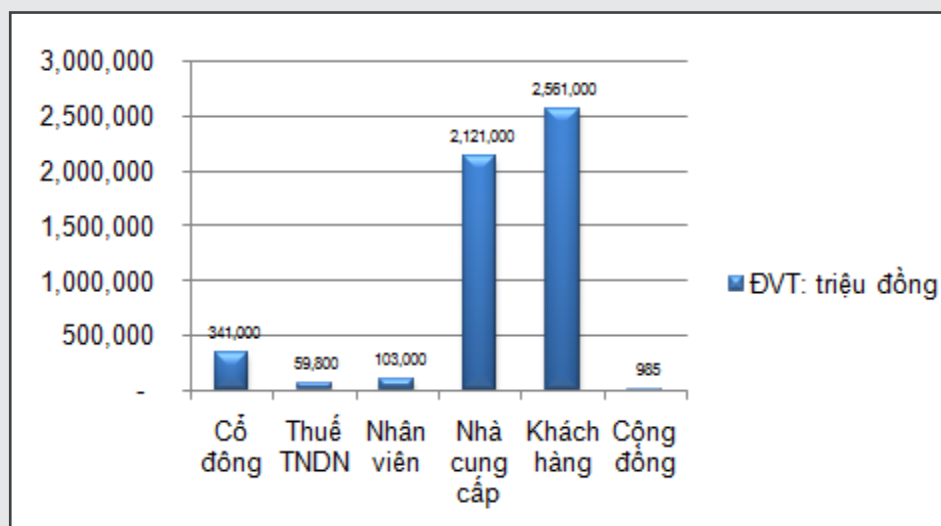


Rừng trồng của TTF tại Đaklak

### 3. Kinh tế

#### 3.1. Hiệu quả kinh tế mang lại cho các bên liên quan

- Cổ đông: lợi nhuận chưa phân phối: 236 tỷ đồng
- Nhà nước: tiền thuế TNDN: 59.8 tỷ đồng
- Nhân viên: lương, thu nhập, phụ cấp: 109 tỷ đồng
- Nhà cung cấp: giá trị giao dịch: 2,121 tỷ đồng
- Khách hàng: giá trị giao dịch: 2,751 tỷ đồng
- Cộng đồng: tiền đóng góp cho xã hội: 985 triệu đồng



#### 3.2. Tác động đến kinh tế gián tiếp

- Tuân thủ và thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế
- Tạo việc làm cho gần 4000 lao động địa phương và nhiều tỉnh/ thành khác.
- Phát triển lâm nghiệp phục vụ sản xuất và đẩy mạnh kinh tế rừng tại địa phương

## 4. Xã hội

### 4.1. Trách nhiệm đối với người lao động

- Tạo việc làm ổn định và bền vững cho người lao động
- Tạo môi trường làm việc an toàn và áp dụng chế độ bảo hộ lao động mạnh mẽ nhằm bảo vệ sức khỏe và tính mệnh của người lao động
- Chăm sóc sức khỏe tức thì và lâu dài cho người lao động thông qua việc mua bảo hiểm y tế bắt buộc và bảo hiểm tai nạn, các chính sách hỗ trợ đặc biệt từ công ty khi người lao động mất khả năng chi trả cho các chi phí khám chữa bệnh.
- Thực hiện toàn diện bảo hiểm xã hội cho 100% người lao động.
- Các chính sách hỗ trợ, khen thưởng người lao động trong dịp lễ, tết và khi có hữu sự.
- Tổ chức công đoàn được tổ chức chặt chẽ, phát huy tối đa nghĩa vụ bảo vệ các quyền lợi của người lao động cũng như đẩy mạnh các phong trào vui chơi giải trí lành mạnh nhằm nâng cao tinh thần làm việc.
- Đào tạo nhân lực và phát triển cán bộ nguồn: định kỳ 6 tháng/lần tổ chức lớp đào tạo nâng cao chuyên môn, tay nghề và kỹ năng làm việc cho người lao động trực tiếp và khối văn phòng với đội ngũ giảng viên được kết hợp giữa lực lượng kinh nghiệm tinh nghề nội bộ và các giảng viên chuyên nghiệp từ các trung tâm đào tạo, đại học uy tín. Kết thúc các lớp đào tạo sẽ có các bài khảo thí nhằm đánh giá năng lực của nhân viên qua đó có sự đề bạt cất nhắc vào vị trí thích hợp.
- Đề cao “Văn hóa Trường Thành” trong đó chú trọng việc hòa hợp trong cư xử và trong công việc; giải quyết mâu thuẫn tranh chấp



Khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV TTF năm 2015

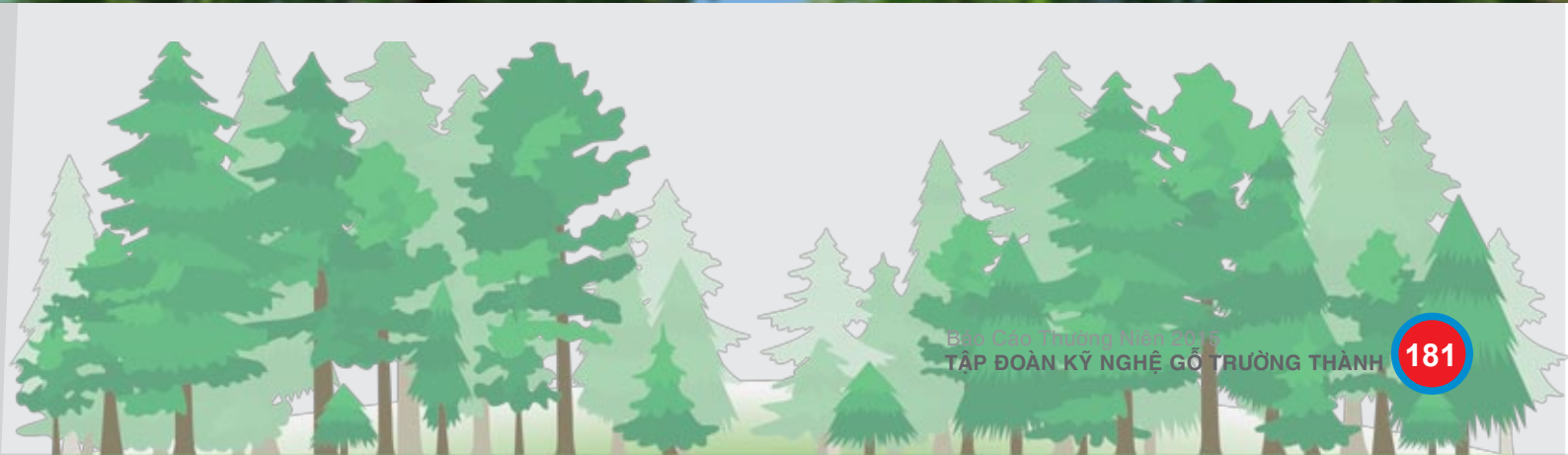
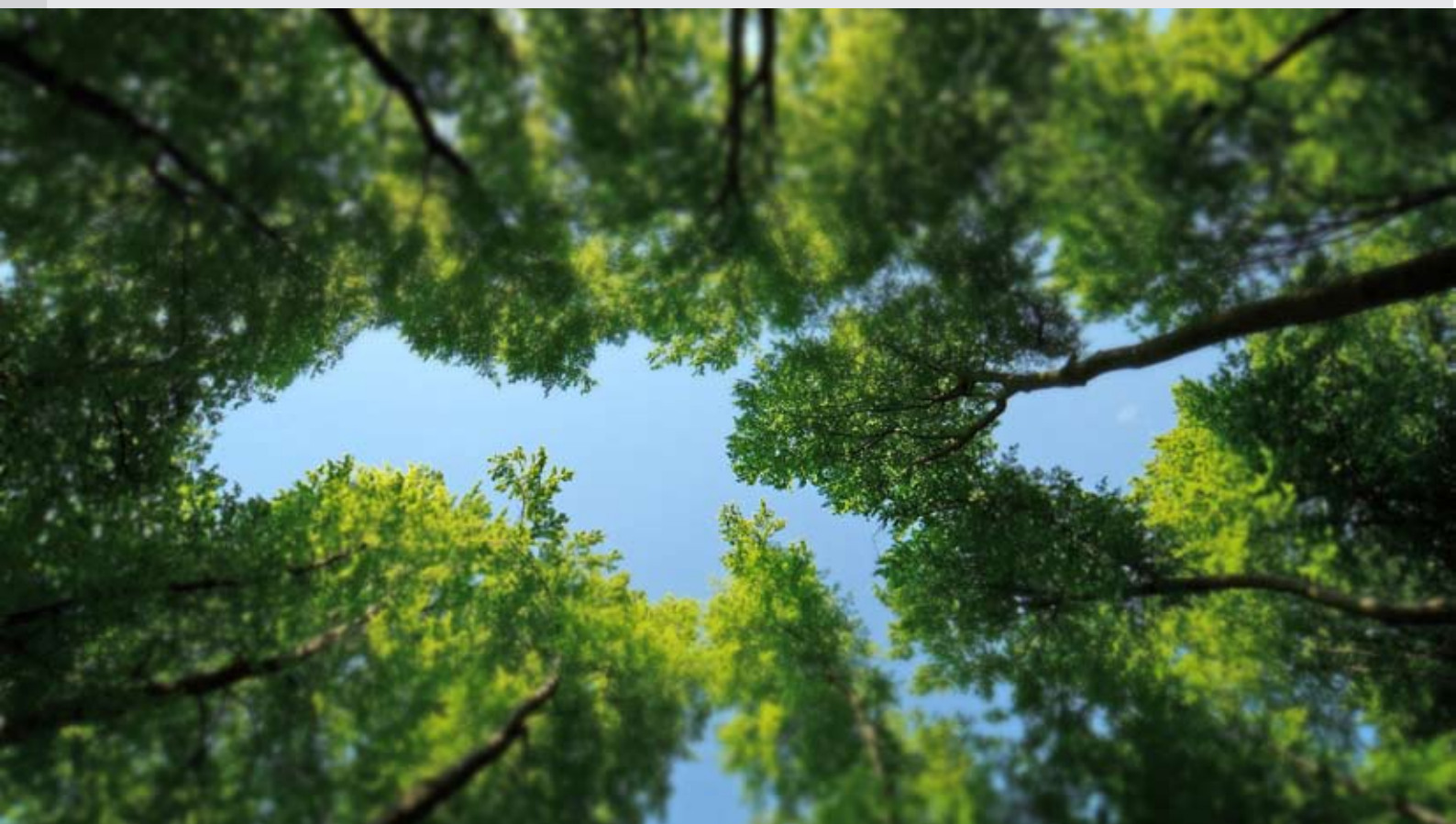
bằng biện pháp ôn hòa; các hành vi cư xử thiếu văn hóa, thiếu tôn trọng đồng nghiệp sẽ được xử lý mạnh tay.

### 4.2. Trách nhiệm với Sản phẩm

- Nguồn nguyên liệu rõ ràng đạt các chuẩn quốc tế như Đạo luật Lacey của Mỹ, Hiệp định FLEGT của EU và các nguồn nguyên liệu có chứng nhận FSC (rừng được quản lý theo các tiêu chí bền vững)
- Các phụ phẩm nhập khẩu 100% với chất lượng chuẩn Châu Âu.
- Tuân thủ tuyệt đối quy chuẩn ISO 9001 đạt được từ năm 2003
- Tạo ra các sản phẩm an toàn cho người lao động và người tiêu dùng với chất lượng cao, hợp thị hiếu và giá thành phù hợp phục vụ nhu cầu của mọi tầng lớp.

### **4.3. Hoạt động vì lợi ích cộng đồng**

- Đóng góp vào chương trình khuyến học bằng việc trao tặng học bổng hằng năm tại Đại học nông Lâm và một số đại học khác.
- Khuyến khích sinh viên đến thực tập, học hỏi tại công ty.
- Tham gia xây dựng và trao tặng nhà tình thương cho người nghèo, các đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương nơi có hoạt động kinh doanh của công ty.
- Trồng rừng để góp phần chống lại biến đổi của khí hậu và làm tăng mức sạch cho sinh quyển.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
Đường ĐT 747, Khu phố 7, Phường Uyên Hưng, Thị xã Tân Uyên, Bình Dương  
Tel: (0650) 3 642 004 - Fax: (0650) 3 642 006  
Email: [contact@truongthanh.com](mailto:contact@truongthanh.com) - Website: [www.truongthanh.com](http://www.truongthanh.com)